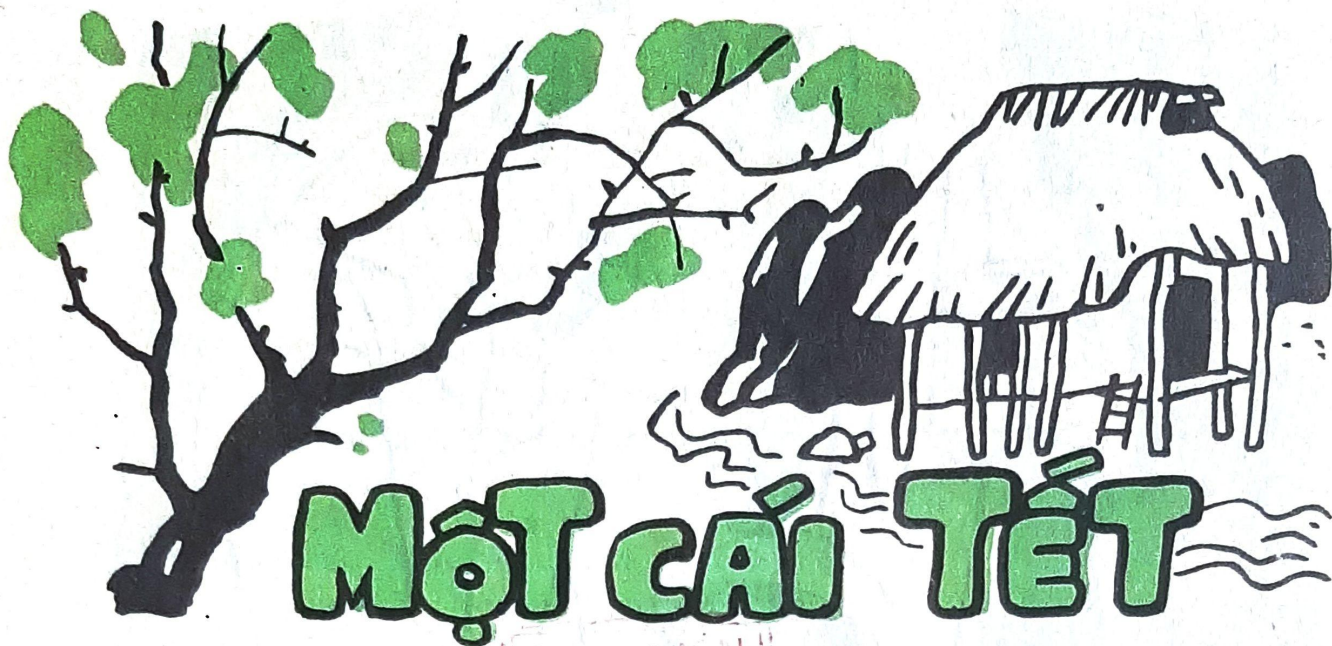
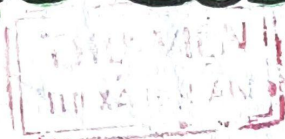


Đất nước vào xuân





8/6/10



NHỮNG bông hoa mai đã nở trắng xóa trên triền núi Các Mác ⁽¹⁾.

Dòng suối Lê-nin ⁽²⁾ trong vắt, trông rõ từng con cá lia thia tung tăng bơi lội.

Mùa xuân sắp về.

Ngày tết sắp tới.

Ở trong bản, đồng bào đang sửa soạn làm bánh.

Các cối giã gạo bằng sức nước, ngày đêm làm việc ục... ục... ào... ào... phơi những cối gạo nếp trắng như bông.

Tiếng rửa lá dong lách tách bên bờ suối. Đồng bào sửa soạn làm bánh tày.

Nơi hia rừng, những đầu củi đang cháy đỏ, đám tro cứ đầy, đầy lên mãi.

Đồng bào sửa soạn làm bánh tro.

Tục xưa đã định vậy. Dù giàu dù nghèo, nhà nào cũng có tục làm bánh ăn tết.

Ở cơ quan bí mật của chú Thu, ai vẫn vào việc này, bình thường, lặng lẽ.

Lần đầu tiên ăn tết ở cơ quan, xa nhà, Nông Thị Trưng nhớ nhà lắm. Nhớ đến bản thân cả người. Nhất là gia đình Trưng vừa bị chia ly. Người thân bị bắt, làng bị đế quốc Pháp đốt phá khủng bố, không hiểu mẹ và các em tết này thế nào? Có ai ra bờ suối đồ gạo vào cối nữa không? Có ai làm bánh cho mẹ và các em không?

(1) và (2) Núi Các Mác, suối Lê-nin: Bác Hồ đặt tên cho ngọn núi cao, con suối trong trước cửa hang Pác Bó.



Trong cơ quan chỉ có một mình Trưng là gái. Trưng được chú Thu cưng, coi như người cháu gái của chú. Xa nhà, đi công tác bị mệt, Trưng được chú Thu dạy dỗ nhiều. Chú Thu dạy Trưng chữ viết, bảo ban Trưng tỉ mỉ trong công tác. Mỗi ngày chú Thu đều giao cho Trưng một việc cụ thể và dặn: «Giờ nào cháu học, giờ nào cháu xuống làng, giờ nào cháu khâu giày, có chia thời gian, cháu mới làm hết được mọi việc đã định trước».

Chú Thu đã dành cho Nông Thị Trưng tình cảm thâm thiết của một người cha và sự chăm sóc ân cần của một người mẹ hiền. Thỉnh thoảng chú Thu lại hỏi Trưng: «Cháu có khỏe không, cháu thêm ăn gì?». Nông Thị Trưng năm đó còn nhỏ tuổi, trả lời thật thà:

— Thưa chú, cháu thêm ăn xoi lắm.

Chú Thu cười hiền hậu. Chú bảo đồng chí Lộc, lúc đó là cấp dưỡng của cơ quan, lấy gạo nếp nấu xoi cho Trưng ăn.

Tết năm ấy, phải xa nhà, Trưng nhớ làng, nhớ mẹ và các em quá! Một buổi chiều, Trưng đành thưa với chú Thu:

— Thưa chú, cháu nhớ nhà lắm, chú cho cháu được phép về nhà ăn tết.

Trưng nghĩ chắc thế nào chú Thu cũng cho Trưng về. Nhưng chú Thu đã nhìn Trưng, ánh mắt hiền từ, chú bảo:

— Cháu à, bọn mật thám thường giăng lưới, bắt cán bộ cách mạng vào dịp này. Vì người thân thiết thường hay sum họp vào ngày tết. Cháu về tức là đem thân vào miệng cọp.

Trưng biết lời chú khuyên là phải, nhưng nỗi nhớ nhà, nhớ bản làng, mẹ và các em khiến Trưng bứt rứt, nước mắt cứ chảy giàn giụa ướt cả hai bên má.

Thấy vậy, chú Thu dùng lời nhẹ nhàng động viên Trưng như mẹ hiền dỗ con nhỏ. Chú lấy cho Trưng chiếc khăn mùi-soa có hoa đỏ và chiếc công gà luộc. Chú bảo: — Đây, quà tết của chú đây. Cháu lau nước mắt đi rồi ăn công gà. Ở gia đình cách mạng rồi cháu cũng vui như ở nhà thôi.

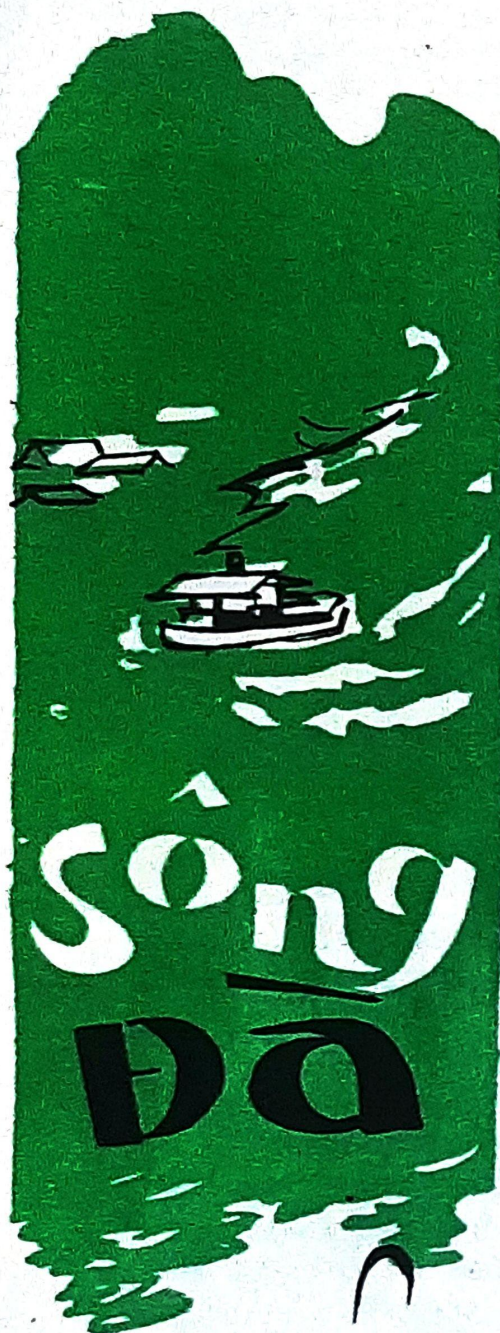
Nhận chiếc công gà từ tay chú Thu, Trưng xúc động càng không ngăn được những giọt nước mắt nóng hổi cứ trào ra hai bên má. Ôi! Chú Thu đã hiểu thấu phong tục người Tày rất quý con trẻ, mổ gà bao giờ cũng phần cho trẻ cái công gà.

Chú Thu lo việc nước lớn lao, nhưng chú Thu lại không bao giờ quên những điều nhỏ nhất, không quên từng món quà cho cán bộ, đồng bào. Chú Thu lo cả đến cái tết sum họp của mỗi gia đình, trong đó có gia đình Trưng.

Nhiều cái tết qua đi, Nông Thị Trưng đã trưởng thành, đã là một cán bộ được đảng tin cậy, nhưng mãi mãi Trưng không quên được cái tết đầu tiên xa nhà.

«Chú Thu», Nông Thị Trưng muốn mãi mãi dùng hai tiếng «Chú Thu» để được nói về Bác Hồ kính yêu.

Mình họa của Nguyễn Bích



mùa xuân
trong
mùa hạ

MÙA xuân đang lướt rất nhanh qua các triền cỏ bên sông. Những phiên chợ Phương Lâm đã bớt các trai gái ở các bản mường từ Mai Châu, Tu Lý trở về. Chợ chỉ còn những dáng áo xanh của thợ sông Đà và áo trắng áo màu mặc hơi sớm của gái trai thị xã.

Những tán gạo bên bờ sông muồn hoa, vẫn giấu màu lửa đỏ rất gọi sau những búp nõn ngày một phồng phao.

Một người thợ sông Đà nói với một người bạn Nga, chuyên gia nõn mìn:

— Mùa xuân ở đây sắp qua rồi, và mùa mưa sắp đến.

Anh bạn Nga mỉm cười:

— Đất nước của các bạn thì mùa hạ vẫn xanh tươi như ở mùa xuân vậy, chỉ nóng quá thôi!

— Thợ sông Đà mùa xuân làm không ngừng mặt lên kịp để nhìn mây, nhìn núi. Mùa hè tốc độ làm việc lại nhanh hơn. Phải vượt mức kế hoạch để đến cuối năm nay mở hội lấp sông được.

— Tức là chúng ta chuẩn bị cho mùa xuân tới thật sự từng bừng. Với người xây dựng thủy điện, ngày hội lấp sông là một ngày rộn rã hơn cả những ngày hội xuân của thời tiết.

Người bạn Nga nói những lời chân thành và chất phác. Từ mồng ba Tết đến nay, không khí làm việc trên công trình thủy điện sông Đà thật vô cùng sôi nổi, nhất là ở công trường đập chính.

Núi Tượng bị bóc ra như quả chuối bị lột vỏ, phơi ra những vỉa đá giống những gương than vùng mỏ. Hàng ngày những tiếng mìn phá

đá nổ, tiếng ầm ầm, nhà cửa như cũng khẽ rung mình. Những tán cây xung quanh đều như lắc lắc theo tiếng nổ. Đất chuyển, rung động như có cuộc động đất nhỏ mà người nhạy cảm, có nghề nghiệp phá mìn mới nhận ra được. Mùa xuân năm nay, thợ sông Đà đã nổ những phát mìn nhồi liên hoàn tới ba mươi tấn thuốc ... Nổ xong, ra nhìn đá toi tả dưới chân núi mà sợ hãi. Suốt một dải công trường, các giàn khoan nhỏ hiện đại cứ lăm li dũi những mũi kim cương vào vỉa đá suốt ngày. Nơi nào có một làn « mây » trắng do bột đá, hơi nước, hơi khói bật ra, nghi ngút ở xung quanh, thì đấy chính là các bãi khoan nhồi để chuẩn bị bắn những phát mìn tiếp tục.

Ở những vỉa đá vừa được bắn xong, đá toi ra thành tảng to nhỏ đều nhau. Lúc bấy giờ các loại gầu xúc, những EKG mới được điều đến theo các ca làm việc. Máy móc cũng có cái đáng vui nhộn lạ thường. Ông Páp-lốp xưa mới phát hiện ra sự phản xạ có điều kiện của động vật. Nghĩa là khi được ăn kèm theo một tín hiệu nào đó, thì động vật hướng hoạt động của mình về phía đó... Những loại máy xúc EKG cần cầu, xe cộ lớn nhỏ, máy húc ở công trường chân núi Tượng cứ như một loại động vật thật sự. Nghe thấy tiếng mìn nổ là chúng mò đến để ăn... đá... Máy móc đang tận dụng cái đáng ưu việt nhất của giống sinh vật. Cuối thế kỷ 20, khoa phỏng sinh học đã ra

đời. Những máy bay phun lực cỡ bự, càng hiện đại lại càng giống hình các loài vật. Tôi nhìn các EKG đều có hình khủng long cả. Những con rồng khổng lồ ấy đang ngoạm những miếng đá... tời gần năm mét khối, nghĩa là một ngoạm của nó ngót nghét bảy tấn. Những khủng long thép ấy lại không nuốt ực đá vào bụng như khủng long cổ nuốt cỏ, nuốt lá, nuốt cây thân mềm...

Ở cái vòng nước khoét lõm xuống phía đầu nguồn của hiện trường nằm chính ình một máy hút nước. Với các ống hút lông thông phía sau, máy có dáng một «con chim nước» bự, họ nhà vịt trời, nằm đấy mà vét đi các loại bùn, loại nước rớt từ mặt công trình xuống...

Thợ cạp bờ kênh bê-tông vẫn làm việc. Thợ Nga bên thợ Việt. Dọc theo dòng kênh trị thủy này, từ lòng sông trở lên phải cạp đê tạo thành khối bê-tông chạy dài vững chắc... Đê sẽ góp phần quan trọng cho hội lấp sông dự kiến vào mùa khô 1982-1983 sắp tới. Thân đê đã hình khối đồ sộ. Thợ hàn đang hàn những khung thép giàn, dài theo sườn kênh để tiếp tục vữa bê-tông vào, chặn nước phía dòng sông bị xê dọc kia, không cho chảy vào hiện trường sồi động này... Hàng đèm khu đập chính chỉ máy móc cỡ bự làm việc cùng nhau.

Những vầng sao đục tỏa từ các dãy đèn pha lớn rọi sáng cả một hiện trường to... Những đường công trường hằn in trong vùng lòng chảo đá. Những mặt bằng công



nh nghiệp thấp cao có những đèn tác nghiệp thấp theo những tín hiệu quy định... Ban đêm, bờ phải nhìn sang bờ trái, nhìn các nơi khác trên toàn bộ công trình, ta thấy những ngọn đèn dừng gác kiêu mới. Lòng tôi thoáng nhớ tới những ngọn đèn xanh đỏ nhỏ xíu trong cuộc chiến đấu chống Mỹ thuở nào, một thứ liên tưởng bất ngờ cứ đến, ngăn không nổi. Những ngọn đèn công trường này có vẻ ngoài rất đối trảm tư... Trừ hai ngọn pha sáng sang màu ngọc phía xa... các pha đèn công trình trầm lặng, nghiêm trang cần cù, thức suốt đêm để đảm bảo cho các ca làm việc no đầy ánh sáng và an toàn tuyệt đối. Ôi, hóa ra mỗi máy móc cũng có một hồn riêng mà mỗi người có thể nhận được cái hồn ấy khác nhau, tùy theo sự gần bó với nó...

Sông Đà chạy đến cửa ngõ Hòa Bình thì mở ra hai triền đất. Từ Chợ Bờ đồ xuống, sông chạy trong hai thành vách đứng. Đến thị xã, sông bồi lên những mặt bằng như

thềm bung nở một đài hoa... Người xây dựng công trình Sông Đà đã cấm các khu dân cư, các công trình phụ trợ ở ngay cái đài hoa ấy... Cũng cần nói thêm rằng đất ấy trước đây là đất ruộng Thịnh Lang, một làng trù phủ thuộc ngoại ô thị xã... Khi xây dựng sông Đà, Bộ xây dựng đã chủ trương rất đúng đắn. Nếu như người thợ xây dựng công trình Thác Bà phải bảy lần xây dựng nhà ở bằng tranh tre, nứa lá tạm bợ, thì thợ sông Đà hiện nay, đã yên tâm, đang hoàng sinh hoạt trong các khu nhà ở kiên cố. Hàng loạt nhà ở, từ một tầng đến năm tầng, đã được xây cất. Chưa kể khu nhà chuyên gia bốn tầng, kiến trúc đẹp, có bể bơi, câu lạc bộ, nhà hát.

Mỗi căn hộ có gắn máy điều hòa và buồng tắm có hai vòi nước nóng, lạnh... theo quy hoạch, tám tiền khu phía tả ngạn đã xây dựng được quá nửa công việc khu cơ quan, khu nhà tập thể, nhà hát, ở chen cái với các khu nhà máy phụ trợ. Ở giai đoạn đầu này,

ngoài công việc ở công trường đập chính và việc đào đường ngầm vào núi xây dựng nhà máy nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng các công trình phụ trợ, bao gồm 23 hạng mục công trình. Xin tạm kể: đường giao thông, đường dây cao thế, trạm cấp nước, trạm cấp ô-xy; các trạm bơm, trạm biến thế; xí nghiệp sửa chữa ô-tô; xí nghiệp sửa chữa các loại bánh xích, máy đầm, máy cầu, máy lức; xí nghiệp bê-tông; xí nghiệp sửa chữa ca-nô, tàu thủy; kho cảng kỹ thuật. Những nhà máy, trạm, cảng ấy đã cùng một lúc được xây cất, cái đã hoàn thành; cái đã vượt được giá nửa, được hai phần ba công việc... Cũng phải kể cả chiếc cầu phao nổi hai bờ nam bắc, những bến phà dự liệu thi công mùa mưa hoặc khi cắt cầu phao... Trong mấy năm mà làm hàng chục vạn mét vuông nhà ở, xí nghiệp; lắp ráp bao nhiêu thứ máy móc phụ trợ phục vụ công trình sông Đà, đủ biết thợ và cán bộ kỹ thuật ở đây, phải nỗ lực đến chừng nào...

Tả ngạn sông Đà, khu dân cư, nhà máy phụ trợ với tám tiểu khu ấy thực sự đã có dáng dấp một thành phố của thợ thuyền. Nhà cửa, xí nghiệp, bố trí khá hài hòa, trang nhã. Đứng từ núi Tượng nhìn sang, khu dân cư này nằm gọn trong thung lũng nhỏ. Nổi rõ hơn cả là các nhà bốn, năm tầng, sơn màu sáng, đứng rải rác trong thung lũng. Mùa hè, mặt trời lên, thủ phủ của công trình sông Đà sáng lên màu kỳ ảo. Thiên nhiên đẹp, hùng. Dòng sông ửng hồng lên trong rừng

đỏ ban mai. Ở những thung lũng xa, những đỉnh núi đều nhau, với nhiều dáng hình linh hoạt, làm nền cho phổ phưởng của thợ ấy. Sương tím còn dai dẳng chưa tan. Hình khối kiến trúc ở đây, đã chọn những không gian thích hợp, những cao độ, bình độ thích ứng cho từng khu vực... khi có một không gian đẹp như ở khu cán bộ và thợ thuyền, khi nhà máy phụ trợ này, thì người xây dựng phải tận dụng và làm cho nó đẹp thêm vùng đất, vùng trời ấy... Cứ đứng ở trên các đỉnh núi xung quanh nhìn xuống, có sông, có núi bao bọc, có đường sá, có máy móc điểm xuyết, có đường bộ, đường thủy hoạt động nhộn nhịp, thì nó sống động lạ thường... Người ta thường nói: Đứng ra, ở Hòa

Bình, nơi Thủy điện sông Đà đang khẩn trương tiến về ngày hội lấp sông, thì những ngày đầu hạ mới là những ngày đẹp nhất. Mặt trời chang chói nhưng không nóng oi. Núi sông tươi trẻ như sức vóc dậy thì. Đất đai xanh tươi ngò mĩa, hào phóng và cởi mở. Lá ngọc trong màu xanh đến mức tưởng các màu là khắp nơi không thể độ nổi.

Thuyền bè trên sông tấp nập. Thuyền độc mộc gần máy, thuyền mũi, thuyền buồm, tàu, ca-nô, đua chạy trên dòng sông tràn đầy sức mới, sau một mùa đông mơ màng ngời ngời. Và hoa gạo nở hừng đỏ trên triền sông... Mùa hè năm nay, ngoài những vẻ đẹp cũ còn một vẻ đẹp của một công trường lớn, dự báo những điều thay đổi to lớn từ đất, trời, cây,



cổ cho đến đời sống của các dân tộc trong vùng...

Và, cái mùa xuân tưởng đã chấm dứt trong mùa hè 1982 ở sông Đà, thì chính nó lại vẫn hiện ra ngay ở những cảnh sắc hùng tráng nhất, trên các công trường đồ sộ, ngồn ngàng những máy móc hiện đại nơi đây...

*Minh họa của
Đặng Đức Sinh*



ĐỒ CHU

NGON
LỬA



KHÔNG biết từ một cuốn sách nào mà khi vừa đặt chân tới Ki-ép tôi liền nhớ tới anh, một người lính Hồng quân, một chiến sĩ Xô-viết. Anh đã ngã xuống vào những phút cuối cùng của trận đánh giải phóng thành phố này. Hình như anh là một người lính lái xe tăng.

Vào lúc bình minh lên, khắp thành phố hầu như tiếng súng đang thưa thớt dần, từ sau những bức tường đồ nát, từ dưới những căn hầm lầy bùn đã thấy tụi lính phát-xít lộ nhổ mang cờ trắng ra hàng. Vào cái phút chiến, thắng đã cầm chắc trong tay ấy, chiếc tăng của anh tiếp tục tiến lên. Trước mặt anh, một ổ phòng ngự của địch vẫn còn đang ngoan cố cản bước xung phong của quân ta. Chiếc tăng chồm lên, chúc nòng xuống, xả từng loạt pháo vào mục tiêu. Bỗng nhiên nó dừng khựng lại trong giây lát, toàn thân rung chuyển bởi một phát đạn chống tăng của địch vừa xuyên vào. Trên tháp xe, một

ngọn lửa bùng lên, rồi ngọn lửa loang nhanh, trùm kín lấy chiếc tăng. Đồng đội ở phía sau nghĩ rằng anh sẽ bật cửa nhảy ra. Nhưng không, chiếc tăng lại gầm thét, tiến về phía trước. Không phải là hai hàng xích sắt của tăng đã nghiêng nát quân thù mà chính là một khối lửa. Một khối lửa bùng tới trùm kín lấy chúng. Khối lửa ấy rực sáng lên trong tiếng «u-ra» vang dội khắp thành phố...

Nhiều năm sau này người ta vẫn thường gặp một bà mẹ trùm khăn đen từ ngoài ô đi bộ vào thành phố để đặt hoa lên mộ đứa con trai dũng cảm của mình. Bà không khóc, đứng đó trong im lặng, trong nhớ thương. Chỉ có ngọn lửa gần nơi con trai bà nằm là vẫn cháy lên bập bùng, là vẫn chuyển trở cùng năm tháng. Đó là ngọn lửa vĩnh cửu đặt trên bệ đá hoa cương, dưới chân đài tưởng niệm các chiến sĩ đã hy sinh trong trận đánh giải phóng Ki-ép mùa đông năm 1944.

Chuyến tàu tốc hành rời Mát-xcơ-va. Sau một đêm trên đường, sớm ra đã gặp Ki-ép, thủ đô của nước cộng hòa Xô-viết U-crai-na, chỉ In-na Di-mô-ni-na, cán bộ đối ngoại của Hội nhà văn Liên-xô và một đồng chí công tác trong tòa soạn tạp chí « Văn học thế giới » xuất bản ở thành phố này đưa chúng tôi tới viếng đài tưởng niệm các liệt sĩ.

Tháng chín. Trời se lạnh. Lá vàng phủ khắp nơi, trên mặt đường vòng vèo lát đá, trên những dải đồi trập trùng, quanh các biệt thự xinh đẹp, trong công viên, trong sân nhà thờ với những tháp chuông dát vàng rực rỡ, dưới chân tượng nhà thơ lớn Tsép-xen-cô, dưới chân bức tường cao quét sơn đỏ của trường đại học tổng hợp mang tên nhà thơ... Lá vàng rụng trên vai tôi.

Đài tưởng niệm đặt trên một ngọn đồi nhìn xuống sông Đơ-nhi-ép. Và từ bờ sông bên kia, xa tới ngút ngát tầm mắt, vẫn là mảng thành phố mới xây dựng, bắt đầu từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Khu Ki-ép mới được nối với khu Ki-ép bằng nhiều chiếc cầu duyên dáng và hiện đại.

Chúng tôi trán trọng đặt những bông hoa buổi sớm dưới chân tượng đài rồi nghiêng mình trước ngọn lửa. Ngọn lửa ấy như đang cháy lên, cháy mãi từ trong lòng phiến đá hoa cương, từ trong lòng đất sâu thẳm. Đứng trang nghiêm dưới đài tưởng niệm, quanh ngọn lửa, là bốn em học sinh của một trường trung học. Hai nam,

hai nữ. Các em mặc quần phục và đeo tiểu liên. Đó là những người lính gác danh dự, những đại diện cho tương lai của thành phố. Vừa vặn đến giờ thay gác thường kỳ, từ xa, thêm hỗn chiến sĩ trẻ tuổi nữa mang súng uy nghiêm bước tới. Những khuôn mặt hồng hào, đẹp tuyệt vời và những đôi mắt nhìn thẳng. Họ bàn giao vị trí cho nhau. Tôi đứng nhìn theo hàng quân vừa được đổi gác cho đến khi họ đi khuất vào sau một cánh rừng thu.

Trong một thoáng xúc động, tôi chợt hiểu ra. Vàng, ngọn lửa đang mãi mãi tỏa sáng trên hệ đá hoa cương kia, ngọn lửa mà các em thiếu niên Xô-viết ngày ngày gìn giữ, chính là bông hoa ngát hương của người mẹ Xô-viết hôm nào, chính là chiếc khăn đỏ thắm mà giờ đây các em mang trên vai. Ngọn lửa hiện thực, ngọn lửa thần thoại, ngọn lửa của lòng yêu nước, của chiến thắng.

*Minh họa của
Trần Gia Bích*



ĐÚNG vào giờ tan trường, trời hồng đỏ mưa lay rây. Mưa hay lất phất, mưa tung bụi trắng xóa trong không trung. Lũ trẻ như một bầy chim từ lồng trường ủa bay tu tít trong mưa, ồn ào, vui vẻ. Những cánh tay thơ trẻ hươ lên như vừa xua đi những hạt mưa đan dây làm ướt tóc, lại như bơi đùa vùng vẫy trong mưa. Có một tốp bé gái chạy đến trước ngôi nhà cao tầng cùng đứng sững lại, bật reo lên:

— Ô, cây bàng nhà chúng mình đẹp chưa này!

Những cặp mắt tròn xoe cùng chớp chớp thích thú và ngưỡng mộ trước vẻ đẹp diệu kỳ mới xuất hiện. Ô, lạ chưa! Suốt cả mùa đông lạnh lẽo, cây bàng khẳng khiu trầm lặng thế. Vậy mà hơi thở ấm áp của mùa xuân vừa thổi tới, cả một rừng búp lộc xanh ngát mướt mà đồng loạt nhú lên những đốm lửa xanh lấp lờ reo vui nhảy nhót. Ôi, mùa xuân thật là tuyệt vời!

Đột ngột, cô bé Thùy Chi lại reo lên vì thêm một phát hiện mới nữa:

— Ở kia, khu nhà của chúng mình mới xuất hiện một cô bạn xinh quá!

Theo tay chỉ của Thùy Chi, mọi cặp mắt đổ dồn về ô cửa sổ tầng hai và bắt gặp một gương mặt có đôi mắt đen long lanh tươi cười đang nhìn xuống. Ánh mắt thật là hiền dịu vui vẻ. Căn phòng ấy là nhà bác Huệ. Sao nhà bác Huệ lại có trẻ con nhỉ? Bác là cán bộ miền nam ra

cánh chim gọi MÙA XUÂN



bắc tập kết. Gia đình bác trong kia nghe nói đã bị địch tàn sát hết cả. Ngoài này, bác sống với một anh con trai. Anh ấy đi công tác hoài, chẳng mấy khi có mặt ở nhà.

Giống như một bài hát quen thuộc của trẻ con khu nhà này: « Con sông bắt nguồn từ dòng suối xanh. Tình bạn nhen lên từ nụ cười », nụ cười của cô bạn mới và nụ cười của những cô bé nọ lập tức quện lấy nhau. Rồi loáng một cái, cả đám bạn gái ào ào như cơn gió cuốn tới bên ô cửa tầng hai.

— Chào bạn, bạn ở đâu tới đây thế?

Cô bé mới đến chớp chớp cặp mắt đen hơi buồn. Đôi môi hồng khế chum lại và trên đôi má in rõ lúm đồng tiền duyên dáng. Nghiêng nghiêng mái đầu, cô bé đáp bằng giọng miền nam trong trẻo, ấm áp thật dễ thương:

— Mình ở xa lắm cơ. Phải đi một ngày ô-tô và ba ngày bốn đêm trên tàu Thống Nhất mới tới được đây.

Em gái mặc áo len đỏ nhanh nhẩu:

— Vậy là đảng ấy mới từ trong nam ra. Chúng mình làm quen với nhau nhé. Tớ là Tú Lan. Bạn này là Hồng Diệp. Còn đây là Lan Hương. Ngân Quyên, Thủy Chi. Chúng mình cũng ở trong khu nhà tập thể này. Còn bạn, tên bạn là gì?

— Mình tên là Ёn.

— Chà, tên bạn hay quá nhỉ!

— Chả là má sanh mình giữa mùa xuân. Má kể rằng xưa kia quê mình nổi tiếng là vùng cây ăn trái. Đất đai

trù phú, cây cối sum sê. Thường mùa xuân đến, chim én bay về lượn rợp trời, riu rít, vui vẻ hót vang. Nhưng năm ấy, máy bay của bọn Mỹ hung ác đã rải chất độc hóa học thiêu trụi cả cỏ cây. Chòm xóm tiêu điều. Không còn màu xanh nữa nên cũng vắng lặng tiếng chim hót và bắt hẩn bóng chim bay.

Đám bạn nhỏ bỗng trở nên dăm chiêu. Trước mắt chúng dường như sống lại câu chuyện hôm nào bác Huệ đã kể về vùng quê ấy. Kẻ thù muốn hủy diệt sự sống nhưng những mầm sống lại vẫn lên tươi xanh. Ngay sau khi đế quốc Mỹ bị đánh bại hoàn toàn, miền nam được hoàn toàn giải phóng, mọi người đã trở về. Họ cày xới mảnh đất lổn nhổn mảnh bom. Chỉ mấy tháng sau, một màu xanh tươi mát đã trải mênh mông trên đồng đất quê hương. Vườn cây trái cũng được dần hồi sinh trong cuộc sống mới đang lên.

Thủy Chi nắm chặt tay người bạn mới. Nó nói:

— Ngày ấy, cả miền bắc cũng chiến đấu để chia lửa với miền nam. Ngay ở đây thôi, trên tầng thượng ngôi nhà này vẫn còn một cái pháo đài. Đó chính là trận địa của các cô chủ dân quân bắn máy bay Mỹ đạo ấy đây.

Hồng Diệp, cô bé có mái tóc nâu mượt như tơ và nước da trắng hồng, vui vẻ nói:

— Ёn mới tới chắc chưa đi thăm khu nhà của chúng mình nhỉ? Thế thì chúng mình phải dẫn bạn đi, tham quan mới được. Leo tít lên sân thượng bạn sẽ thấy cái trận địa pháo cũ giờ là cả một

vườn hoa đẹp cực kỳ nhé! Bọn mình trồng đấy. Ở dưới kia, chúng mình còn trồng cả rau « kế hoạch nhỏ » nữa.

Lan Hương, cô bé mặc bộ quần áo hoa sắc sỡ, sò nổi nổi chen vào:

— Dưới ấy, chúng tớ còn trồng cả những cây thí nghiệm nữa kia. Chúng tớ đã được một cô kỹ sư nông nghiệp hướng dẫn chiết ghép thành công cây bưởi lai cam. Mùa xuân thế này, chúng sẽ tha hồ lớn, lộc mới sẽ trở ra xanh ngắt cho mà xem...

Cả bọn hào hứng rủ cô bạn gái mới quen:

— Nào đi, bạn. Chúng mình sẽ dẫn Ёn đi xem tất cả. Rồi bạn sẽ thấy mẹ ngay khu nhà của chúng mình.

Đôi mắt đen lầy của Ёn vụt tối sầm. Ёn lắc đầu bối rối:

— Không, tớ... không đi đâu.



Nói rồi Ẽn buồn bã gục mặt lên bàn để giấu vội hai giọt nước mắt trong suốt như thủy tinh lặn dài trên gò má. Đám bạn gái ngơ ngác nhìn nhau. Ôi, sao vậy? Có ai làm điều gì cho bạn ấy phải buồn thế đâu. Gương mặt hân hoan, Thủy Chi cuống quýt chạy tới ôm lấy vai Ẽn dỗ dành:

— Kia, làm sao thế Ẽn? Thôi, chúng tớ xin lỗi. Chắc chúng tớ đã làm điều gì để Ẽn buồn...

Không ngờ lời an ủi của bạn lại làm Ẽn bật òa lên, nước nở. Đám bạn gái càng luống cuống hơn. Chẳng biết làm sao, chúng đành ngồi thừ cả xuống bên bạn.

Ẽn vội vã lau nước mắt, nói như xin lỗi:

— Ôi, các bạn, các bạn tốt với mình quá! Nhưng mình không thể đi theo các bạn...

— Sao thế Ẽn? — Hồng Diệp vốn tính nhanh nhẩu vội nói chen ngang — Cứ đi chơi với chúng tớ rồi là nữa bác Huệ về chúng tớ xin phép giúp chớ.

Ẽn buồn bã lắc đầu. Cô bé hạt mít như chợt hiểu ra. Nó vui vẻ cởi chiếc áo len đỏ choàng lên vai bạn và thân mật nói:

— À, mình hiểu ra rồi. Bạn ngại cái lạnh miền bắc đây mà. Bữa nọ, cô mình từ Bến Tre ra chơi cũng vậy. Cô bảo trong ấy chẳng bao giờ có gió mùa đông bắc nên khi đi không hề lo áo rét. Nào, Ẽn, bạn mặc áo len của mình vào rồi rút chân ra khỏi đồng chân bông này, nhanh lên nào.

Ẽn nắm chặt đôi bàn tay ấm áp của Ngân Quyên. Nó run rẩy nghẹn ngào:

— Không phải đâu. Các bạn chẳng thể nào hình dung thấy được nỗi đau của mình đâu. Đây này, đôi chân mình...

Giọng cô bé nghẹn lại. Đau đớn. Đám bạn cùng xúm lại, sửng sốt nhìn đôi chân đã teo quắt của Ẽn lộ ra khi tấm chăn bị gạt sang bên. Ai nấy đều xót xa:

— Sao vậy Ẽn?

— Thuốc độc hóa học của Mỹ đó, các bạn ạ. Nó ngấm vào cơ thể mình ngay từ khi mình còn nằm trong bụng mẹ. Và thế là mình mang tật từ khi mới được sinh ra. Ôi, mình thêm được chạy nhảy tung tăng như các bạn biết nhường nào. Mình cứ tưởng tức hoải, sao tên mình là Ẽn mà mình lại chẳng có được đôi cánh để bay bổng khắp nơi. Bác Huệ đưa mình ra đây để chữa. Chẳng biết rồi có khỏi được không!

Thủy Chi gạt đầu quả quyết:

— Bạn cứ yên tâm. Nhất định chữa được mà. Có điều là đừng nghĩ nhiều về bệnh tật mới khỏi được Ẽn ạ. Giờ bạn nghĩ qua chuyện gì khác cho vui đi.

Tú Lan mở cặp sách lấy ra chiếc khung thêu và miếng vải trắng mới tinh. Nó ân cần hỏi:

— Bạn có thích thêu không? Hôm nay lớp tớ có giờ nữ công. Cô giáo cho chép mấy cái mẫu thêu đẹp chưa này.

Gương mặt Ẽn lập tức vui lên. Nó thích thú đón-lấy và chăm chú xem từng mẫu thêu hoa lá, miếng không ngót trăm trổ xuất xoa. Lan sung sướng khi thấy bạn đã vui. Nó bảo:

— Nếu Ẽn thích thì mình tặng bạn đấy.



Thế là từ bữa đó, Ẽn không còn lúc nào dễ buồn nữa. Giờ thì Ẽn có thêm những người bạn mới thật dễ thương. Ẽn được vào nằm điều trị trong bệnh viện, các bạn lại tranh thủ giờ rảnh vô thăm. Các bạn đem đến cho Ẽn bao nhiêu món đồ chơi xinh xinh ngó coi thiệt ngộ. Bệnh của Ẽn ngoài việc chữa trị bằng thuốc phải tập luyện nhiều. Trời lạnh mà tập một lát đã vã mồ hôi. Chà, mệt ới là mệt! Nhưng Ẽn rất vui vì các cô bác sĩ, y tá cũng thương Ẽn, và thương nhiều hơn cả là các bạn gái ở khu nhà cao tầng cùng bác Huệ.



Một buổi sớm, Ên đang ngồi thêu bên cửa sổ chợt thấy Thùy Chi ào chạy tới. Chi nói trong hơi thở hồng hèn:

— Minh mới mượn được cuốn truyện này hay lắm. Ên đọc đi. Giờ mình phải tới trường cho kịp giờ học.

Nói rồi Chi hối hả quay gót rào bước đi ngay. Chiếc cặp sách đeo bên vai đung đưa theo nhịp bước. Dải khăn quàng đỏ bay bay trong gió như bàn tay vẫy vẫy. Nhìn hút theo bóng dáng cô bạn gái thân thương, Ên thấy trong lòng rưng rưng xúc động.

Cuốn truyện Thùy Chi cho mượn thật là hay. Ên đọc mê mải câu chuyện kể chủ vịt con xấu xí của An-đéc-xen.

Ôi, đáng thương làm sao. Bé vịt con xấu xí. Vịt con tủi thân bỏ đi lang thang vì nó thấy mình thua kém lũ trẻ xung quanh. Đọc đến chỗ này Ên muốn rơi nước mắt. Ên hiểu lắm nỗi đau này của vịt. Nhưng rồi mùa xuân đến. Mùa xuân thật diệu kỳ. Vịt con xấu xí bỗng biến thành thiên nga xinh đẹp. Và thiên nga sung sướng sải cánh bay lượn giữa trời cao.

Ên ôm sách thích thú ngả mình trên đệm. Hai hàng mi dày từ từ khép lại đưa cô bé triền miên trong giấc mơ đẹp. Em thấy mình bỗng vụt biến thành thiên nga kiêu diễm. Và em cùng cả bầy thiên nga trắng muốt sải cánh bay lượn giữa bầu trời lồng lộng của mùa xuân.

*Minh họa của
Ngô Mạnh Lân*



VUI CƯỜI

CHIA KẸO

Bố-gien-ca, mẹ cho con mười chiếc kẹo, con chia cho em một nửa nhé.

- Con cho em ba cái thôi.
- Sao, con không biết đếm à?
- Con biết đếm còn em bé thì không biết.

MINH CHÂU

HUYỀN THOẠI VỀ MỘT ĐÊM KHÁC

ÔNG già tôi gặp lần ấy ở xóm Suối Sỏi, có cái tên thật lạ mà khó quên: ông Bảy Mã Đà.

Một đêm, giữa mùa mưa năm 1964, chẳng phải vì công việc gì hệ trọng, mà chính là để thỏa mãn tính hiếu kỳ cổ hủ của mình, tôi đã đến đây, và rất may mắn được gặp ông. Biết tôi là người «đăng mình» ở chiến khu Đ đến, ông xăng xái đốt lửa nướng mì, rồi vừa nhìn tôi ăn ngon lành, vừa cho thêm củi vào bếp để lửa lại sáng rực. Ngọn lửa ấy sưởi ấm cho tôi, nhưng qua câu chuyện với ông, tôi được biết nó còn là ám hiệu cho một

đoàn cán bộ sắp vượt sông Đồng Nai về với Sài Gòn. «Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất». Lịch sử đã nhắc và sẽ còn nhắc mãi những chiến tích về dải rừng già và con sông này, về những ngọn lửa được đốt lên đêm đêm, từ tay ông Bảy Mã Đà và bao bà con khác ở xóm Suối Sỏi.

Đêm ấy, đang đi trong rừng sâu, tự nhiên tôi nghe vọng lại mỗi lúc một gần tiếng ào của một ngọn thác đang đổ mạnh. Âm vang của tiếng thác như một mũi khoan, cứ xoay mãi, xoay mãi lòng tôi, đánh thức những nỗi niềm và kêu gọi tôi đến với nó. Khi tôi vừa đặt chân vào nhà ông Bảy Mã Đà, thì tiếng thác cũng ủa vào, dữ dội và da diết.

— Thác Trị An đang đổ đây hả bác?

—Ừa, thác Trị An hay thác Trương Tư cũng là nó. — Ông già ngó đăm đăm vào ngọn lửa, rồi nhìn ra khoảng tối mung lung.

— Chú có biết không, những đêm vắng lặng, tiếng thác vang xa lắm, ở tận dưới Tân Uyên người ta cũng còn nghe rõ nữa đó!

Rồi, như sợ tôi lẳng trí không nghe, ông già nhắc lại:

— Trị An là tên sau này chứ à, còn xa xưa kia là thác Trương Tư.

— Xa xưa là từ thuở nào hả bác?

— Từ thuở mới có con thác. Chuyện nghe buồn lắm lắm chú à!

— Chuyện gì vậy bác?

— Chuyện tình! Ồ, nó ngồn ngồn, dòng dài lắm, chú! — Ông già bắt chợt cười móm mém. — Ý, tôi quên

mất! Chú ăn mì đi chớ, mì đất này đã cắm xuống là ăn chắc, một góc cũng đến vài chục cân củ, củ lại bùi, nuốt tới đầu ngọt tới đó...

Giọng ông già nghe lạc hẳn đi, dù ông đang nói tới vị bùi hiếm có của mì đất này.

— Ngày xưa, — Ông già bắt đầu câu chuyện, — con sông này từ thượng nguồn chảy về đây, tuy không rộng, nhưng rất bình lặng. Hai bên sông là hai dải rừng già, có đủ thứ cây và đầy thú dữ. Hồi đó, đã có người sinh cơ lập nghiệp tại đây, họ tụ tập lại trong các bộ tộc và sống bằng nghề săn bắn.

Một bộ tộc trên bờ bên này, ở dưới dưới thác bây giờ có một chàng trai tuấn tú và dũng cảm. Chàng sống rất nghèo, nhưng trong sạch, lại có bụng thương người. Ngày và đêm, cung nỏ không phút nào rời khỏi tay chàng, và không đường ngang lối tắt nào trong rừng lại không có chân chàng đặt lên. Một hôm, chàng bơi qua sông, đến dải rừng bên kia để săn thú. Vì mãi mê đuổi theo một con nai, chàng lạc vào một khu rừng rậm, nằm bên dòng thác bây giờ, ở đó có một bộ tộc khác đang sinh sống. Con nai chỉ còn cách chàng trong gang tấc. Khi chàng giương cung định bắn thì một tiếng thét chợt vang lên lạnh lạnh: «Đừng bắn nó». Nhìn quanh quẩn một lúc, chàng thấy hiện ra ở đầu rừng một cô gái xinh đẹp đang đi dần về phía chàng. Nàng là con gái độc nhất của tên tộc trưởng giàu có và khét tiếng tàn ác trong vùng. Sau phút hội ngộ ban đầu, cặp trai tài gái sắc này cầm tay nhau,



rồi yêu nhau tha thiết. Từ đó, hai người luôn đến bên nhau, lúc săn thú, bắn chim trong rừng, lúc ngồi giặt áo bên sông, lúc ngắm trăng lên đầu trăng. Tất nhiên, những việc làm đó đều lên lút, vì hai người rất sợ một tai biến không lường xảy ra, nếu tên tộc trưởng gian ác hay được. Nhưng rồi, điều đó đã tới. Qua dò la của quân lính dưới quyền, tộc trưởng biết được chàng trai khác bộ tộc và nghèo xơ xác vẫn lần quất trong rừng rậm thuộc địa hạt của mình. Hơn thế nữa, còn dám liều lĩnh quyến rũ đứa con gái duy nhất của y — đứa con gái y định gả cho một tên tộc trưởng ở khu rừng trên, cũng giàu có như y, nhưng đã quá già. Thế là,

con thịnh nộ nổi lên. Bất chấp đó là núm ruột của y, bất chấp những lời van xin thảm thiết và tiếng khóc xé lòng của người con gái, tên tộc trưởng đã giáng xuống người nàng hàng trăm ngọn roi. Tuy vậy người con gái vẫn cần răng chịu đựng, chỉ vì một lẽ duy nhất: nàng đã quá yêu chàng.

Một hôm, khi đất trời đang còn mịt mờ, người con gái lết lút bỏ nhà, trốn vào rừng. Gặp chàng trai, nàng gục đầu vào ngực chàng khóc lóc, kể lại mọi việc đã xảy ra đối với nàng, và cả những âm mưu quỷ quyết của tên tộc trưởng. Đó cũng là lúc, lần theo dấu chân của nàng, dưới sự chỉ huy của tộc trưởng, đám quân lính dưới quyền

y đã mai phục dày đặc quanh rừng để bắt sống chàng trai cho được. Nghe tiếng động chàng trai buồng người con gái ra, băng rừng chạy thục mạng về hướng bờ sông. Sông hẹp và chảy yên ả, chỉ trong giây lát chàng có thể vượt qua, sang bờ bên kia để lủi vào rừng, về với bộ tộc của mình. Chàng nhảy xuống nước, ra được nửa sông, đột nhiên đám lính ào tới, từng tảng đá lớn bầy xuống chặn hết lối thoát của chàng. Đám lính tràn xuống bắt được chàng. Tên tộc trưởng hạ lệnh đem cột chàng vào một tảng đá lớn nhất ở giữa sông, rồi tập hợp bọn xạ thủ sừng sỏ, bảo giương cung phóng hàng trăm mũi tên vào người

chàng. Dù khắp mình găm đầy mũi tên, chàng vẫn đứng thẳng, uy nghi, lẫm liệt. Đồi mắt chàng mở to, lúc thì long lên nhìn về phía kẻ thù, lúc lại hiền dịu, xanh trong hướng lên dải rừng.

— Hỡi rừng xanh, hãy trả thù cho ta!

Đột nhiên chàng trai thét lớn, tiếng thét như một trận bão, ào ào lay động cả ngàn cây. Và thật lạ lùng, sau tiếng thét xé trời ấy, người con gái mà chàng yêu dấu đã hốt hải chạy đến bờ sông. Khi hai người nhìn thấy nhau, chàng trai rung mình một cái, gục xuống chết. Bất chấp đám lính cản ngăn, hăm dọa, người con gái chạy băng xuống sông, nhảy qua các gộp đá. Khi đến được với chàng, nàng gục đầu vào ngực chàng khóc thảm thiết. Một lát, người con gái bỗng đứng thẳng dậy, dựa lưng vào người yêu, ngẩng mặt về phía bờ sông, thét lớn:

— Này lũ sát nhân, hãy giết tao đi, hãy giết tao đi!

Không biết đã được lệnh của tộc trưởng hay vì đang say máu giết người, sau tiếng thét đó, đám lính trên bờ lập tức giương cung phóng hàng trăm mũi tên lao vào người nàng.

— Hỡi sông xanh yêu dấu, hãy trả thù cho ta!

Người con gái kêu lên được mấy tiếng, rồi vồng tay qua cổ người yêu, gục xuống chết. Và cũng thật lạ lùng, sau tiếng gọi của nàng, nước sông đã sẵn tức nghẹn dưới chân hai người, chột trào lên lai láng, mênh mông, va như một đạo quân dũng

mãnh, ào ào tràn qua các gộp đá, tung bọt trắng xóa nhận chìm tên tộc trưởng và lũ lâu la đứng quanh đó... Thác này có từ ngày đó, và tên thác Tương Tư cũng có từ ngày đó, đó chú!

Ông già lại cho thêm mấy cây củi vào bếp, rồi thì thầm như nói với chính mình:

— Sau này, chẳng biết lúc nào, thác này có cái tên mới là Tri An. Tại sao lại là Tri An, tui cũng không biết!

Trầm ngâm một lát, đột ngột ông già quay lại, nắm tay tôi, nói sõi nõi:

— Hay là vì lẽ này hả chú?

— Bác nói vì lẽ gì?

— Tui nghĩ, sau khi diệt được mối tình và giết chết đôi trai gái, người ta cho là cái loạn đã trị được rồi, an ninh đã lập được rồi, nên

mới có cái tên Tri An. Nhưng thật sự, có an gì đâu chú. Chú coi đó thì biết. Thác vẫn còn đổ ào ào ngày đêm. Vào mùa khô, tiếng thác êm ả mà nghe xé ruột xé lòng. Người đời bảo, đó là tiếng khóc bi ai của người con gái. Còn vào mùa mưa, tiếng thác lại xối xả, gầm gào. Người đời bảo, đó là tiếng thét phản nộ của chàng trai. Như vậy là ngày và đêm, mùa mưa cũng như mùa khô, ở đây lúc nào cũng thấy hai người như vẫn còn sống, còn thở than, rêu gọi...

Tôi nhìn băng quơ ra khung cửa tối. Chẳng thấy gì hết, ngoài tiếng thác đổ ào ào. Ông Bảy Mả Đà vươn vai đứng dậy, khẽ đập lên vai tôi:

— Chàng trai năm xưa đang lên tiếng đó chú!



Đầu mùa khô năm này, mười tám năm sau ngày tôi được gặp ông Bảy Mă Đà, tôi mới có dịp trở lại vùng thác Trị An. Người bạn đường của tôi trong chuyến đi này là anh Tư, một kỹ sư có tiếng đang gánh một trọng trách trong Ban chỉ huy công trình thủy điện.

Mảnh đất cũ với bao kỷ niệm không phai, một công trình mới với bao hứa hẹn, đã cuốn hút tôi đi. Chiếc xe con cóc chở hai anh em tôi liên tục chồm lên chụp xuống trong bụi cỏ mù mịt, trên con đường Trảng Bom — Cây Gáo.

— Nè, ông bạn, — Anh Tư khễ đập lên vai tôi, rồi đưa cho tôi một xấp tài liệu, nói sôi nổi — ông đọc trước cái này để đến nơi mình bớt thuyết minh, dành thì giờ đi xem là chính.

Tôi gấp người xuống, đọc ngấu ngiến, rồi rút sổ tay ra ghi lịa lịa:

... « Ở đây, sẽ xây một nhà máy thủy điện có bốn tuốc-bin với công suất thiết kế 320.000 ki-lô-oát, sản lượng điện hàng năm lên đến một tỷ rưỡi ki-lô-oát/giờ, đảm bảo cung cấp điện cho tất cả các tỉnh Nam bộ cũ đảm bảo điện sản xuất cho khu công nghiệp Biên Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, công nghiệp chế biến dầu khí Vũng Tàu, cao-su Đồng Nai, Tây Ninh, Sông Bé... điện khí hóa đồng bằng sông Cửu Long. Sẽ xây một hồ chứa nước, với dung tích hai tỷ rưỡi thước khối nước, diện tích 300 cây số vuông, đảm bảo tưới 25000 héc-ta đất canh tác ở Đồng Nai, thành phố

Hồ Chí Minh, Long An, cung cấp nước cho công nghiệp, cho sinh hoạt ở thành phố Hồ Chí Minh, khu công nghiệp Biên Hòa, khu công nhân tập trung ở Thành Tuy Hạ. Nuôi cá theo phương pháp công nghiệp với sản lượng hàng năm 2.000 tấn cá. Sẽ xây một thành phố du lịch với các công trình văn hóa và những nơi giải trí lý tưởng. Sẽ xây... ».

— Hẳn là còn phải xây một nhà bảo tàng về chiến khu Đ nữa chứ, anh Tư? — Tôi dừng lại hỏi.

— Có chứ! Có chứ! Nó sẽ nằm ở chỗ này đây anh!

Anh chỉ tay về dải rừng bên kia sông. Dưới chân rừng, sông Đồng Nai chảy uốn khúc, lấp lánh dưới nắng. Thác Trị An ở đâu đây, tiếng đổ nghe rất êm mà vang xa. Lòng tôi chùng lại trong cái âm thanh ấy. Tôi chợt nhớ lại ông Bảy Mă Đà, nhớ ngọn lửa bập bùng, vị bụi của khúc mì nướng và thiên tình sử đắm nước mắt do ông Bảy kể đêm nào!... Ông còn không? Ở đâu và đang làm gì giờ này?

Xe dừng lại trước một căn nhà lợp lá, nơi đặt tạm tổng hành dinh của Ban giám đốc công trình thủy điện Trị An. Đó đây, những lều bạt, những xe xúc, xe đào, những khuôn mặt đầm mồ hôi, bẻ bết bụi đỏ hiện ra trên một nền đất trống, vừa được san ủi.

Tất cả đều bắt đầu từ con số một anh ạ! — Anh Tư nói như phân bua với tôi về chỗ ăn ở. — Anh cứ nghĩ lại với tôi, muốn đi đâu thì đi, nhưng nhớ chiều nay ta đến thác đấy ông bạn!



— Thác trị An? — tôi hỏi.
 — Còn thác nào nữa? Anh
 Tư ngạc nhiên nhìn tôi.
 Tôi cười, trêu anh:
 — Anh có biết thác Tương
 Tư không?
 — Thác Tương Tư?

Anh càng ngỡ ngàng. Tôi
 hẹn, buổi chiều đi thăm thác
 tôi sẽ kể chuyện anh nghe.

Giữ đúng lời hứa, buổi
 chiều trên đường đi xuống
 thác, tôi kể lại với anh Tư
 toàn bộ câu chuyện ông Bảy
 Mã Đà đã kể. Anh Tư nghe
 cũng dăm chiêu, mơ màng...

Hai chúng tôi đến thác.
 Trước mắt, trải kín trên mặt
 con sông là một bãi đá khổng
 lồ, mỗi hòn một vẻ, nằm phủ
 phục như bầy voi hàng triệu
 con đang chơi trò té nước.
 Nước lượn dưới chân, nước
 xối qua đầu hai chúng tôi,
 bọt nước tóe lên trắng phau
 lấp lánh dưới nắng. Mùa này,
 bằng cách nhảy qua các gộp
 đá, con người có thể đi từ bờ
 này sang bờ kia. Trong kháng
 chiến, đây là con đường hành
 quân vào loại lý tưởng của
 ta đề qua sông. Chính vì
 thế, cây hai bên dòng thác
 xác xơ và đổ gục dưới sức
 tàn phá ghê gớm của bom
 B.52 và hóa chất độc của Mỹ.
 Bên những cây cầy, cây bằng
 lăng, cây dầu thân khô, trụi
 cành, cụt ngọn, màu xanh
 của tre và các loại cây con
 đã lên mơn mớn. Thấp
 thoáng đó đây, những tàu lá
 buong xoe rộng như những
 cái quạt khổng lồ, theo gió
 chiều du đưa vẫy mời khách.

Anh Tư dừng lại trên bờ
 thác, nhìn cảnh trước mặt,
 bỗng chỉ vào một tảng đá
 dựng đứng, thân tròn như
 cây cột đình, quay lại hỏi tôi:



— Phải chăng đó là chỗ
 hành hình đôi trai gái ngày
 xưa?

Nét mặt trầm tư, anh như
 nói với mình:

— Ừ, ừ, nước đổ qua đây
 nghe cũng khác, nhỉ non, tha
 thiết như tiếng khóc...

Anh ngàng nhìn về phía
 rừng bên kia con sông, như
 muốn tìm lại con đường
 chàng trai và cô gái ngày
 xưa đã chạy đến thác này.
 Bỗng, như không muốn đề
 tưởng tượng mình đi quá
 xa, anh kéo tôi cùng ngồi

xuống một tảng đá bằng
 phẳng, quay lại hỏi tôi:

— Anh có biết không, cách
 đây hai trăm triệu năm, chỗ
 ta đang ngồi đây là biển đấy!

— Thật à? — Tôi cười —
 Hay lại giống như chuyện
 thác Tương Tư?

— Không! Anh nói nghiêm
 túc — Thật đấy. Các nhà khoa
 học đã có kết luận chính xác
 ngày xưa chỗ này là biển.
 Một thời ở đây, sóng biển
 va vào đá nay còn ghi lại
 trên đó những cấu trúc đặc
 sắc, gọi là cấu trúc xiên chéo

63/410

của chân sông. Chúng tôi cũng tìm được vô số cục đá, những hàu bèn thời cổ...

Tôi hiểu lơ mờ, nhưng đã tin lời anh Tư nói. Tôi dừng anh lại, hỏi:

— Nhưng điều đó có ý nghĩa gì trong công việc hiện nay của anh?

— Có chứ, có quá đi chứ! Sắp tới, ta phải xây một cái đập chính chắn ngang con sông này lại. Đỉnh đập phải cao trên 60 mét so với mặt biển, để tạo ở phía trên kia một cái hồ vĩ đại, rộng 300 cây số vuông, với dung tích thường xuyên 2 tỷ rưỡi mét khối nước. Vấn đề nền móng của đập thật cực kỳ quan trọng. Phải qua nghiên cứu, khảo sát nhiều mặt, bây giờ ta mới có kết luận chính xác là ở đây không có đá vôi. Anh biết không, trên thế giới, có những cái đập nổi danh một thời, sau vài năm hoạt

động, chỉ vì còn sót lại đá vôi ở nền móng, mà chỉ trong một vài giây đã làm đập toạc nứt, bắn ra một đạo nước dài hàng trăm mét, cuốn trôi làng mạc, nhà cửa ở hạ lưu. Đập Phơ-giuyt của Pháp là một bằng chứng...

Tôi muốn kéo anh Tư trở về với dòng thác trước mắt; chỉ vào tảng đá dựng đứng mà anh đã cho là bãi tử hình đôi trai gái ngày xưa, tôi hỏi:

— Đập ta xây ngay tại chỗ này phải không anh?

— Không, ta phải xây trên thác vài cây số.

— Vậy hả? Còn ở đây sẽ là gì?

— Một dải non bộ kéo dài hàng cây số gồm đủ loại đá nổi đá ngầm, rồi « cỏ cây chen đá, lá chen hoa ». Dưới chân chúng ta là một dòng nước mát uồn lượn nghĩa là một thắng cảnh lý tưởng đối với khách du lịch!

— Thế nghĩa là... — Tôi thốt lên xúc động — nghĩa là ở đây không còn tiếng thác dữ dội nữa?

— Đùng vậy.

— Thế nghĩa là đôi trai gái bất hạnh ấy sẽ không còn thở than, khóc lóc nữa chứ gì?

— Đùng vậy. — Anh Tư xới lời. — Với công trình này, hai cô cậu không còn than khóc nữa đâu! Một cuộc đời thật sự sẽ đến. Chỉ trong vòng năm sáu năm tới, chúng ta có thể tự hào nói rằng, thế hệ chúng ta đã vĩnh viễn xóa sạch nỗi đau muôn đời của họ. Kìa, những đoàn xe chở đá, chở sắt thép đang đập diu trên con lộ đỏ để làm việc ấy. Anh có thấy không?

Hai chúng tôi cùng cười trong tiếng thác đổ.

*Minh họa của
Trương Thanh*

GIANG HÀ VY

MẤY SẮC, HOA TẾT

KHI những hạt mưa phùn bắt đầu rắc trên mặt đất thì các vườn cũng bừng lên muôn màu muôn sắc hoa xuân. Có nhà văn nước ngoài đã thốt lên: « Việt Nam là một vườn hoa, vườn hoa lớn, đẹp như trong truyện thần thoại ».

Đất nước ta không chỉ có những loài hoa đã có từ lâu đời như đào, cúc... mà còn bao loài hoa nước ngoài nhập vào cũng mau chóng lên hương sắc.

Thược dược vốn gốc Pháp. Lúc đầu hoa mọc hoang dại, năm 1712, một người bạn cho Mông-gôn-phi một số củ thược dược để... nấu ăn. Quý bạn, ông đem trồng. Củ nảy mầm rồi cho hoa rất đẹp. Ai nấy phải trầm trồ khen ngợi.

Tên khoa học của thược dược là Đa-li-a. Sở dĩ có tên ấy vì một người trồng hoa Tây-ban-nha đặt để kỷ niệm ông Đan (Dahl), một nhà thực vật học Thụy Điển.

Dần dần các nhà trồng hoa

dùng các phương pháp lai giống, tạo ra nhiều loại thược dược như hiện nay.

Thược dược đến nước ta vào khoảng đầu thế kỷ 20. Hoa tương đối dễ trồng, mùa hoa lại đúng vào dịp Tết Nguyên Đán nên càng có giá trị.

Bạn đoán thử xem có bao nhiêu giống thược dược? Hơn một trăm thứ đấy! Hiện nay, ở vườn hoa Lăng Bác Hồ và các vườn hoa khác có trên hai mươi thứ thược dược.

Công ty Công viên đã dùng phương pháp lai hoa gieo hạt, tạo thêm một số thực được có màu sắc mới.

Muốn có hoa thực được vào tết Nguyên Đán phải trồng từ giữa đến cuối tháng mười âm lịch.

Lay-ơn gốc miền đông nam châu Phi. Lay-ơn là thứ hoa cắm lọ đẹp nhất. Trong các cuộc lễ đều có mặt sắc hoa này. Hoa không những đáng yêu về vẻ đẹp, màu sắc mà đáng quý vì có thể trồng quanh năm.

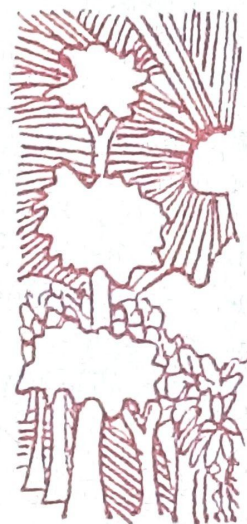
Cây hoa lay-ơn đẹp dễ mà ta có hiện nay là do một quá trình cải tạo của người trồng hoa. Hoa « lọt lòng mẹ » từ một miền khí hậu khắc nghiệt đầy gió, cát, nóng — miền đông nam châu Phi. Vượt lên mọi thử thách, hoa trở sắc, tạo hình làm xao xuyến lòng người. Dần dần hoa di cư sang châu Âu và « kết thân » với chúng ta vào đầu thế kỷ này.

Về các thứ giống thì lay-ơn như một họa sĩ tài ba về pha màu sắc: hoa có nhiều giống, rất lạ, rất quý. Vườn hoa Đà Lạt và Công ty Công viên đã có lay-ơn cả vàng, đỏ tươi, từ trắng sữa, trắng trong đến phấn hồng nhạt, phấn hồng thắm, tím, vàng gạch và đặc biệt nữa là san hô: màu đỏ hơi nhạt.

Phần lớn lay-ơn đều chịu rét tốt, kém chịu nắng trừ hai thứ vàng lụa và gạch. Để có bông hoa đẹp vào ngày tết, ngày lễ, các cô, các bác trồng hoa đã phải chăm chút hoa như « chăm con mọn » từ 70 đến 85 ngày trước tết. Công việc người trồng hoa là chăm sóc cho lay-ơn có hoa to đẹp

MAI NGỌC UYÊN

CÂY CHÒ HIỆP SĨ



*Cây mọc tự bao giờ
Mà đã hơn nghìn tuổi (*)
Cây như người không già
Trước bão lay mưa xối.*

*Mây trắng bay tầng dưới
Trắng lên treo đầu cành
Cây chò như hiệp sĩ
Đứng gác giữa trời xanh.*

*Cây chò nhiều tuổi thế
Vóc dáng vẫn trẻ tươi
Bởi chò là hiệp sĩ
Niềm tin của cuộc đời.*

*Kìa vùng đông đã rạng
Một bình minh tượng bừng
Chò vươn tay đón nắng
Lấp lánh cả khu rừng.*

Minh họa của

Nguyễn Phú Kim

(*) Cây chò ở rừng Cúc Phương

và khó nhất là làm sao cho hoa nở đúng theo ý muốn. Ngoài việc bón phân, xới đất, vun gốc, cắm rế, phòng sâu bệnh thì thúc hãm là kỹ thuật quan trọng để hoa nở vào đúng ngày dự định.

Để đánh dấu những thành công của con người trong việc thám hiểm, du hành vũ trụ, các nhà khoa học đã lai tạo một loại hoa mới là hoa cúc ngũ sắc. Cánh hoa nở ra trông như những cánh bướm nhiều màu sắc, nhụy hoa vàng. Hoa cúc ngũ sắc nở từng bông một, đựng đưa trên cuống mảnh mai trông không khác gì một con tàu vũ trụ

đang bay trong khoảng không gian bao la.

Mùa hoa gieo vào tháng tám dương lịch, có thể gieo muộn vào tháng mười hai. Hoa vũ trụ là thứ hoa ngắn ngày nhất: từ gieo đến ra hoa trung bình 45 ngày.

Hoa còn nhiều loại lắm, có loại còn mang gốc nước ngoài như hoa di-nhi-a, phơ-lốc, có loại đã được « Việt Nam hóa » như hoa kèn trắng, cầm chương thơm, hoa thủy, hoa bướm, chân chim, đồng tiền, mào gà... Màu sắc, hương vị khác nhau nhưng mỗi... hoa một vẻ « mười phần vẹn mười ».

BÀI CA NGƯỜI HÁT RONG

CÀNG về đêm, gió cuối năm càng trở lạnh. Thăng Tới tỉnh dặt cha nó về sớm. Nhưng trước khi bước vô vùng ánh sáng nhập nhoạng của nhà lồng chợ, nó dừng lại chỗ mấy quán ăn còn đông khách phía bên ngoài. Đêm nào cũng vậy, trước khi cùng cha mò vô sạp chợ ngủ, nó đều dừng lại đây để cha nó ca một bản gì đó, may ra vớt vát kiếm thêm được chút đỉnh, sau cả một ngày khản cả cổ rã căng mà chẳng kiếm được bao nhiêu.

Anh Hai Đờn biết ý, bắt đầu nhường nhường đời trông mắt tối om, rồi bợ cây đàn ghi-ta cũ lên so dây.

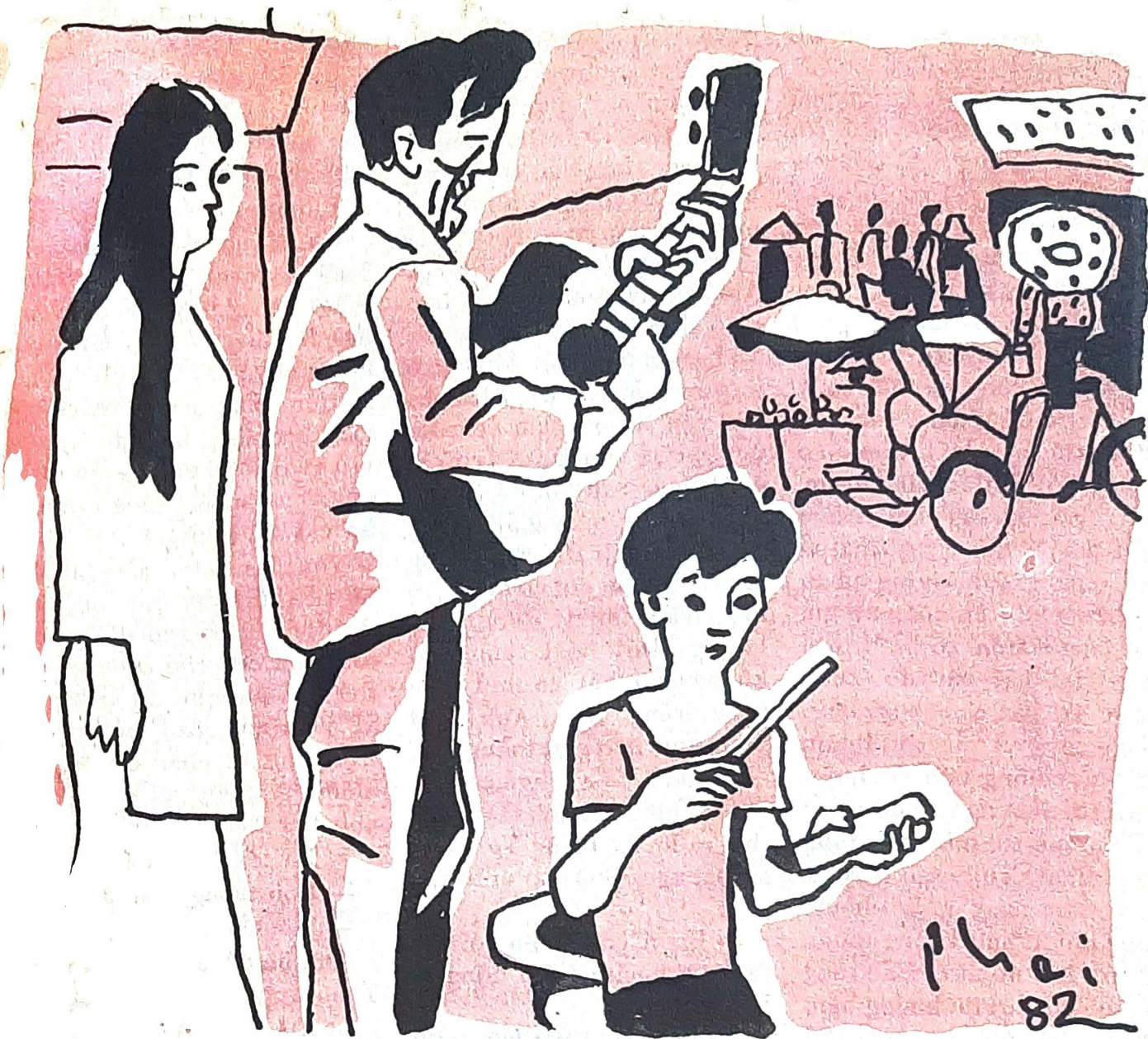
*Từ ngày giải phóng quê
tới...*

*Ruộng đồng sông nước đỏ
tươi màu cờ...*

Cái tiếng ca của anh Hai Đờn nói về cảnh đời cũ nghe vốn đã thấm, nay ca lên cảnh đời mới sau tháng tư giải phóng nghe cũng hầy còn thê thiết. Chừng như lời ca mới ấy chỉ là sự đổi cách kiếm ăn cho hợp thời vậy thôi, chứ nghe chưa phải từ sự đổi khác của chính đời anh. Ngày ngày, hai cha con anh vẫn phải tiếp tục đi lang thang khắp phố phường Sài Gòn để kiếm ăn bằng nghề hát rong. Sự thật thì vào những ngày cuối tháng tư bước sang tháng năm năm một ngàn

chín trăm bảy mươi lăm, người đồn hát mù lòa này dường như ngó thấy được hết cả. Một phần, anh nghe tiếng động rồi hình dung ra, phần thì do thăng Tới kể. Đầu tiên vào buổi trưa ngày bộ đội giải phóng kéo vào, anh nghe tiếng súng nổ mỗi lúc một gần, rồi là tiếng xe tăng chạy rung chuyển mặt đường phố. Rồi thăng Tới la: «—Trời đất, ở cửa sổ nào cũng có cờ giải phóng hết, ba ơi!» Nhờ vậy mà anh hình dung ra mọi cảnh tượng. Tất cả các giác quan của anh, trừ đôi mắt, đều được huy động để cảm nhận. Lúc đó, anh đã vui mừng nhưng đau đớn, và lòng anh chợt dấy lên nỗi lo lắng khổ sở mới. Những tiếng súng và những tiếng động cuối cùng kết thúc chiến tranh, rốt cuộc đã khiến cho anh Hai Đờn bàng hoàng nhớ lại hồi anh bị bắt lính, hồi anh ở trong hàng ngũ nguy quân vào những ngày chót. Vợ anh bị bệnh tả chết để lại đứa con lên bảy ở một xóm nghèo. Anh về gặp con vài lần rồi lại ra đi. Lần đau đớn nhất anh bị xua đi càn ở rừng là lần ở rừng Tây Ninh. Đơn vị anh trong ba ngày hành quân bị quân giải phóng đánh thiệt hại nặng, vừa chết vừa bị thương trên bốn trăm. Số lính chết thì không ai còn hơi sức đâu mà tính tới chuyện chôn cất. Số bị thương nặng và bị

thương vừa vừa thì chạy đồn ra một trảng cỏ trông hy vọng được trực thăng tới chở về. Một số tuy không bị thương, nhưng vì quá kiệt sức và hoang mang, đã nằm lẫn vào bãi người đầy máu me đó. Anh Hai Đờn cũng ở trong số này. Anh giả đồ bôi máu lên người, để có thể trà trộn trở về khi trực thăng tới rước. Bọn họ đợi hoài, đến xế chiều thì nghe hơi máy bay. Anh Hai Đờn nhòm dây nhìn. Nhưng anh không nhìn thấy trực thăng đâu cả, mà chỉ thấy một chiếc «đầm già» bay tới, rà sát xuống trảng rồi bay đi. Một lát sau, anh chợt nghe có tiếng động cơ hú tới, như một cơn dông, và tiếp liền theo đó bom bầy đổ trút xuống trảng, nổ như sấm sét. Anh chỉ kịp nằm áp xuống. Qua dứt một loạt bom, anh cùng những đồng đội còn sống sót không ai bảo ai đều chồm dậy chạy miết vô mi rừng. Thế rồi giữa lúc đang chạy, loạt bom thứ hai lại nổ. Anh có cảm giác bị một cái gì nóng bỏng cứa suốt qua mé mắt phải. Anh đưa tay lên sờ thì thấy máu ướt đầm lòng bàn tay. Lúc ấy, một trong số lính chạy tủa vô rừng thất thanh la lên: «—Chết rồi, tội mình bị B. 52 liệng bom lắm rồi!» Ấy là một tiếng kêu thảm thương nhất mà anh nghe



thấy trong đời. Bởi vì, đó không phải là một sự lầm lẫn. Qua ngày sau, bọn các anh gồm có tám người lê lết về được một tiền đồn ở cách đó chừng ba mươi cây số. Người đại úy đồn trưởng đã nói: « — Tôi tưởng mấy anh chết hết rồi chứ. Tụi Mỹ cho B. 52 hủy diệt mấy anh đó, vì chính tôi điện gọi về Bộ Chỉ huy cho trục thẳng tới chỗ mấy anh thì họ bảo là không cần thiết nữa! » Người đại úy đồn trưởng cho họ ở lại ít bữa, và sau đó yêu cầu

cấp trên đón các anh về Sài Gòn. Anh Hai Đòn về tới Sài Gòn với một con mắt phải bị miếng bom khoét mù hẳn, còn lại con mắt trái bị hành đau nhức đến độ chỉ cho phép anh còn đủ biết đường đi tới cái xóm nghèo, tìm ra thằng Tới, rồi con mắt ấy cũng bị mờ dần. Anh bị mù cả hai mắt tại xóm nghèo có những người nghèo nhất đã cư mang con anh. Anh nhờ cô bác đi kiếm mua dùm anh một cây đèn ghi-ta cũ, và anh dợt lại những bài đờn mà

ngày trước anh đã từng nắn phím.

Anh thương là thương cho thằng Tới. Lúc gặp lại con trẻ vừa lên bảy, là lúc anh thật sự tàn phế, đến sự nhìn thấy cũng tắt nốt. Thành ra bề nào nó cũng thành người dẫn anh đi lặn lội đờn ca khắp nẻo đô thành. Trong số những bài ca anh đem ra dùng, ngoài những bài chung chung, có một bài vọng cổ đặt ra từ nỗi khổ hờn của đời anh. Bài đó bắt đầu kể về cái ngày vợ con đánh đoạn cách xa, anh

trở thành lính bộ binh, đời lính kề bên cái chết, cho tới, cái trận bị hủy diệt, anh bị mù rồi trở thành người phè binh lang thang đây đó với tiếng đờn giọng hát... Đây là một bài ruột, bất cứ chỗ nào anh hát cũng gây được xúc động cho người nghe và gặt hái nhiều kết quả. Tuy nhiên, không phải ở đâu cũng có thể đem bài đó ra hát. Rồi ro gặp tụi công an mặt vụ là khốn. Để đề phòng, anh Hai Đờn chỉ còn biết dựa vào thằng Tới. Khi nào hát được, khi nào không hát được đều do nó tính. Vậy mà có lần, thằng Tới không phân biệt ra một tên công an giả dạng ngồi trên xe buýt. Khi anh Hai hát bài đó xong được cô bác cho bọn tiền, thằng công an vẫn làm thình. Tới lúc xuống bến xe buýt, hẳn mới nắm ngực anh hăm: « Ê, đã mù rồi mà còn muốn vô khám ngồi nữa sao mày? »

Từ sau ngày giải phóng, bỗng nhiên anh không muốn hát bài hát đó nữa. Bảo rằng bài đó lỗi thời thì không hẳn, nhưng hát lên thì anh Hai cảm thấy ngượng ngùng xấu hổ. Kề lè cái đời lính lầm lạc dẫn tới chỗ thân tàn ma dại giữa buổi thắng lợi huy hoàng của Tổ quốc, anh Hai thấy hổ thẹn. Vì vậy bài « Đời tôi » không được anh hát nữa. Thay vô đó, anh đặt cả chục bài mới, ngợi ca cách mạng và đất nước. Nhưng tự bản thân anh cũng thấy chưa hài lòng với bài nào cả. Anh đang ngón đợi một cái gì xảy đến, mà vẫn chưa thấy có cái gì xảy đến.

... Bữa nay đã bước sang tháng mười một ta. Chỉ còn tháng nữa là tết, cái tết đầu

tiên của Sài Gòn giải phóng. Nghe hơi gió vào tết, anh Hai Đờn chưa chi đã sợ. Bấy năm nay, quả là anh sợ ngày tết còn hơn ngày thường. Hai cha con sống không nhà cửa, tối tối trở về ngủ trên sạp chợ, tết đến chỉ thêm buồn chớ có vui vẻ gì. Anh đã trải qua những đêm giao thừa tại cái sạp chợ ấy. Và ngày mồng một không có một bữa nấu nướng, hai cha con vẫn thường lẩn về xóm nghèo cũ ở bên kia cầu chữ Y.

Bây giờ, sau khi đã ca dứt bài ca « Từ ngày giải phóng quê tôi », anh Hai Đờn đứng lóng tai nghe coi có ai bỏ vô lon thằng Tới đồng nào không. Đợi hoài, anh vẫn không nghe bật lên một tiếng rùng rùng nào. Anh thất vọng quá, bèn giục thằng Tới:

— Thôi, đi về ngủ con!

Thì chính lúc anh thất vọng thốt ra lời ấy, thằng Tới bỗng áp sát người nó vào anh khẽ nói:

— Ba ơi, có chủ bộ đội cho mình tới năm trăm đồng (1) lận!

Anh Hai nghe nói đâm ngạc nhiên sờ sững. Năm trăm đồng bạc là tiền giấy, hèn gì cái lon không kêu. Mà lại là của một người bộ đội. Anh Hai hỏi nhỏ thằng Tới:

— Chú đó đã đi chưa?

— Chú còn đứng đây chưa đi, chú bị cụt một tay ba à!

Anh bộ đội không còn trẻ lắm, và tay trái của anh bị cụt khiến ống tay áo anh rũ xuống. Đứng tần ngần nhìn cha con anh Hai Đờn một lúc, bỗng anh từ từ bước tới, đặt bàn tay lên vai anh Hai Đờn:

— Anh với cháu lại đây, mình kiểm cái chi ấn đi!

Rồi không đợi anh Hai đáp, anh cầm tay anh Hai và thằng Tới dắt tới một tiệm hủ tiếu kể đó. Anh kéo ghế cho hai cha con anh Hai Đờn ngồi, rồi kêu ba tô hủ tiếu.

Anh nói:

— Chắc anh ngạc nhiên? Thôi để tôi tự giới thiệu, tôi ở bộ đội nhưng đã chuyển ngành. Cũng mới chuyển mấy tháng nay thôi. Hòa bình rồi, ở trên phân công tôi công tác khác nặng nề lắm. Cũng vì vậy nên tôi có chuyện cần nói với anh... Mà khoan, mình ăn cái đã, gấp gì!

Vừa lúc thím xâm bụng hủ tiếu từ quầy ra. Anh bộ đội đón lấy từng tô, đặt trước mặt cha con Hai Đờn, tới tô thứ ba anh mới đón bụng về phía anh. Anh nói:

— Anh và cháu cứ ăn tự nhiên. À quên, tôi quên hỏi anh thứ mấy?

— Dạ tôi thứ hai!

— Còn thằng cháu đây?

— Nó tên Tới!

Anh bộ đội xưng tên là Tư Tâm. Anh giục thằng Tới:

— Ăn đi cháu!

Anh Hai Đờn còn chưa dám cầm dĩa — phần vừa ngại ngùng, phần vừa lo lắng. Anh nghĩ bụng không biết tại sao anh bộ đội này lại có chuyện cần nói với mình. Trời ơi, chẳng lẽ đời anh đã khổ tới cực này mà cách mạng còn gom anh đem đi cải tạo nữa sao. Anh đã trở thành một phè nhân từ bấy năm nay rồi mà.

Dường như đoán biết nỗi lo sợ ấy của Hai Đờn, anh Tư Tâm nói, giọng cởi mở:

(1) Tiền cũ, tạm dùng khi mới giải phóng.

— Anh Hai đừng lo, chuyện tôi định bàn với anh và cháu là chuyện tốt cho anh thôi... Số là tôi đang phụ trách một trại dạy nghề cho bà con, em cháu mình lâu nay thất cơ lỡ vận hoặc tật nguyền. Trại này thuộc Sở thương binh xã hội. Hôm rày bà con mình gom về bốn rồi, làm ăn phát đạt vui vẻ lắm. Hiện thời có nghề mộc nè, đươn đất tre mây nè...

Anh Hai Đồn bầy giờ mới sờ soạng cầm đôi dũa. Bàn tay cầm đôi dũa của anh cứ run lên cho tới phút ấy, anh mới chột hiểu. Thì ra cái chuyện anh ngóng đợi nay đã đến. Anh áp ứng mãi vẫn chưa thốt ra được câu gì, bởi bấy giờ tâm trạng anh vừa vui mừng lại vừa thấp thỏm, bởi anh vẫn còn có nỗi mặc cảm tri niu về quãng đời cũ mình đã từng làm lính. Nghe nói có cái trại dạy nghề như vậy, anh lấy làm lạ lắm. Rồi tự nhiên, cái chất ham làm lụng lao động ở nơi anh như được đánh thức. Anh mừng rơn lên, nghĩ bụng: « Cho thằng Tới học nghề mộc thì tốt quá. Còn mình, cái vụ đươn đất mình làm được... ».

Ăn uống xong xuôi, anh Tư Tâm đứng lên trả tiền rồi ngỏ ý muốn theo về chỗ ngủ của cha con Hai Đồn. Anh Hai Đồn rõ ràng bị động, áp ứng mãi mới cho anh biết rằng chỗ ngủ của hai cha con chỉ là một cái sạp bán hàng bỏ trống ban đêm, anh không cần tới đó làm chi. Nhưng anh Tư Tâm vẫn nói:

— Có gì đâu, tôi muốn tới cho biết chỗ hai cha con anh ngủ, đặt bữa nào tụi tôi tới kiểm đưa về cho dễ!

Từ chối không được, cha con Hai Đồn phải để anh Tư Tâm theo mình vô nhà lồng chợ.

Cái sạp mà cha con Hai Đồn ngủ ở tận trong cùng của nhà lồng chợ. Anh Tư Tâm theo miết hai cha con vô tới nơi. Thằng Tới lẹ làng cởi áo quơ rác bụi trên sạp, dọn chỗ cho anh Tư Tâm và cha nó ngồi. Anh Tư Tâm dòm ngó chung quanh, đoạn lắc đầu:

— Ở cái kiểu này không êm đâu... Thôi, dứt bỏ nơi này về trên trại tôi đi anh Hai!

Anh Hai Đồn ngồi nín thinh, không biết nói sao. Tới nước này, anh đành phải thừa thật:

— Dạ... Chẳng nói giấu gì ông...

— Cứ kêu tôi là anh Tư, ông iếc gì!

— Dạ, chẳng nói giấu gì anh Tư, nghe anh Tư nói tôi thiệt ham. Ngặt tôi hồi xưa có bị bắt đi lính...

Anh Tư Tâm nói:

— Tôi biết...

— Dạ, tôi bị bắt đi lính rồi mới ra nòng nôi này...

Anh Hai Đồn bắt đầu kể. Anh Tư Tâm ngồi lắng nghe.

Đêm ấy, tới mười một giờ khuya, anh Tư Tâm mới ra về. Trước khi đi, anh nói:

— Minh tạm gác chuyện cũ lại để lo chuyện tới đã... Anh và cháu ban ngày có đi đâu thì tối cũng cứ về đây, tụi tôi tiện bề ghé đón.

Tết năm ấy, ở trại bảo dưỡng xã hội và dạy nghề Thủ Đức, Ban phụ trách trại

NGUYỄN THANH TOÀN



Bắt đầu từ tia nắng
Đưa mây hồng lên cao
Uống hạt mưa phùn ẩm
Đất cựa mình xôn xao.

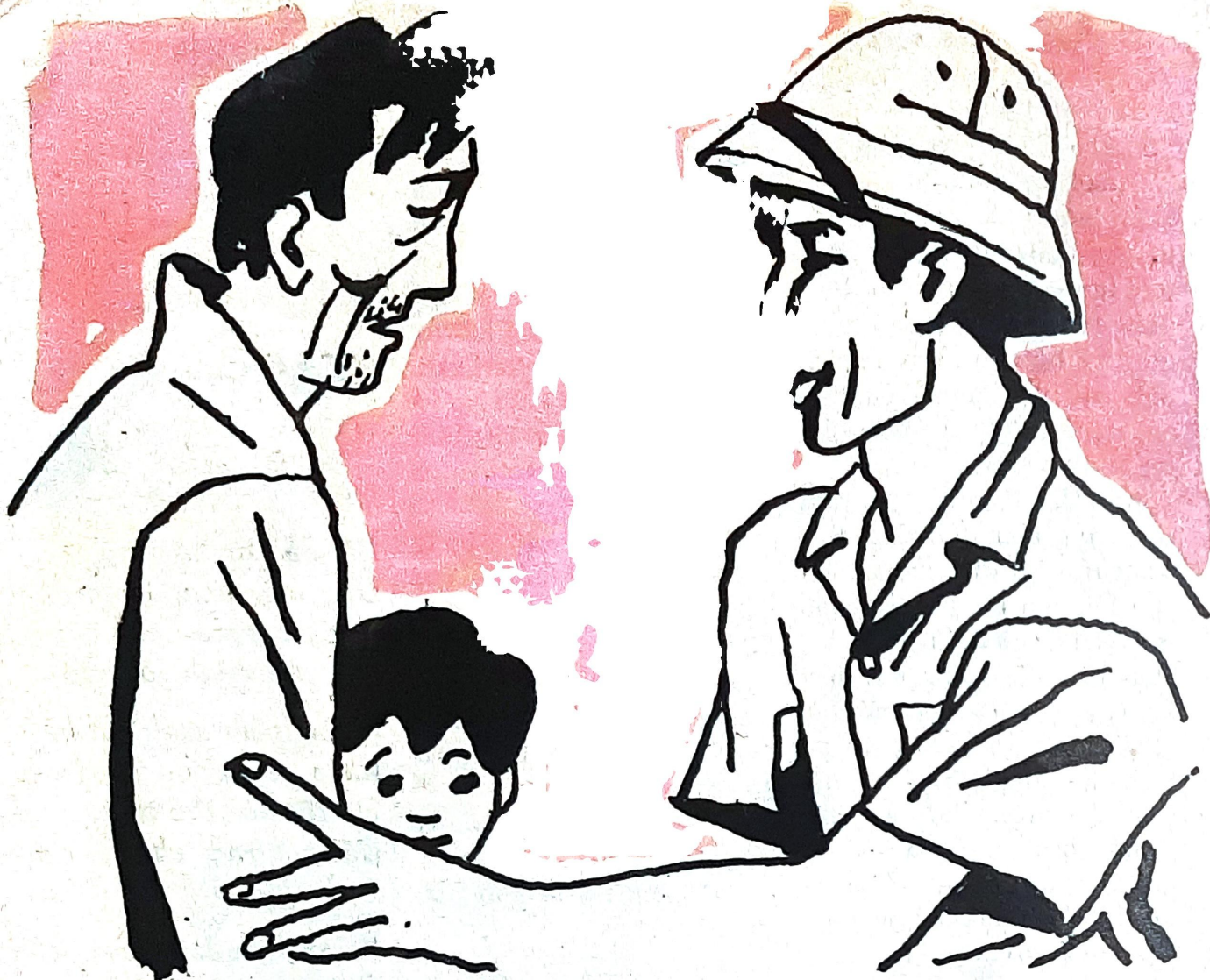
Muôn mầm xanh vụt hé
Khắp mặt đồng tươi nâu
Đã rộn lời thủ thi
Của những chàng chim sâu.

Vượt đêm dài sương lạnh
Chị sơn ca cũng về
Bồng dưới lòng suối cạn
Nước hát ru thăm thì.

Trời cứ non như thè
In màu cỏ mềm xanh...
Mặc cuối trời bão gió
Mùa đông còn níu quanh.



Minh họa của Nguyễn Phú Kim



làm lễ đón giao thừa cho hai trăm cô bác tật nguyền và trẻ em lưu lạc. Lần đầu tiên hai trăm con người tứ cố vô thân đó được đón cái tết đang hoàng dưới một mái nhà. Trước mặt họ là bàn thờ Tổ quốc và ảnh Hồ Chủ tịch. Trên các bàn dài bày biện trà nước và bánh trái. Số quà bánh này cũng có thứ do bà con thành phố tặng, nhưng phần lớn đều do sức lao động của họ mua sắm, nhờ nghề mộc, nghề đan lát và chăn nuôi của trại bước đầu thu được số lời kha khá. Tới phần liên hoan, thỉnh linh anh Hai Đờn đứng dậy nói anh xin hiến một bài vọng cổ. Anh bợ cây đờn ghi-ta cũ, nương nương đôi mắt như nhìn

khắp mọi người. Lâu sau anh mới cất lên lời:

— Bài vọng cổ này không phải là bài mới. Lúc cha con tôi đi đờn ca kiếm ăn, tôi đã ca nhiều lần. Bài ca kể nỗi khổ đời tôi, từ khi tôi bị đi lính rồi mù lòa. Nhưng bài ca cũng không hoàn toàn cũ, bởi tôi mới vừa đặt thêm đoạn sau...

Lúc bấy giờ, thằng Tới từ trong dãy bàn dành cho những đứa trẻ vụt đi ra, đến đứng bên cha nó. Tay nó đã thủ cái song loan lên nước đen bóng để gõ nhịp.

Anh Hai Đờn bắt đầu nắn nót dạo vô. Rồi anh trỗi giọng. Đó chính là bài «Đời tôi» của anh dạo trước, nhưng anh đã lược bỏ và thêm chặng sau, chặng anh

Tư Tâm đón cha con anh về. Bài ca kể về một đời tương đã bỏ đi, nay được sống lại. Tiếng đờn câu ca của anh Hai lúc thì oằn đau, lúc uất ức nghẹn ngào, rồi có lúc bừng bừng sống động. Người nghe rưng rưng nước mắt, nhưng về cuối tất cả đều chớm hé nụ cười. Bởi vì bài ca của anh Hai Đờn trong đêm xuân mới không chỉ nói về đoạn đời tận khổ mà còn tả cái cảnh trong trại làm lụng hồ hởi vui tươi.

Bài ca đã chấm dứt. Trong tiếng vỗ tay và tiếng xôn xao kéo dài, anh Hai Đờn vẫn còn ôm đờn đứng đó, và người ta thấy tự hai hố mắt thâm sâu của anh, nước mắt chảy ròng ròng...

Mình họa của Bùi Xuân Phái



CHO EM MỘT CẢNH ĐÀO

Em theo ba vào Nam
(Có bà nội ở đó!)
Em nhớ sao là nhớ
Nhất là dịp Tết về...

Đường ở đây toàn me
Quanh năm trời đầy nắng!
Đâu lá bàng mùa lạnh?
Tím đỏ rơi sân trường

Tết về càng nhớ thương
Đào cười trong mưa rét
Mong ai vào ăn Tết
Đem tặng em cảnh đào.

T.P. Hồ Chí Minh
Xuân 1982

MÙA XUÂN TRÊN NÚI

Mùa xuân, các chú đi qua bản
Lấp lánh cảnh xanh hoa mận
trắng

Người già thương lắm, đứng
nhìn theo
Ngựa hí trong tàu, đòi ra trận.

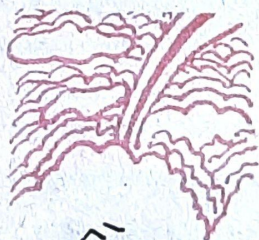
Súng nổ. Núi gầm lên giận dữ
Các chú thân yêu đang ở đâu?
Người già nhắc nhỡm bên bếp
lửa

Các chú đang ở khắp chiến hào.

Cháu thời nời xôi thơm với đồ.
Giò xinh, xinh những nắm xôi
ngon

Cứ theo tiếng súng tìm các chú
'Cháu chia xôi trong tiếng súng
dồn.

Thung lũng mùa xuân cảnh mận
trắng
Lặng im kết trái dưới màu hoa
Trai gái thanh niên ra trận hết
Trái hồng lên, chờ đợi ở nhà
Riu rít trẻ thơ trong hang đá
Tiếng chim xen tiếng trẻ đọc bài
Súng vẫn nổ ầm ầm chớp lửa
Chẳng làm dừng buổi học sớm
mai...



CẦU VỒNG RỪNG



TRÚC CHI

Cầu vồng như mọc
Ở giữa lòng rừng,
Như cầu ai bắc
Một vòng cong cong.

Cầu vồng mong manh
Như đuôi chú sóc
Quét qua khoảng rừng
Màu xanh đỏ nhạt.

Tiếng con còng hát
Rung cầu vồng chiều
Cái nét tinh nghịch
Đáng yêu, đáng yêu.

Trên cỏ con nai
Đứng nhìn ngơ ngác
Cầu vồng đâu mất
Đề lại khoảng trời.

Dưới suối sao mọc
Như con mắt ngọc
Như con mắt nai
Uống không đã khát.

Minh họa của
Nguyễn Phú Kim

Tết Nguyên Phong thăng giặc



1 — Buổi đầu Trần, Thăng Long trở nên một kinh thành sầm uất. Nhân dân vui nghề vui nghiệp.

Nhưng một hôm có bóng một kỵ sĩ từ biên thủy phía bắc về kinh thành đưa tin cáo cấp: giặc Mông Cổ đang lâm ập ngoài cõi!



2 — Như bao lần đánh phá các thành bang từ Á sang Âu, tướng giặc U-ri-ang-kha-đai lừng danh đưa quân áp sát biên giới rồi cử một sứ giả vào Thăng Long thuyết hàng.

3 — Vua Trần Thái Tông nhũn nhận tiếp sứ tại điện Tập Hiền. Nhưng trước thái độ quá ngang

ngược của kẻ thù, nhà vua sai trói sứ giặc tống vào ngục tối.

4 — Sứ đi mãi chẳng thấy về. U-ri-ang-kha-đai cử sứ giả thứ hai... Rồi lại tiếp sứ giả thứ ba. Vẫn biệt vô âm tín. U-ri-ang-kha-đai gọi các bộ tướng lại họp bàn.



5 — «Tiến công!» — Lệnh U-ri-ang-kha-đai truyền đi. Tức thì các tướng Trê-trếch-đu và Khai-đu chia quân thành hai cánh theo thượng lưu sông Hồng và sông Chảy, tiến vào Đại Việt.

6 — Chỉ hơn một ngày, cả hai cánh quân địch đã dồn tụ dày đặc trước nhánh sông Cà Lồ. Bên kia sông là đại quân Trần dàn bày thế trận sẵn sàng trên cánh đồng Bình Lệ.



7 — U-ri-ang-kha-đai ra hiệu cho các bộ tướng theo mình phóng ngựa lên đỉnh đồi. Bỗng y nhìn thấy những bóng thuyền đậu ở chỗ lượn của dòng sông, bèn gọi Trê-trếch-đu lại gần...

Khai-đu: «Phò mã dẫn ngay quân theo sau để cắt hậu quân của địch».

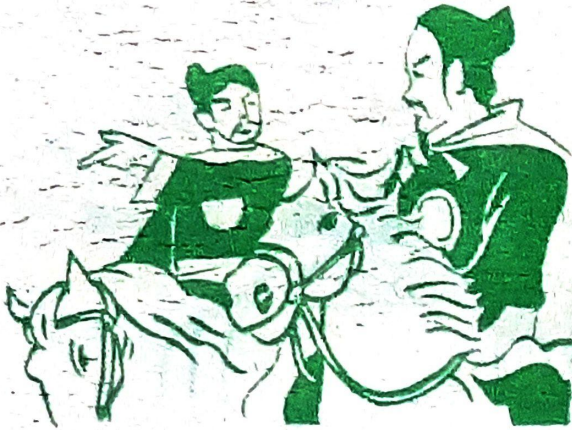
8 — Trê-trếch-đu theo lệnh truyền của chủ tướng đem quân đi, U-ri-ang-kha-đai bèn bảo

9 — Nhưng Trê-trếch-đu vừa vượt được sông, thấy quân Trần xô tới, đã nóng tiết cho dừng quân lại đánh. Trận đánh giằng co. Thế là hần quên phắt mất nghiêm lệnh phải cướp thuyền.



10 — Trong khi đó, Khai-đu huy động nhiều cung nỏ bắn vào những con voi trận đứng vòng ngoài quân Trần. Và thêm nữa, chính U-ri-ang-kha-đai cầm đại quân xuất trận.

11 — Tình thế biến đổi rất nhanh. Lần đầu ném trái những trận mưa tên, đàn voi bắt đầu hoảng loạn, tung voi lồng chạy.



12 — Quân Trần nung nấu. Vua Thái Tông, có viên tướng dũng mãnh Lê Tần phò giá bên cạnh, xông pha trước trận tiền. Nhưng rồi Lê Tần sáng suốt khuyên vua: « Xin bệ hạ hãy bảo trọng mình vãng và giữ lấy đại quân, tính kế khác... ».

13 — Nhà vua nhận ra tình hình và truyền lui quân. Song quân thù dày đặc. Phía trước : quân Khai-đô và phía sau là binh mã đông như kiến của U-ri-ang-kha-đai...



14 — Còn đang chưa biết tính kế gì thì thê đội dự bị của tướng quân Phạm Cự Chích xuất hiện. Đoàn quân quả cảm kịp thời ứng cứu và chặn đứng quân thù, cho đại quân rút về phía sau.

15 — Vua Trần cùng đại quân về được Lãnh Mỹ. Trên bến sông, đám thuyền bè suýt nữa bị Trê-trếch-đu cướp mất cũng đã kéo về được đến đây. Quân Trần được lệnh xuống thuyền ngay.



16 — Đoàn thuyền vừa rời bến thì quân thù cũng bắt đầu ập tới, xối xả bắn đuổi theo. Đứng chới vơi trên thuyền giữa dòng sông, tính mệnh nhà vua muốn phần nguy ngập.

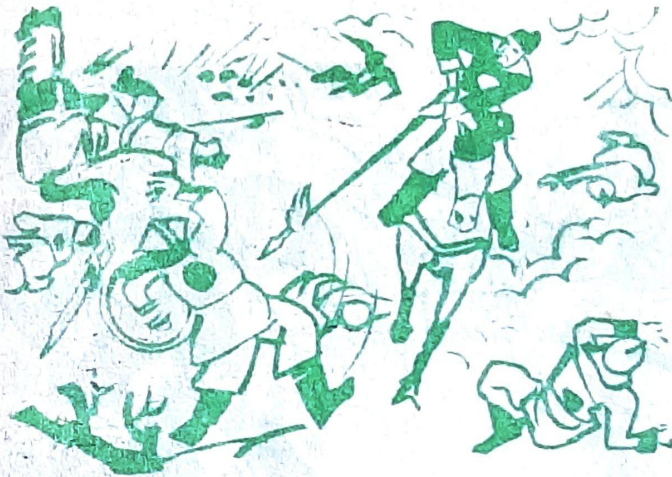
17 — Tình thế cực kỳ hiểm nghèo. Nhanh trí, Lê Tần cúi xuống bóc mạnh tấm ván thuyền giờ lên làm mộc che đỡ cho vua. Tên bay cắm phập phập vào gỗ, tua tủa như lông nhím.



18 — Đoàn thuyền được lệnh chèo nhanh. Lê Tần giúp vua chỉ huy quân lính bắn chống trả. Cuối cùng, đoàn thuyền cũng rút được ra ngoài tầm tên và lướt về xuôi.



19 — Hôm sau quân giặc đến sông Cà Lồ lại gặp một đội quân Trần đóng giữ bên kia sông. Cầu đã bị đánh gục. Quân lính phóng ngựa men bờ sông, bắn tên xuống nước, chỗ nào không thấy tên nổi lên là chỗ ấy nông, cứ phóng ào qua.



20 — Trận đánh trên đất Cà Lồ diễn ra hết sức dữ dội. Nhiều binh lính cùng tôn thất nhà Trần là Phú Lương hầu tử trận, song đã chặn được bước tiến quân thù, tạo điều kiện cho đại quân rút lui.

21 — Tin đại quân ta rút lui bay về Thăng Long làm mọi người lo âu. Từ mấy ngày trước, Linh



từ quốc mẫu Trần Thị Dung, đã cho cả hoàng gia, vợ con tướng sĩ xuống thuyền lánh về mạn Hoàng Giang.

22 — Bà còn vận động nhân dân cất giấu lương thực, và giúp triều đình chuyển cả một kho vũ khí mang đi. Cả một không khí rộn rịch hào hùng suốt từ tinh mơ cho tới đêm khuya.



23 — Đại quân đã rút lui an toàn về tới Thiên Mạc. Nửa đêm giá rét, nhà vua đi thuyền đến hỏi kế thái úy Trần Nhật Hiệu. Vị tôn thất già nua viết lên mạn thuyền hai chữ « Nhập Tống »! khiến vua đâm chán ngán, hoang mang.



24 — Giữa lúc đó thì thái sư Trần Thủ Độ từ mạn Hoàng Giang về ra mắt vua. « Đầu tôi chưa rơi thì bệ hạ đừng lo! » Lời lẽ khẳng khái của người gây dựng cơ đồ nhà Trần tức khắc làm yên lòng Trần Thái Tông.



25 — Ngay trong đêm đông, nhà vua truyền gọi các tướng tá xuống thuyền họp bàn kế phá giặc. Mặt rồng càng thêm rạng rỡ khi được biết trai tráng khắp nơi nỏ nức dầu quân và vũ khí cũng đã được toàn dân góp đủ.



26 — Kế phá giặc đã được bàn kỹ, Trương Trần Khánh Dư nhận lệnh đem quân tiến về Thăng Long êm trước. Đùng ngày 23 « ông Táo lên trời », đại quân Trần cùng nhân dân chuẩn bị lên đường.



27 — Chiều xuống, trong màn sương dày dầy mặt nước, đại quân rầm rộ xuống thuyền. Theo vua đi chinh chiến chuyến này có cả hoàng tử, tuổi còn rất trẻ.



28 — Đêm 24 tháng chạp năm Nguyên Phong đã đi vào lịch sử. Giữa lúc quân thù còn đang ngủ mê trong các lều ở Đông Bộ Đầu thì bất thần, quân ta đánh thẳng vào trại. Quân giặc vùng chạy ra khỏi lều ngờ ngác trước cảnh bốn bề lửa cháy.



29 — Đội quân thiện chiến của Trần Khánh Dư xung sát, giết giặc, cướp ngựa. Mãi hồi lâu tướng

giặc U-ri-ang-kha-đai mới kịp hoàn hồn tìm được ngựa, chỉ huy chống cự.



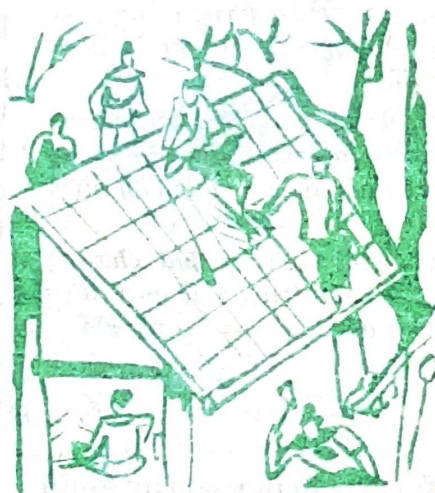
30 — Vừa diên cuồng chống trả, quân giặc vừa lùi ra phía mép sông. Nhưng chúng đã khiếp vía rụng rời khi nhìn thấy từng đoàn thuyền quân Trần theo nhau ập tới.



31 — Trên: quân Trần Khánh Dư đánh xuống. Dưới: đại quân của vua Trần Thái Tông đánh lên. U-ri-ang-kha-dai biết không chống nổi, bèn mở một đường máu rút qua sông...



32 — Trở về kinh đô, nhìn cảnh Thăng Long bị tàn phá, lòng vua đau xót. Nhưng, dân kinh thành đã gánh gồng riu rít trở về, lao xao tiếng nói tiếng cười. Tất cả ủa ra đón mừng đoàn quân chiến thắng.



33 — Công việc sửa sang dọn dẹp lại kinh đô thật nhanh chóng. Nhân dân Thăng Long vừa dựng lại cung điện nhà cửa, vừa rộn rịch chuẩn bị gói bánh chưng mừng năm mới.



34 — Đúng ngày mong một tết, nhà vua truyền mở rộng cửa điện Đại Minh cho quan tướng vào chầu, ăn mừng chiến thắng.

Tính từ buổi định đô đến giờ, chưa khi nào dân Thăng Long ăn tết vui đến thế!

Kỳ nghỉ hè đầu tiên

Cô-sê-vôi được sang Việt Nam nghỉ hè tại nơi bố em làm việc. Đó là công trường xây dựng nhà máy xi-măng Bim Sơn do Liên-xô giúp đỡ.

Tại đây, Cô-sê-vôi có những người bạn mới. Em đã sống những ngày hè với nhiều kỷ niệm đẹp đẽ ở Việt Nam.

Chúng tôi xin trích hai chương cuối của cuốn truyện để giới thiệu với bạn đọc.

MÓNG lò nung đã được đồ xong. Trông xa, hàng trụ móng giống hệt một đoàn tàu hỏa, mà đầu máy là cây ống khói ngạo nghễ giữa bầu trời. Người ta đã điều hai chiếc cần cẩu *chân đế* đến để lắp ráp thiết bị. Nghe đâu sức tải của loại cần này những 250 tấn. Bốn cái *chân đế* doạng ra, hùng dũng quá. Từ buồng lái, cô thợ cầu thủ đầu, nhìn xuống chân móng. Nom cô mảnh khảnh, yếu ớt, không tương xứng với vẻ vạm vỡ của móng lò. Ấn ngón tay vào công tắc điện. Cuộn dây cáp quay, từ từ nhả ra hai chiếc mẩu sắt. Xe *Ben la* có dàn chở một đoạn lò nung từ từ bò đến. Người thợ buộc hàng mẩu dây cáp vào thân lò. Đoạn ống lò nặng

mười tám tấn được nhắc lên khỏi sàn ô-tô. Cô thợ cầu khéo léo đưa nó đến khoảng giữa hai trụ. Bây giờ đoạn thân lò ấy đã nằm yên trên tám lót vành lò, như một cây cầu tròn bắc qua hai mố trên sông.

Một tuần trôi qua. Toàn bộ lò nung được lắp xong. Chiếc lò dài tám mươi sáu mét ngoạm miệng vào bụng cây ống khói, dốc thoải dần sang phía đông để nối với hợp khối nghiền. Rồi đây chiếc lò nung ấy sẽ quay, chuyển dần «bùn» từ đầu lạnh xuống đầu nóng. Nhiệt độ của than sẽ phả vào và «bùn» sẽ được nung khô, tạo thành những viên cò-lanh-ke. Hợp khối nghiền gồm ba quả nghiền khổng lồ sẽ «xay» cò-lanh-ke viên thành bột... Trước mắt tôi bây giờ hiện lên hàng chục đoàn tàu hỏa chở xi-măng Bim Sơn, bốp còi inh ỏi... Trông kia, bác I-va-nút và bố thẳng Thoại đang kiểm tra việc hàn lò nung. Chớp nháng lên và vụn hàn rơi lả phả. Thân lò nung đen trũi, tạo thành một nét kẻ đậm giữa bầu trời xanh biếc...

— Ta vào ruột lò chứ? —
Cô-sê-vôi rủ các bạn.

Ba đứa nhảy từng bậc dọc chiếc thang sắt vừa mới lắp ráp. Những cô thợ hàn treo mình trên dây bảo hiểm. Từ chỗ họ, lửa hàn bắn tung tóe thành những đám trắng lóa. Một tốp thợ sơn đưa từng nhát chổi đều đặn, phết sơn xanh vào các thanh giằng sắt...

Chúng tôi đứng trước cửa lò nung. Các chị công nhân



đang lát gạch chịu lửa ở phía cửa lò. Lò nung dài hun hút và sâu thăm thẳm.

Ba đưa bước hẳn vào trong miệng lò. Cảm giác lạ lẫm và sợ hãi một cái gì mơ hồ xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi chưa được đi vào đường hầm cốc than, chưa lặn dưới đáy biển hoặc luồn vào ruột đất để khảo sát. Khi lớn lên, trưởng thành, có lẽ tôi sẽ làm những việc ấy. Còn bây giờ, ba đưa chúng tôi đang thám hiểm trong ruột cái lò nung khổng lồ của một nhà máy xi-măng hiện đại. Bạn bè lớp 7A trường Ninh Thanh và các trường khắp toàn quốc chắc chắn không được hưởng niềm vinh hạnh như tôi lúc này. Có thể rồi đây nhà trường sẽ tổ chức cho các bạn đi tham quan nhà máy xi-măng Bim Sơn. Bạn sẽ được hướng dẫn và xem tận mắt từng phân xưởng. Nhưng, tất nhiên bạn sẽ không được đi trong ruột lò nung, bởi nhiệt độ của nó lúc ấy là... ba, bốn nghìn độ; không được ngó xuống cái độ sâu hai mươi mét; không được nhìn chiếc cầu cạn do bố thẳng Thoại thiết kế; không được nom tận mắt những cột nước do hàng Các-tơ tạo thành... Thế đấy.

Ruột lò nung rộng tuếch và tối như hũ nút. Tôi phải dò từng bước vì đang lạng.

— Cứ chạy nhanh! — Cô-sê-vôi giục.

— Nhỡ va phải vật gì phía trước thì sao? — Thằng Thoại lo lắng.

— Yên trí. Sắp đến đầu lạnh rồi. — Cô-sê-vôi nói khẽ.

Phía trước đã thấy lộ ra một quãng sáng hình tròn.

Đó là ánh sáng từ bên ngoài hắt vào cánh cửa cuối lò nung. Chúng tôi bước mau hơn. Bây giờ thì ba đưa đã đứng dưới nền cây ống khói. Nhìn ngược lên, thấy cây ống khói giống hệt một tòa nhà cao tầng xây theo hình tròn ốc. Một quãng sáng mờ ảo từ trên chót vót rơi xuống.

— Kia là công trình gì?

— Hành lang than. — Cô-sê-vôi trả lời.

Hành lang than dốc dần lên. Chiếc băng chuyền băng cao-su nằm trên dây trục thép.

— Khi vận hành, — Cô-sê-vôi giải thích. — trục thép quay, băng chuyền tải than từ dưới hầm than đến đầu nóng lò nung.

Ba đưa đang nhón như dọc con đường bê-tông vĩnh cửu. Một chiếc máy ủi chạy qua. Một chiếc cần cẩu tự hành đi tới. Xe *Ben-la*, xe *Din* và các loại máy móc âm ầm lẫn bánh. Chúng tôi đi sát mép đường để tránh xe.

— Chào các cháu!

Chiếc *Mốt-cô-vích* giảm dần tốc độ rồi dừng lại bên cạnh chúng tôi. Một người Nga đội mũ lưỡi trai thò đầu ra ngoài cửa xe. Cô-sê-vôi reo to.

Đó là bác I-va-nút. Bác mặc quần áo bảo hộ như một công nhân thường.

— Chào bác! — Tôi nhanh nhẩu.

— Cô-sê-vôi và các cháu cùng về nhé! — Bác mở cửa.

Chiếc *Mốt-cô-vích* từ từ lăn bánh, đưa chúng tôi ra khỏi khu vực công trường. Qua cổng « làng Nga » nhưng xe không dừng lại mà đi về phía bãi đá bóng dọc sườn đồi.



Đã thấy rõ bác bảo vệ thò dọn trong sân ngôi trường Ninh Thanh. Còn vài chục ngày nữa, chúng tôi bước vào năm học mới. Học khoảng vài chục tuần là đến cách mạng Tháng mười Nga. Năm này trường Ninh Thanh cũng tổ chức lễ kỷ niệm cách mạng Tháng mười rất long trọng. Vì biết cắt chữ nên tôi được cử làm tổ trưởng tổ cắt đá khâu hiệu. Hai hàng khâu hiệu đỏ chói trên nền vải chắng hai bên kỳ đài. Ảnh Lê-nin phóng to treo dưới cờ búa liềm cũng đỏ chói. Chúng tôi có cảm giác Lê-nin đang từ trong ảnh bước ra. Vầng trán rộng ưu tư và cái cằm của Người luôn luôn đỏ về phía trước. Chúng tôi cũng có cảm giác mình là khối công nhân vây quanh Lê-nin, nghe Người nói chuyện.



— Ba đưa chúng con đi đầu thế này à? — Cô-sê-vôi khẽ hỏi. Bác I-va-nút xoa đầu nó rồi nháy một bên mắt rất là ý nghĩa :

— Yên tâm ! Ba sẽ dành cho con và các cháu một bất ngờ thú vị.

Chiếc *Mô-tô-cô-plet* chậm dần lại khi xuống con đường trục. Xe lắc lư làm chúng tôi chao đảo. Đã thấy thấp thoáng nhiều vật lạ non. Bác I-va-nút ra hiệu cho anh lái rẽ vào cổng nhà tôi. Tim tôi đập rộn. Còn thằng Cô-sê-vôi thì reo to :

— Chúng ta đến nhà bạn Bường hả ba ?

— Ừ.

— Thế sao ba không nói với con từ trước ?

— Ba dành cho con một bất ngờ mà !

Mẹ tôi xay bột làm bánh cuốn. Bố và bác chủ nhiệm hợp tác xã thì cạo lông con chó vàng. Mọi người lưu lư chuẩn bị bữa ăn. Việc bác I-va-nút đến chơi nhà trở thành sự kiện quan trọng. Bà con chòm xóm kéo tới khá đông. Người nào cũng nhìn bác I-va-nút chào hỏi khắp lượt. Các bà cười ầm lên khi bác dùng sai một từ.

— Tôi muốn mua vịt nuôi chơi.

— Nhà tôi có. Nhưng bác thích loại vịt nào ? — Một bà xã viên hỏi lại.

— Loại vịt, loại... — Bác khoát tay, ngo nguẩy đầu. —

Loại vịt do con vịt chồng và con vịt vợ sinh ra.

Mọi người cười ầm lên. Thằng Thoại láu lỉnh ;

— Thừa bác, vịt con à.

— Ừ, vịt con.

Tôi rút một chén trà :

— Cháu sẽ tặng bác một đôi à.

— Một đôi là bao nhiêu ?

— Hai con à.

Mọi người lại cười.

Bữa ăn được dọn ra. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn vuông đặt giữa sân. Bác I-va-nút rất thích thử rượu do mẹ tôi cất.

— Nó là rượu ngang. — Bố tôi nói. — nấu bằng gạo.

— Ngon hơn vang của Pháp.

Bác khen và uống cạn cốc thứ năm. Khi đã ngà ngà, bác gặp một miếng ở đĩa đổi chỗ:

— Cũng ngon. Thứ « xúc xích » này làm bằng gì ?

— Bằng ruột, mỡ chó. Trộn đậu xanh rang, lạc rang, mỡ và tiết chó với rau má rồi nhồi vào ruột chó. Đem đun kỹ trong nước sôi. Khi chín, vớt ra, khoanh vào que nướng giòn. — Bố tôi giải thích.

— Ngon, ngon ! — Bác I-va-nút khen.

Cô-sê-vôi, thằng Thoại và tôi thì cứ đánh liên tù tì. Chúng tôi ăn thoải mái. Bánh cuốn đâm lảng trong nước xuyết, béo ngậy.

Bác I-va-nút nhìn tôi:

— Lớn lên, cháu làm nghề gì ?

— Cháu sẽ viết văn.

— Cháu định phấn đấu trở thành nhà văn à ?

— Vâng.

— Cháu viết tiểu thuyết chứ ?

— Cháu sẽ viết về tình bạn giữa Cô-sê-vôi, cháu và thằng Thoại, viết về việc bác đến nhà cháu chơi, việc bác xây dựng nhà máy xi-măng Bim Sơn.

— Nghĩa là cháu sẽ viết về tình hữu nghị Liên-xô — Việt Nam.

— Vâng.

— Bác tin cháu đạt ý nguyện.

Chợt bác quay sang phía thằng Thoại:

— Thế còn cháu ?

Thằng Thoại lúng túng đặt đĩa:

— Dạ, thưa bác, thưa, cháu sẽ, sẽ...

Mắt nó sáng lên:

— Cháu sẽ lai tạo để trồng được cây lạc của Việt Nam trên đất nước Liên-xô ạ.

Mọi người cười. Bố tôi gật gù:

— Ước mơ của chú bé ấy sẽ thành sự thật.

Bác I-va-nút đặt chén, nhìn Cô-sê-vôi:

— Thế còn con ?

— Dạ, con, con... — Cô-sê-vôi gãi gáy — Con sẽ chế tạo một loại máy cày chạy bằng dây cót.

— Máy cày chạy bằng dây cót, ha ha ! — Bác I-va-nút cười to.

Cô-sê-vôi đồng ý:

— Thưa ba, vì xăng dầu hiếm nên con sẽ sáng chế ra loại máy cày chạy bằng dây cót, để các gia đình nông dân Việt Nam cày trên những thửa ruộng khoán sản ạ...

Câu nói ấy đã được nghiền ngẫm kỹ lưỡng. Và cái điều Cô-sê-vôi mơ ước lại rất thiết thực vì nó hợp với mảnh ruộng mà gia đình chúng tôi nhận khoán của hợp tác xã.

Chúng tôi ăn vui vẻ. Mãi tới lúc này, bác chủ nhiệm hợp tác xã mới chêm vào câu chuyện của chúng tôi:

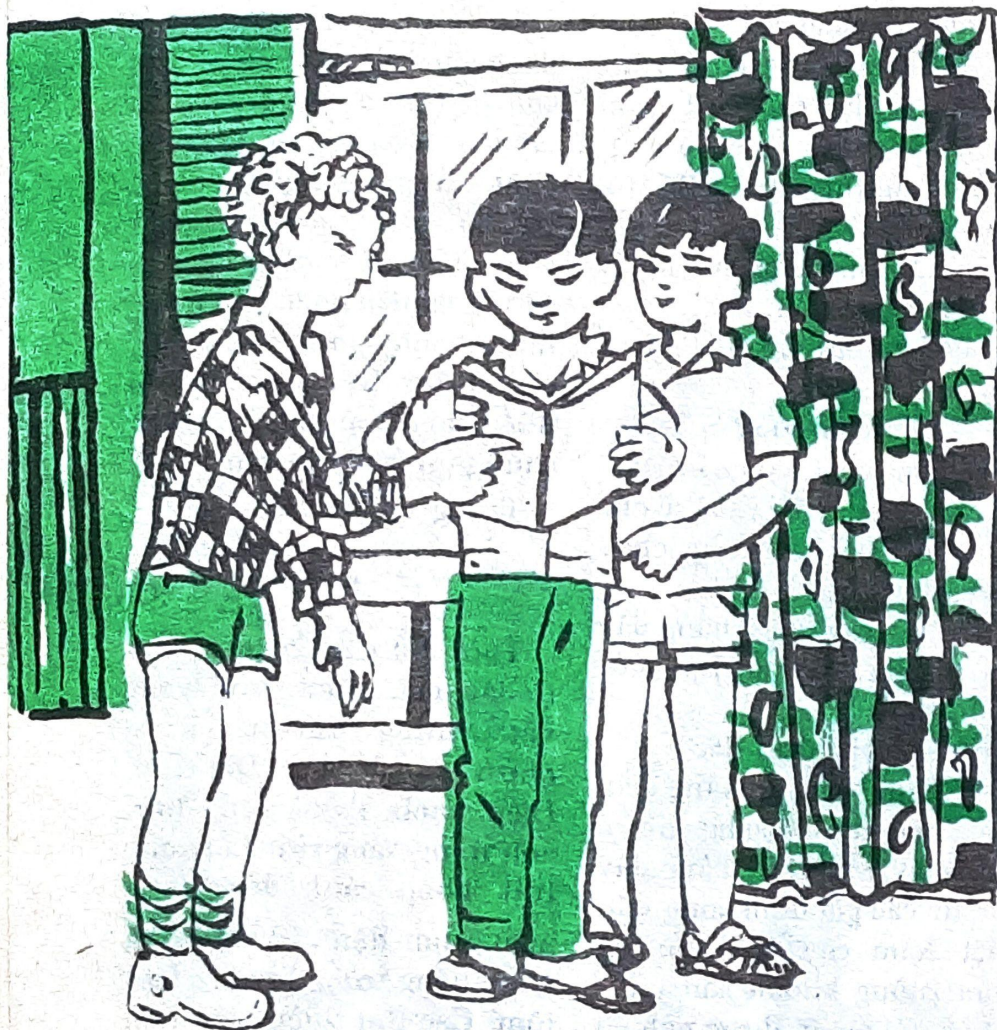
— Đất nước Việt Nam đang bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng bàn tay lao động của mình, song cũng cần mọi sự giúp đỡ của bạn bè. Hoan hô cái máy cày chạy bằng dây cót của Cô-sê-vôi và nếu cháu làm được những máy móc to hơn để cày được trên những cánh đồng mênh mông tương lai chúng tôi càng hoan nghênh.

Trăng đã mọc...

Thời tiết chuyển sang thu từ lâu rồi. Vòm trời trong vắt. Những cụm mây trắng nhởn nhơ đó đây. Dãy Tam Điệp xanh thẫm lên dưới ánh nắng vàng rọi. Lúa mùa trái khắp cánh đồng một màu xanh đậm. Trong thôn xóm, tiếng trống ếch kêu tòm tòm. Các đội thiếu niên tiên phong đang tập duyệt lại đội ngũ, tập đấu kiếm, chuẩn bị đón tết Trung thu...

Bận suốt ngày. Ngoài việc chăn trâu, ôn bài, tôi còn phải tham gia các buổi tập. Thằng Thoại cũng vậy. Tôi hẹn gặp nó vào buổi trưa hôm nay.





— Thế nào? Chiều mày vẫn đi tập chữ? — Tôi hỏi.

— Tất nhiên! — Nó vừa trả lời vừa khịt mũi. — Mình thích nhất môn múa kiếm.

Tôi bĩu môi:

— Múa kiếm, mệt lắm! À, ta đến « làng Nga » nhé?

— Đi đi! — Nó cầm tay tôi lắc mạnh.

Hai đứa chạy như bay. Chiếc *Một-có-vịch* sơn màu đen đang bỏ qua cổng thoáng nom thấy bác I-va-nút ngồi trong xe. Thắng Thoại bật gọi nhưng tôi ngăn lại. Bác I-va-nút nhìn chúng tôi rồi bảo anh lái hãm phanh.

— Chào nhà văn và nhà lai tạo giống tương lai! — Bác cười.

— Thế còn anh bạn chế tạo máy chạy bằng dây cót của chúng cháu vào giờ này còn ở nhà không ạ? — Tôi lém lỉnh.

— Cô-sê-vôi đang ở nhà. Mời các cháu vào chơi.

Xe lăn bánh. Chúng tôi nhìn theo chiếc *Một-có-vịch* cứ mỗi phút lại mỗi xa dần. Hai đứa dè dặt bước lên cầu thang. Cánh cửa phòng để ngỏ. Cô-sê-vôi ngồi viết chỗ bàn. Chẳng rõ nó viết gì mà môi cứ mấp máy. Tôi huýt sáo. Thắng Thoại cũng huýt theo. Cô-sê-vôi buông bút:

— A!

Đoạn, nó kéo ghế, tìm ấm pha trà. Tôi phì cười:

— Cậu cứ làm như bọn tớ là khách lạ ấy.

— Các cậu. Mình sắp về nước rồi. Đang viết mấy dòng vào cuốn sổ để tặng hai cậu.

— Thế à? Cậu sắp về nước à? — Thắng Thoại nói và cầm luôn lấy cuốn sổ vẫn để trên bàn. — Chữ cậu xấu như mèo cào ấy nhỉ? Phải viết tập nhiều cho chữ đẹp chứ!

Câu chề thẳng thừng ấy khiến mặt Cô-sê-vôi đỏ ửng. Tôi bảo thẳng Thoại:

— Đừng có gào lên thế!

Thắng Thoại vẫn tỉnh bơ. Nó lại khịt mũi:

— Hè năm tới, cậu có sang Việt Nam nữa không?

— Chưa rõ. Điều ấy còn tùy thuộc việc ba mình làm ở đâu.

— Nhưng cậu vẫn nhớ bọn tớ chứ?

— Sao lại không! Có thể mình sẽ theo ba mình đến châu Phi hoặc châu Mỹ Latinh, nếu Liên-xô xây dựng nhà máy cho những châu ấy. Nhưng dù sống ở đâu thì mình vẫn không bao giờ quên kỷ nghỉ hè đầu tiên của mình tại Việt Nam, không quên mấy tháng trời chúng ta sống với nhau. Biết bao nhiêu là kỷ niệm...

Mắt Cô-sê-vôi đỏ hoe. Nó sắp khóc.

Thế là ngày chia tay giữa chúng tôi đã đến. Ba, đưa bước dọc bãi đất thoải gần ngôi trường Ninh Thanh. Học sinh các lớp dọn dẹp trong sân trường. Chúng vừa cuộc cở vừa nô nghịch, cười nói ồn ã.

Chúng tôi lặng lẽ. Thắng Thoại cầm mảnh xương chim hóa thạch mà nó nhặt ngoài bãi thải đá dạo nào. Cô-sê-vôi thì cầm cuốn sổ. Tôi cầm bức tranh bác họa sĩ tặng.

nghe
cây
sô
hoa



Đã từng lên tàu hỏa
Đã từng đạp ô-tô
Cô ong xinh xinh ấy
Đi tàu bay nữa cơ!

Cô bay theo mùa hoa
Cánh rung rung cảm xúc
Chưa xong hoa vãi chưa
Đã thơm lòng nhặng ngọt.

Mùa hoa ruồi nhanh nhanh
Đất nước thì dài rộng
Một đôi cánh bé bỏng
Bay làm sao cho cùng!

Có thợ nuôi ong giúp
Những cô ong vàng mơ
Lần đầu dùng cánh sắt
Của bác ong không lỗ.

Ô này những đóa mây!
Cũng hồng tươi, tím biếc
Hóa ra ở giữa trời
Mặt cũng nhiều phải biết!

Bác ong không lỗ ơ!
Sao không dùng lấy phấn?
Cứ dang đôi cánh trắng
Mà bay trần cung mây
A, thì ra bác biết
Miền nam đang rộ hoa
Nên bác bay mãi miết
Cho hoa kia khỏi chờ.
Bác không lỗ hạ cánh.
Sân bay người xôn xao:
— Khách nào mà sang thế!
Xách va-li bé tí
Các cô ong vậy chào.

bổ tôi. Bức tranh vẽ cảnh
thì công, móng lò nung.
Không đứa nào nói. Ba cặp
mắt đều ngược nhìn cây ống
khói đang lặng lẽ tỏa lên bầu
trời xanh thắm làn khói trắng
muốt. Nhà máy bước vào sản
xuất rồi. Mẻ xi-măng thứ
nhất vừa mới ra lò.

— Kỳ nghỉ hè đầu tiên của
cậu thú vị đấy, Cô-sê-vôi
ạ! Tôi phá tan sự im lặng.

Ba đứa trao tặng phẩm
cho nhau. Mắt Cô-sê-vôi đỏ
hoe. Nó li nhí:

— Lớn lên, nhất định mình
sẽ chế tạo thành công loại
máy chạy bằng dây cót,
đề tặng Việt Nam.

— Còn tớ thì viết văn.
Cuốn sách đầu tiên phải là
cuốn sách miêu tả tình bạn
của chúng ta, miêu tả việc
nhân dân Liên-xô giúp nhân
dân Việt Nam xây dựng nhà
máy xi-măng Bim Sơn
này. — Tôi nói to lên cái
điều đã nói.

Thằng Thoại khịt mũi:

— Cô-sê-vôi ạ, cậu cứ yên
tâm. Bây giờ thì chắc cậu
ham thích món sinh vật rồi
chứ?

— Ham lắm!

— Học đi, học cho giỏi
món sinh vật đi. Nhất định
mình sẽ trở thành nhà lai
tạo giống, mà thành quả đầu
tiên là cây lạc Việt Nam,
miền nhiệt đới, sẽ đem trồng
bên Liên-xô, miền ôn đới và
hàn đới. Thế đấy.

Núi Tam Điệp bừng lên
trong nắng vàng rọi...

Bầu trời xanh biếc. Cây
ống khói phả lên trời xanh
biếc đùn khói trắng như
bông...

Minh họa của
Trần Gia Bích





mùa xuân



Mỗi năm trực ba tháng
Giữ một trạm thời gian
Xuân trở về đúng hẹn
Khi mùa đông vừa tàn.

Bước xuân đi nhẹ nhàng
Tiếng mùa xuân êm ả
Thế mà muôn mắt lá
Mở nhìn màu xanh non
Thế mà muôn hạt mầm
Tách vỏ khô dậy hết.

Như một người chăm việc
Tay quen nói thay lời
Xuân đến khắp mọi nơi
Rắc hoa lên cành biếc
Rồi lấy mật từ đất
Rồi lấy hương từ trời

Chuyền lên cành cây nuôi
Đề xòe hoa kết quả.

Đầu mùa se sương giã
Xuân thức ông mặt trời
Đỏ nắng vàng ra phơi
Quả tha hồ ấm áp
Lại sợ quả nó khát
Xuân gửi cơn mưa phùn
Buổi sớm lại buổi hôm
Quả tha hồ tắm mát.

Lại vẫy lá ru hát
Chuyền cây cành rung đưa
Cho lứa quả măng tơ
Càng lớn lên càng đẹp.

Minh họa của
Nguyễn Phú Kim



NĂM nay đến lượt làng
Thịnh Quang, huyện
Quảng Đức trong kinh thành
làm trâu đất. Ngay từ giữa
tháng chạp người ta đã sắp
sửa vật liệu để nặn con vật
thần đối với nghề nông. Vật
liệu do mấy cụ bô lão giàu
kinh nghiệm kén chọn kỹ
lưỡng. Tre làm cốt phải là
thứ tre già chặt từ đầu năm
với cái nghĩa « Tre tháng tám
làm lat, tre tháng chạp làm
cột ». Bởi vì tháng tám mưa
nhiều, nhất là sau kỳ mưa
ngâu tháng bảy thì tre trồng
nhiều năm cũng mềm ra,
ướt nhựa, chỉ dễ chẻ ra làm
lat. Còn tre tháng chạp qua
những tháng khô hanh mùa
đông đều rắn chắc lại. Đất

chọn cũng kỹ, làm đất càng
kỹ hơn.

Nhà câu bé Đức dâng cai
nậu trâu. Mà kỳ lạ thật, ông
nội lại cho Đức ngồi xem,
rồi cho giúp cả những việc
lặt vặt nữa; Đức rất thích
sân nhà bé bày giờ không
khí rất lạ. Tre, đất xếp đầy
sân. Đức thấy ông nội mình
cùng mấy ông bạn già râu
tóc trắng phau ngồi nghịch
đất cả ngày dưới bóng rợp
của giàn thiên lý. Họ dùng
dao vằm đất sét thật nhỏ ra,
hột đất nào cũng chỉ bằng
hạt na; Mẻ nào được vằm kỹ
rồi, các cụ đổ vào những cái
nồi ba mươi ngăm nước.
Những cây tre đục vỏ vàng
vót từ ao làng đem về được

dùng dao sắc róc hết mấu.
Ông nội Đức chẻ một cây
thẳng làm cái thước đo. Cụ
dùng gang tay ướm vào cắt
tre vót nhẵn bóng miệng làm
nhằm: « Trường mười lăm
rưỡi, khoát mười, kiêu
mười... » Rồi như không tin
ở trí nhớ kỹ lưỡng của mình,
ông cụ hỏi lại mấy cụ bạn
già:

— Nhia, các cụ nhia!
Có phải trường mười lăm
rưỡi, khoát mười, kiêu
mười không các cụ nhia?

Cả mấy cụ kia cùng đáp
một lượt:

— Đúng rồi! Trường phải
mười lăm gang rưỡi. Thiếu
nửa gang ông trâu ngắn
mình nom yếu ớt hẳn đi.

Rồi bồng một cụ như thử
bạn, thử cả mình, hỏi trống :

— Hay là ta làm hẳn mười
sáu gang trường đi nhè ?

Thế là bấy nhiêu cụ phản
đối rào rào :

— Mười sáu gang, con trâu
dài ngoẵng như trâu ốm đói
ấy !

— Không được, mười lăm
rưỡi là mười lăm rưỡi. Từ
đời Hồng Đức đến giờ ngót
trăm năm rồi, con trâu mười
lăm rưỡi trường là mười
lăm rưỡi trường.

— Ấy chết, làm thế làng
bắt vạ mà triều đình đâu có
cho. Phép vua, luật nước.
lệ làng, con trâu mười lăm
rưỡi là phải đúng không sai
một li.

Ông cụ kia cười hề hề cãi
dũa :

— Bõn các cụ tí chơi chứ
tôi đâu dám làm dài trâu,
ngắn trâu.

Cậu bé Đức ngơ ngác nhìn
ông nội đùa vờ với các bạn

già, cậu cứ nghĩ họ nghiêm
chỉnh hơn cơ.

* * *

Sáng ngày ba mươi tết, cả
làng khiêng cái bục trên bảy
ông trâu đất to kền kàng lên
phủ nha. Ở đây quan phủ
đã sắp binh lính, cờ long,
trống chiêng rước ông trâu
đến cửa Đại Hưng là cửa
nam của hoàng thành. Năm
nay đức vua sai một ông
thần vương chủ ruột mình
làm chủ lễ rước trâu xuân.

Đám rước dàn ra. Đi đầu
là cờ quạt bay phấp phới, rồi
đến một cái trống cái, người
đánh trống trước khi vục dùi
còn khoa nó lên cho dải lụa
hồng bay tỏa ra nôm rất đẹp.
Con trâu đặt trên bục. Cái
bục đặt lên trên khung cang
làm bằng tre đục mười sáu
người khiêng. Con trâu năm
nay nặn khéo lắm. Vai nó
nở nang, hông tròn trịa, cái
đáng nó nghiền cổ như đang

hít mùi lúa chín thơm. Người
ta còn dùng lụa màu kết
thành hai bông hoa treo lên
đầu sừng trâu.

Nhưng đặc biệt nhất là
ngay sau trâu, đứng trên
một ngáng tre là một chú bé
xinh xắn. Chú bé còn để tóc
trái đào, mặc áo vắt tà ngắn
vạt màu là coi. Tay chú có
cái roi tre dài. Đầu roi còn
để một tấc là. Đám rước cứ
đi vài bước, đến nhịp trống
cái điểm tưng là chú bé lại
đập cái roi lên trên mông
trâu. Thế là người đi xem
rước lại để to : « Vắt, vắt,...
bờ rừ ! »...

Phải nhận rằng đám rước
trâu rất vui. Hai bên phố,
nhiều nhà đem pháo ra đốt
mừng. Ai cũng chỉ trông chú bé
chấn trâu, khen chú xinh xắn,
khen chú mặt mũi sáng sủa.
Họ hỏi nhau :

— Cậu bé chấn trâu năm
nay là con cái nhà ai thế ?



— À, cậu ta người Thịnh Quang. Nghe đầu tên là Đức.

— Ủ! Năm nay trâu có dáng, trẻ trâu lại đẹp, ắt là mùa màng phải tốt tươi.

Vừa lúc ấy, như để trả lời câu vừa rồi, mưa xuân rắc hạt li ti. Không khí vừa ấm vừa ẩm làm cho người ta có cảm giác cây cối đang nhón phồng lên. Mưa rơi ướt cả trái đào bé Đức, nhưng bé không quên nhiệm vụ. Hề nhịp trống từng là bé lại vung cái roi tre lên đập vào mõng trâu.

— Vắt, vắt, bờ rừ... vắt, vắt, bờ rừ!

* * *

Sáng mùng một tết, bố của Đức chải đầu cho con, mặc quần áo mới cho cậu bé. Trên mặt Đức vẫn còn phảng phất những nét vui hội hè của đám rước trâu. Hai bố con dắt nhau đến trước giường ông nội. Ông nội đã thưởng thức xong tuần trà sớm, thế là ngày tết cũng không quên nếp cũ. Chẳng những thế, ông nội còn bày ra nao bút, nào nghiên mực, nào giấy trắng tinh. Nghiên mực đã mài xong, mùi mực thơm như khói tùng.

Mười mấy ngày chặt tre, vằm dất làm trâu, rước trâu thế mà nôm cụ trẻ ra, khỏe ra. Ông nội kéo bé Đức lại gần, xoa đầu bé Đức rồi bảo:

— Cậu bé chẵn trâu năm nay đến tuổi đi học rồi. Năm nay ông cho cháu khai bút nhé.

Trên tờ giấy trắng tinh, ông nội đã viết một dòng chữ rất nắn nót:

« Rước trâu xuân cho mùa màng tươi tốt ». Các chữ đều viết đủ nét cả, riêng chữ *tốt*

còn thiếu một nét ngang. Ông nội bảo Đức:

— Cháu lên đây với ông!

Bố Đức bế con lên đặt vào lòng ông già. Ông nội ôm cháu, tay phải cầm quản bút đâm vào nghiên mực, lần cho thật gọn đầu. Ông nội lại nói:

— Viết một nét cũng phải cẩn thận. Từng chữ từng chữ đều lưu lại cho đời sau đấy cháu à.

Ông nội cầm tay cháu rất nhẹ nhàng, rất tỉ mỉ đặt một nét ngang vào chữ *tốt*. Ông bố Đức nhìn thờ nhin cho đến khi xong nét, vẽ mặt giãn tươi lên. Nét chữ đầu tiên của bé Đức rất chỉnh. Hy vọng sau này cậu bé học hành nên người.

* * *

Từ một gia đình chăm chỉ làm ăn, chuông học văn, cậu bé Nguyễn Bình Đức sau này đỗ lợi nguyên, tức là đỗ đầu tiến sĩ.

Minh họa của
Trần Văn Thọ



ĐOÀN GIỎI

Một người đàn bà không may bị lạc rừng phương Nam thâm nghiêm, huyền bí. Vì nhân từ, nghĩa hiệp, một nông dân Năm Căn không quản nguy hiểm dẫn thân vào rừng sâu tìm cách cứu chị. Đoạn sau tả cảnh người nông dân Năm Căn lần theo vết người đàn bà lạc rừng. Những chuyện nguy hiểm, bất ngờ, cái chết... rình rập mỗi bước chân anh... Mẩu truyện này trích trong chương IV của tác phẩm truyện kể « Ông già Năm Căn ».

ON Đốm há mồm thè lưỡi chạy lúc thúc dò đường. Chốc chốc, nó dừng lại chờ chủ. Mỗi lần dừng lại nó vẫn không ngừng quan sát chung quanh. Khi thì nó vươn cổ dài ra, nhòm vào một cái hang sâu hoắm ẩn vào bóng cây, khi thì ngửa cổ thẳng lên ngó những chùm dây cóc kèn, dây lằng xám mốc quần thành núi như rắn trên các ngọn cao. Hai « thầy trò » cứ thế mỗi lúc một đi sâu vào rừng rậm.

Tám Mun rất tự hào về con Đốm của gã. Nó luôn luôn sục sạo, dường như không lúc nào chịu yên. Săn chồn, đuổi kỳ đà, bắt cả rùa cả rắn và tôm và cá mắc cạn trong những đầm lầy. Thêm tình ưa nước, thích bơi, lần di truyền của loại chó săn, nơi vùng rừng ngập đã giữ cho nó có một thân hình gọn gàng chắc nịch, không một chút mỡ bệu hay nếp da chèo thịt dư thừa trong cơ thể. Ngực to, sườn khuyết, bụng thon dưới lớp lông dày óng mượt, chân cao và thẳng trên bộ trán rộng đen tuyền mọc hai đốm trắng như hai ngôi sao lấp lánh, con Đốm có đôi mắt nhìn thẳng thắn,



trầm tĩnh và chăm chú khiến cho bất cứ ai thấy nó cũng phải trầm trồ.

«Thầy trò» lại tiếp tục đi tới. Lúc gần xế, khi sắp chui qua một vòm cây rậm, con Đốm đột nhiên lùi lại. Đầu hạ ngay xuống trong tư thế sẵn sàng tấn công, đôi mắt nó long lanh sáng chói, hai cánh mũi run run, lông gáy dựng như sóng gợn. Dấu hiệu báo động khẩn cấp. Tâm Mun xuyt khẽ một tiếng, truyền lệnh cho nó giữ nguyên vị trí. Rừng im không một tiếng động. Như phút im lặng đột ngột giữa chiến trường. Kẻ thù nguy hiểm đã cận kề. Tâm Mun bước tới một bước, chong ngọn mào lên ngang tầm mắt. «Không phải heo, không phải cạp. Beo và cạp giấu sao được mùi khét lẹt tỏa ra xung quanh chi ít cũng mười thước. Vậy là con gì». Gã đảo mắt quanh một vòng, vẫn chưa phát hiện ra. Con Đốm bỗng vươn cổ lên, nhìn thẳng vào vòm cây, gầm gừ.

Tâm Mun chớp mắt mấy cái, định thần nhìn theo hướng con chó săn tinh khôn chỉ điểm. «A! Nó kia rồi! Quỷ quyết dữ há!» Giữa những chùm rễ phụ, những sợi dây leo buông rủ xuống lối mòn do heo rừng, chồn cáo thường đi qua, một con rắn hổ mây to cỡ bắp chân người lớn thông đầu xuống gần đến đất, đuôi quấn chặt trên cành gié ngang. Nó đã khôn ngoan vùi bùn cho mất mùi hôi và làm tiếp sắc da nâu đen óng ánh ra màu xám mốc, nguy trang giống hệt những chiếc rễ phụ lòng thông rủ xuống quanh nó.

«Con rắn này không lớn lắm, nhưng nó quá dài. Ngọn mào thông chưa chạm tới nó, nó có thể quăng mình ra quấn bắt ta ngay!» Tâm Mun nghĩ bụng vậy và lặng lẽ đưa tay trái lên tháo chiếc khăn bịt đầu xuống, tay phải vẫn thủ chắc cán mào. Đầu con rắn khẽ nhúc nhích, rồi lại im lìm bất động như cũ. Nếu không tinh mắt không

thể nào nhận thấy cái lưỡi chẻ đôi của nó phóng ra thụt vào như một tia chớp. Cặp mắt màu đồng thau của nó vẫn chăm chú theo dõi đối thủ từng cử động. Tâm Mun vo chiếc khăn rằn, bất thành linh ném tới. Con rắn lập tức co mình lên, há họng đỏ lòm chom chom răng nanh trắng lóa toan đón chiếc khăn. Tâm Mun lao tới, vút một tiếng như roi quất, lưỡi mào trong tay gã đã bay ra, phạt ngang cổ chém rụng đầu con rắn. Cái mình rắn mất đầu gồng lên, vung qua vung lại làm chuyển động vòm cây ào ào cho đến khi máu tõe ra như vòi phun chỉ còn rỏ xuống từng giọt lộp độp trên những tàu chuối nước, nó mới chịu tháo đuôi rơi phịch xuống. Trong khi đó con Đốm đã xông tới, ngoạm đầu con rắn dù không để nó kịp lùi trốn vào bụi.

Giả lúc khác thì Tâm Mun cũng chịu khó lột da con rắn hổ mây này mang về. Ít ra cũng đòi được vài lít rượu.



Chứ thật nó thì chẳng ai thêm ăn, bởi mùi khét khét cay cay như rau răm mà lại nhạt thềch. Sau khi băm nát dầu con rắn, vùi sâu xuống đất phòng có người giâm phải rằng nó, Tám Mun chặt lấy một khúc mình độ hai cân, lột da ném cho con Đốm...

« Ở đời không gì hèn bằng thiếu chí. Mình đã hứa với người ta rồi. Người ta từ nơi khác tới đây. Mình là dân địa phương đây thì người ta

là khách của mình! Rừng này, sông lạch này từ ngọn cây, lá cỏ đều thuộc đều quen. Há chịu bó tay để mang tiếng dất Cà Mau không có lấy một tay võ đồng hay sao? ... Nói đồ sông đồ biển, dù Thị Lua có bị cộp ăn thì ít nhất mình cũng mang về được mớ tóc, nắm xương để an ủi người chồng bạc phước, và oan hồn người chết cũng còn được năm mồ năm mả, đỡ lạnh lẽo bơ vơ... » Tám Mun vừa càn rừng đi tới vừa lan man nghĩ vậy.

Cho đến quả ngọ ⁽¹⁾ thì « thầy trò » gặp một trảng nhỏ giữa rừng. Theo các ông kỳ lão, những cái trảng nhỏ kiểu này, xưa vốn là đầm nước, lồi nhồi đầy rùa rắn và cá sấu. Lâu ngày chầy tháng bị phủ sa bồi lấp, lau sậy mọc lên, cá sấu bỏ đi, nơi đó trở thành đất bằng. Dấu vết của nhiều loại cây cỏ thụ chen cành đan rễ mọc quanh bờ nước ngày xưa, giờ như bức tường xám khùng khiếp dựng lên bao quanh vùng đất trống xanh rờn lau cỏ. Cách vài trăm thước, Tám Mun đã nghe tiếng qua kêu quàng quác trên ngọn cây kim cang cao nhất.

Từ trong bóng rợp xanh đen của các tàng cỏ thụ, mà mỗi cái rễ ngoằn ngoèo, mỗi cành nhánh xù xì và thân cây đều uốn khúc như những con rồng quái dị; nhìn ra trảng tranh vàng nắng, Tám Mun tròn mắt trước một cảnh tượng hiếm thấy. Trên các nhánh cao, cách mặt đất chừng mười thước bao quanh khu trảng, một bầy kèn kèn ước có hai ba chục

con vừa xám vừa nâu đậu rải rác mỗi con một nơi, khoảng cách rất đều nhau như một vòng linh gác, chăm chăm nhìn xuống theo dõi một mục tiêu nào đó. Loài chim ghê tởm chuyên ăn xác chết này, con to khi nó đứng vươn cổ cao tới một thước rưỡi, bề ngang cánh xoè có thể rộng từ hai thước tới ba thước. Kèn kèn xám sặc lông màu tro, kèn kèn nâu sặc lông màu gu, nhưng tất cả đều giống nhau ở chòm lông trắng mọc tua tủa vòng quanh cổ, ngang giáp vai. Và từ chòm lông đó mọc ra cái cổ dài tựa hình cổ ngỗng bị vật trọi đỡ lấy kiểu đầu chim ưng mang chiếc mỏ quắm to và nặng như đúc bằng thép. Trên những cánh cao hơn, năm ba con già đầy chân cao kều, đứng lặng lẽ như những ông thầy tu trán hói mặc áo xám, nên lòng chờ đợi bữa ngon sắp dọn ra. Và tít trên hết vẫn là những con quạ khoang quạ đen hầu dới, không ngớt nhảy nhót kêu la quàng quác.

Ở đây cũng như mọi vùng rừng và đồng cỏ nhiệt đới mệnh mòng, kèn kèn là những tay « đạo tì », những « vệ sinh viên » miễn cưỡng, hữu hiệu duy nhất. Tất cả mọi thứ xác chết chúng tổng vào mề vào ruột sẽ không còn làm cho không khí sặc mùi hôi thối, làm mất chỗ trú của giới bọ sinh sôi và triệt hết nguyên nhân gây ra bất cứ bệnh dịch nào. Giữa cuộc sống còn hoang rợ của những vùng đất mới, không thể thiếu chúng. Bởi các biện pháp vệ sinh con người áp dụng chỉ là việc lấy ngao

¹ Quả trưa.



lường biển. Đặc biệt con kèn kèn, nó vừa là hình ảnh báo hiệu một điều không tránh khỏi, cũng vừa là nhân chứng của những cái chết không tránh khỏi. Một con thú rừng ngã xuống vì kiệt lực, một con heo lạc rơi xuống hố gãy chân, một con trâu con bò bị dịch lăn ra giữa đồng, tức khắc có nó bay tới. Khi một con phát hiện ra mồi thì con thứ hai con thứ ba... kéo theo nó còn có điều hàu, già dầy và quạ bay tới tập hàng đàn từ bốn hướng trời.

Mấy lần con Đốm toan lao ra trắng, nhưng nó còn ngó lên chờ lệnh chủ. Tám Mun muốn chờ xem bầy kèn kèn dàn trận bắt con gì đây. Quả nhiên, gã không phải chờ đợi lâu. Một con chồn cáo cộc to gần bằng con báo từ bụi lau giữa trắng vọt ra, toan phóng vào rừng. Nhưng một bên cạnh trước của nó bị đứt mất một khúc hầy còn rỉ máu khiến nó phải nhảy xom xom. Rõ ràng con chồn này bị bẫy, chắc nó đã cắn đứt bỏ lại bàn chân để

thoát thân và lé lét chạy về đến đây. Con chồn vừa nhảy ra một quãng, vội thu mình lùi lại. Như một luồng gió xám quạt thốc xuống, một con kèn kèn lao tới vờn những chiếc móng sắc như guom xoay qua xoay lại vờn vờn trước mặt, đuổi con vật khốn khổ lùi lại, không cho tâu thoát. Con chồn lại rúc vào một bụi cỏ gai, còn con kèn kèn thì bay lên đứng gác nguyên vị trí cũ. Cầm chắc sẽ được chén một bữa no nê, bầy kèn kèn và những con già dầy kia cứ kiên nhẫn đợi chờ phút con chồn kiệt sức.

Tám Mun không chờ coi nữa. Gã xuyt xuyt mấy tiếng. Con Đốm lao ra, sửa dũ dới

cướp tinh thần kẻ địch rồi nó chạy quanh bụi cỏ gai siết hẹp dần vòng vây, cho tới khi cỏ chung quanh đều rạp xuống. Con chồn cảm thấy cái chết đến nơi rồi. Nó ngồi nhồm lên hai chân sau, trơ trọi trên gò đất mép nhếch nhếch để lộ hai hàm răng nanh nhọn hoắt, đồng thời vờn tiếng khè khè phát ra từ cổ họng, rớt rãi trắng xóa cũng chảy theo ra hai bên khoé mép. Nó chồm mình lên, mắt long lanh đỏ ngầu tia máu, móng trước vờn ra trong một bộ điệu cực kỳ hung hãn. Nhưng con Đốm coi chẳng ra mùi gì. Nó ve vẩy đuôi lượn vòng quanh như nhón nhờ dạo chơi, khiến

con chồn phải xoay quanh theo không dám rời mắt. Bất thình lình con Đốm sủa lên một tiếng vang óc, làm con chồn lấy bầy thu hình lại. Bằng cố gắng tuyệt vọng cuối cùng, con chồn cup đuôi bung hai cẳng sau lui chạy. Nhưng con Đốm đã lao tới đón đầu, cắn phập chính xác vào giữa cổ họng. Cả hai con bấu vào nhau, đè lên nhau găm giữ vật nhau lẫn lộn quần nát một vật cổ tranh. Trong khi đó bầy chim đứng gác trên cao cũng lắc lư ngóng ngó, vươn cổ đập cánh kêu như xé màng tai.

Ngày thứ ba.

... Khi Tám Mun tới nơi, con Đốm đang nhảy cồm, chạy vòng quanh người đàn bà, dường như hó sợ người kia vùng dậy lui mất như con chồn bữa trước. Thị Lua tựa lưng vào một gốc mấm, quần áo rách tả tơi, tóc tai lủ xủ, mặt mũi sưng to lấm lem bùn đất. Cô ta giống như một xác chết, im lìm bất động, chỉ còn có đôi mắt lúng liếng đưa qua đưa lại là dấu hiệu của sự sống. Phải đỡ cằm ngược lên, mới rót nước vào miệng cô ta được. Minh mảy, tay chân cô

ta móp móp, lạnh ngắt. Phải quơ dây khô đốt lửa lên hơ cho cô ta và xoa dầu vào mũi, vào gáy, vào cổ tay cổ chân một lúc. Bấy giờ Thị Lua mới thều thào nói được vài ba tiếng. Cô ta ngược nhìn con người có thân hình lực lưỡng, vạm vỡ gân guốc như đúc bằng đồng hun, rung rung nước mắt:

— Em kể như đã chết ở đây... Không nhờ anh, chắc em phải chết ở đây!

— Thím đừng nói nhảm. Chết sao được? Bộ thím tưởng người ta bỏ mặc, không ai đi tìm thím à?

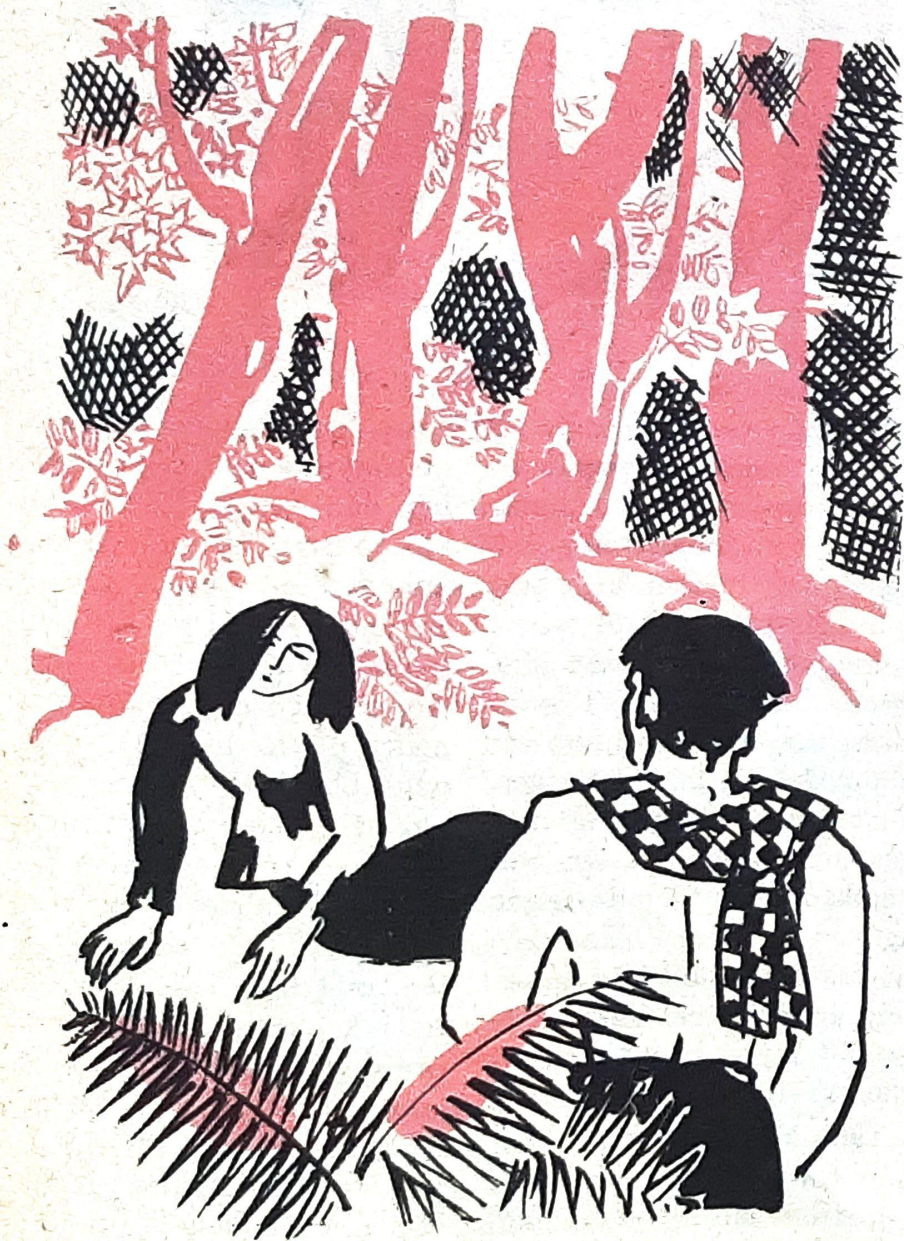
Thị Lua như càng tủi thân, khóc òa lên:

— Chồng em nó nhát lắm. Với lại rừng mênh mông như vậy. Hai ba ngày, em chẳng gặp ai. Đói quá, gặp tổ ong... em trèo lên lấy mật ăn. Bị ong đánh tưởng chết. Lội tới đây, em thấy cái mả con nít mới chôn gần bờ nước, khuất sau bụi lau đó... Em đi hết nôi nữa, ngồi đây chờ. Tính thế nào cũng có người ra mả. Em sẽ theo họ, nhờ họ đưa về.

«Vùng này có nhà cửa ai đâu?» Tám Mun tự hỏi và ngẫm nghĩ một lúc, bèn «à» lên:

— Thôi tôi biết rồi! Mạng thím lớn lắm đó. May mà thím không luẩn quẩn tới gần bên «mả»! Thím mà lại ngồi chỗ «mả» thì chỉ còn có Trời cứu thím thôi! Ở trũng cả sâu đó!

Con Đốm chạy trước, tới nắm đất mới vun tròn tròn như mả con nít, cách bờ chừng hai thước. Nó vừa nhảy lên «ngôi mả», vụt



rồng lên hải hùng cơ giở
phóng vút ra xa. Một con cá
sấu dài trên bốn thước, từ
dưới lớp rong mềm trườn
lên, lùa nước xô tràn bờ. Nó
đập đuôi «rầm» một tiếng,
bò vọt lên, há họng ra, hai
chân trước chồm lên ôm
năm đất...

— Con cá sấu này phải
sống trên một trăm năm. Mẹ,
quanh đây không có cây
mốp nào, không thì tao cho
mày một khúc, lột da mày
luôn! — Tám Mun nhìn con
sấu, cười và lắc đầu. — Mà
thôi... được, ở chờ đó nghen
mày. Mai mốt tao sẽ trở về!

...Khi họ cắt rừng, đốt đuốc
lội về tới xóm thì trời gần
sáng. Cả xóm tung bừng thức
dậy, có mặt đông đủ tại lều
Tư Phong như hôm nghe tin
Thị Lua lạc rừng. Vòng
Xáng sụp lạy Tám Mun ba
lạy, để tạ ơn cứu tử cho vợ
y, mặc dù Tám Mun đã đỡ
tay nhiều lần, từ chối không
cho lạy. Còn hai trăm đồng
bạc thì Tám Mun quyết
không «chấp»¹:

— Thấy việc nghĩa phải
làm, dù chết cũng không nệ.
Nếu tính hai trăm đồng bạc
so với mạng tôi, thì tôi đâu
có đời...

Minh họa của
Vũ Duy Nghĩa



(Tặng các em đại biểu thiếu
nhi thành phố Hồ Chí Minh dự
Trại hè Quốc tế ở Cộng hòa dân
chủ Đức năm 1978)

Nhịp nhàng đưa như quả lắc
đồng hồ
Theo từng bước thời gian tích
tắc...

Rồi nhanh thêm, nhún mình lên
cao vút
Bằng đôi chân và sức mạnh
toàn thân
Bằng đôi chân và sức mạnh
toàn thân.

Kìa, các bạn Liên-xô, Ba Lan,
Tiệp Khắc
Đang vui cùng bạn gái Đức
đu bay

Tôi đem gió từ Việt Nam tới
đây
Góp chung hòa với bạn bè thế
giới

Tôi đem gió từ Việt Nam tới
đây...

Đất nước tôi từ xưa có đu bay
Chiếc đu cao đón vào mùa hội
lớn

Cây tre xanh, biết làm chông
giết giặc

Biết làm đu cho mặt đất bay lên
Chiếc đu cao đón vào mùa hội
lớn.

Bạn nhỏ ở đâu cũng thích đu
bay

Cả sóng hồ muốn bay lên với
gió

Bay với tóc, bay với màu khăn
đỏ

Chẳng cây đu nào chịu đứng
yên đâu!

Chẳng cây đu nào chịu đứng
yên đâu!

Nhịp nhàng đưa... rồi bay vút
trời cao

Từ cây đu làng đến cây đu thế
giới

Dấu khác màu da, khác nhau
tiếng nói

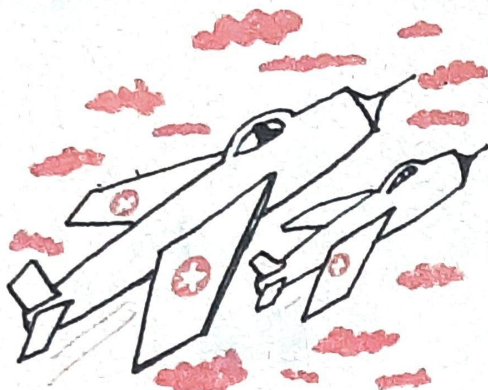
Cây đu này nâng tất cả bay
lên!

Cây đu này nâng tất cả bay
lên!...

¹ Chấp : nhận lãnh.

ĐÀN CHIM ÉN

Gọi về mùa xuân
 Những đàn chim én
 Vút lên, vút lên
 Toàn thân màu trắng.
 Chào những chiếc Mích
 Canh giữ bầu trời
 Niềm tin xứ sở
 Cách mạng Tháng Mười.
 Ơi đàn én bạc
 Ơi chú không quân
 Bay trong nắng ấm
 Sáng bừng trời xuân.



KHÁNH CHI



VLA-ĐI-VỐT-XIỐC
 THÀNH PHỐ XANH

Tia nắng đến bất ngờ rơi vào
 mắt em.
 Cánh cửa sò mở ra, buổi sáng
 vào mang theo cơn gió
 Chân trời tím và biển phà hơi
 thở
 Mùi thơm ở rừng về lẫn mùi
 thơm cây giẻ ra hoa.
 Biển rất gần, biển cũng rất xa.
 Mặt biển phẳng giống trang
 giấy trải
 Biển yên ả và dịu dàng như
 con gái
 Hải âu ngủ đập dòn trên sóng
 màu sáng nâu.
 Những con sông đi trong phố
 lẫn tiếng còi tàu
 Thả vào giấc ngủ của đất âm
 âm mát

Những cần cầu máy, cánh tay
 không lồ khao khát
 Như bàn tay con người ôm một
 khoảng trời xanh.
 Mảnh đất này, xưa đi qua cuộc
 chiến tranh
 Những ngọn gió đen thối han
 gị vào gương mặt đất
 Bây giờ thành phố bốn mùa
 hoa và tiếng hát
 Tượng những người cầm cờ có
 nụ cười trẻ trung.
 Có những buổi chiều em lắng
 nghe bước chân
 Trẻ đi học về cùng tiếng sóng
 Thành phố đề trong em một
 khoảng sáng
 Như mặt trời đè trên vai người
 thủy thủ Nga.

LỜI

SÔNG ĐÔNG

Ngày mùa vui sao
 Nắng như chiếc áo
 Rủ xuống lòng tôi
 Bên cánh đồng lúa mì
 Những đoàn ngựa cô-dắc phi
 Những em thiếu nhi
 Nhảy múa
 Tôi bỗng nhớ người bạn
 Tên là sông Hồng
 Xa xôi nghìn dặm
 Hai bên lòng bạn
 Biền lúa chín vàng
 Cò bay menh mang
 Có bạn chần trâu
 Thả cánh diều lên trời rộng
 Bay ngang mặt trăng vàng óng



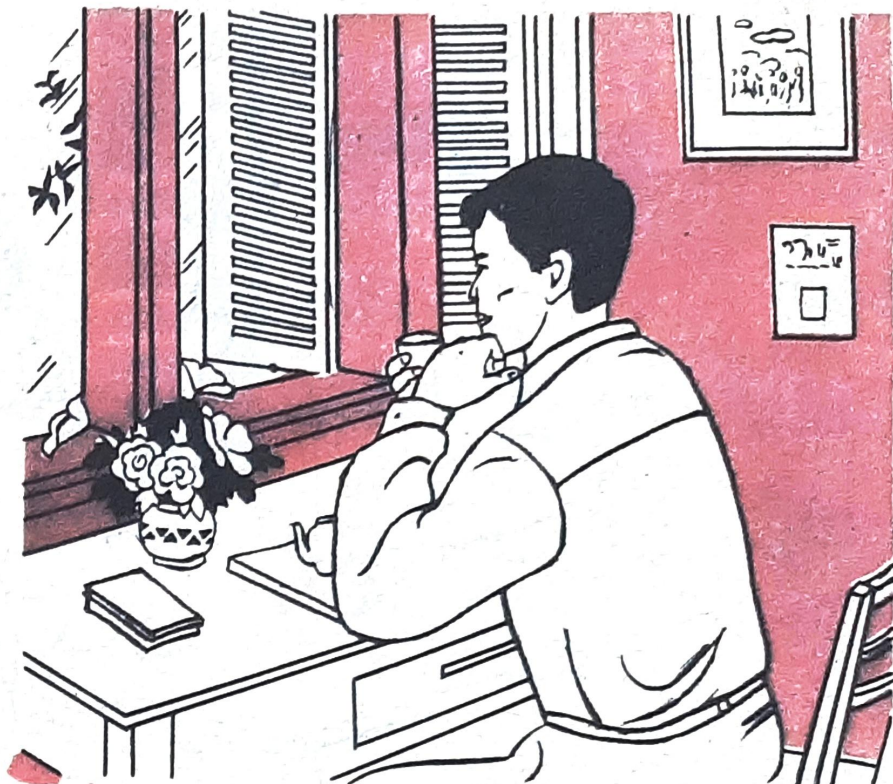
Sông Hồng ơi, bạn đẹp lắm
 Bởi vì bạn dũng cảm
 Chống ngoại xâm
 Trong lòng bạn đỏ ngầu máu
 giặc
 Tôi ôm tròn tiếng dân ba-la-
 lai-ca
 Vang theo làn sóng
 Đến dòng sông anh dũng
 Hòa với tiếng dân bầu
 Hai ta nắm tay nhau
 Hát bài ca đoàn kết.

4/1978



BÍ MẬT

G. T2



TRỜI lất phất mưa bụi. Làn gió nhẹ ngoài cửa sổ khẽ lay động mấy bông hoa trên bàn. Giáo sư viện phó Vũ Nhân nhấp chút nước chè, và chợt nhớ tới một số thành tựu kỹ thuật trong năm của viện: máy phát hiện hỏa hoạn, báo động và tự động gọi xe cứu hỏa, máy nhắc lái xe đi đúng tuyến quy định, cảnh cáo những tay phóng ẩu và nghiêm khắc chặn đứng những tay lái xe vui xuân quá chén. Bỗng giáo sư dừng lại ở một phát minh mà giáo sư rất lý thú và đặc biệt chú ý: «Tìm ra người trong ảnh».

Cách đây năm năm, hồi còn ngồi ở ghế Học viện an ninh, Nhân và các bạn thường mơ ước: từ một dấu vết trên người kẻ gian, giả có một cái máy nào phát hiện ra đúng nó và báo cho trình sát tới bắt thì tuyệt quá! Nhưng

tiếc thay một cái máy như vậy cho đến nay vẫn chưa có.

Năm ngoái, ở Ô-xơ-rây-li-a về, Nhân có đem theo một chiếc máy nhỏ — máy dò vàng. Chẳng là ở Xít-ni, có một anh chàng tốt số nào đó tên là Ben-li-bóc, trong chuyến cắm trại ở ngoại vi thành phố đã tìm thấy một tảng vàng nặng 23 ki-lô-gam. Từ đó, ở xứ sở này dấy lên một phong trào đi tìm vàng. Rõ ràng chỉ cần một lần gặp may trong đời, ở cái «xứ vàng» kia, số phận anh chàng Ben-li-bóc đã thay đổi hẳn. Đương nhiên, báo chí phát thanh ở Ken-be-ra cũng có thời phồng lên chút ít: chưa bao giờ máy dò vàng lại bán đắt như vậy và được cải tiến khá nhiều.

Chiếc máy đem về — dĩ nhiên không phải để tìm vàng — mà Nhân đưa cho em ruột: Vũ Ai, kỹ sư địa

chất và thân mật hỏi:

— Chú có thể thiết kế một cái máy chuyên dụng nhỏ hơn thế này và tính chất của thứ «quặng» đó, do chúng tôi đặt ra, liệu có được không?

— Được lắm chứ!

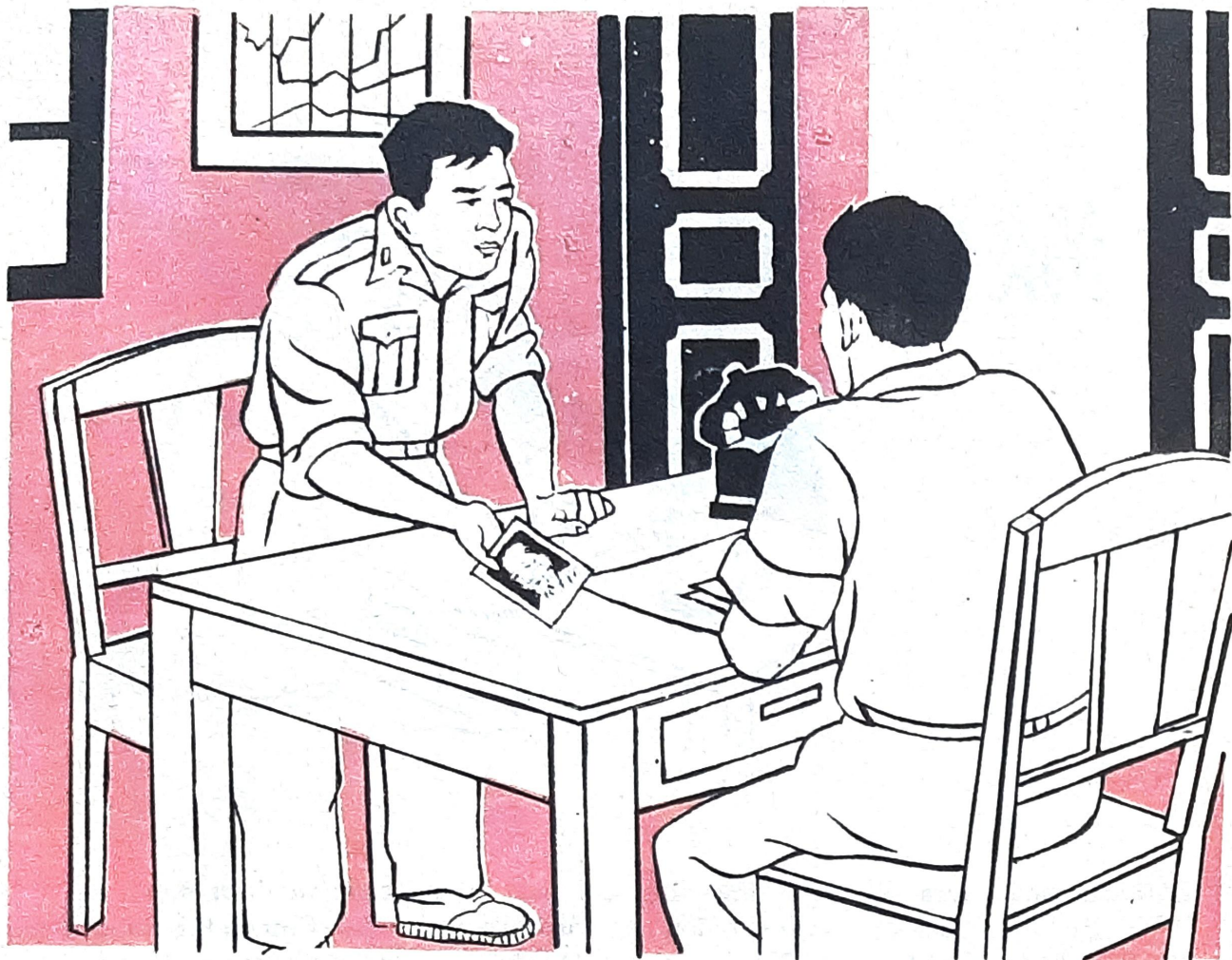
Sau khi nghe Ai trả lời quả quyết như vậy, Vũ Nhân tới gặp kỹ sư quang học Hoàng Trung và giáo sư tiến sĩ Lê Tạc, viện trưởng viện nghiên cứu phim và giấy ảnh thân mật đặt ra một vấn đề với bè bạn:

— Mình muốn nhờ các cậu giải giúp cho mình một bài toán, chỉ cần một đáp số thôi.

— Thì cứ thử đưa đầu đề ra. — Kỹ sư Trung vui vẻ nói. — Cậu nên nhớ bọn mình vốn không phải là những nhà toán học nhé!

Đại tá Vũ Nhân chậm rãi nói:

— Với loại máy ảnh thông thường, liệu ta có thể chế



tạo ra một loại phim, giấy ảnh đặc biệt có tính chất chung của «quặng» và mang tính chất riêng của từng ảnh một. Tính chất «quặng» thế nào sẽ hàn sau, nhưng đại để như vấn đề mình vừa nêu lên.

Hai người bạn trẻ gật gù. Lát sau, Lê Tạc mới chậm rãi nói:

— Đề tài học búa dầy, nhưng vẫn có khả năng giải quyết được.

Vũ Nhân hỏi lại:

— Có khả năng thôi à?

Hoàng Trung nói:

— Đừng «truy ép» vội! Bước đầu hãy tam bằng lòng như vậy.

Ba cái đầu chụm vào nhau bàn bạc, giá lúc này có kẻ tò mò đứng ngoài cũng chỉ

nghe thấy loáng thoáng những từ: nào là tiêu diêm, tế bào quang điện, nào là brô-mua bạc, tia sáng xanh...

Nửa giờ sau, ba bàn tay nắm lấy nhau, trong phòng rộn vang tiếng cười.

* * *

Có tiếng ồ-ò phanh két ở cửa. Trung úy Phương đã về. Đại tá Nhân giờ tay xem đồng hồ: sớm hơn thời hạn quy định mười lăm phút, có một chút gì không bình thường đây.

Báo cáo đại tá, tôi hơi nghi ngờ G.T2! — Phương đưa tấm ảnh cho Vũ Nhân. — Một con người kỳ quặc, có lẽ hẳn ta sống từ thời tiền sử.

Thủ phạm đầu hói, trán dô quá mức, mặt lưỡi cày, gò má trái có một nốt ruồi.

— Báo cáo đại tá, chúng tôi đã dùng phương tiện mới nhất để lục tìm, nhưng không thấy một ai giống như người trong ảnh cả.

Vũ Nhân khẽ hỏi:

— Thế có một ai hao hao giống không, dù chỉ ở một đôi diêm?

— Dạ, có ạ! 1007.

— Chúng ta tới thăm giáo sư Trường.

Ngồi trên ô-tô, đại tá Nhân suy nghĩ nhiều về G.T2, anh đánh giá rất cao cái máy GIÚP TÌM TRẺ này: từ một dấu vết của đứa trẻ, máy làm hiện ra thân hình và khuôn mặt em bé. Máy đem

dùng thử ở Trám 55, trong một ngày hội, G.T2 đã giúp công an tìm ra bốn cháu lạc, dùng như trong ảnh. Chẳng lẽ G.T2 đã bị phá?

Liếc qua hồ sơ 1007, đại tá biết gã là một đứa con mẹ người Việt đã chết, bố vẫn ở nước ngoài, cho con về nước thăm quê mẹ. Nếu đối chiếu với ảnh lưu thủ phạm với ảnh qua G.T2 thì nhìn kỹ mới thấy có một số điểm hao hao: mặt 1007 bớt lông lá hơn, gò má trái có một vết sẹo cũ — có lẽ là một nốt ruồi đã cắt.

Đèn trong ô-tô nhấp nháy báo hiệu đã tới nơi và người cần tìm đang có nhà.

Vốn là bạn học hồi nhỏ, Vũ Nhân thân mật hỏi luôn giáo sư Trường:

— G.T2 có đảm bảo độ chính xác tuyệt đối không? Xin lỗi, mình hỏi như vậy vì trong nghề bọn mình « sênh một ly đi một... triệu dặm ».

Giáo sư Trường gật đầu quả quyết đáp:

— Đảm bảo chứ! Thì chính bên các cậu đã dùng thử rồi và chính xác đấy chứ!

Trung úy Phương lầm bầm:

— Chẳng lẽ máy móc chỉ chính xác với trẻ em ngây thơ còn về với kẻ xấu lại kém chính xác.

Thấy giáo sư Trường còn ngờ ngác, đại tá vội nói:

— Mình kể tóm tắt thể này: một phần của một phát minh khoa học đang nghiên cứu dở, kẻ gian đã sục tìm đến, bọn mình định tóm nó nhưng...

Vũ Nhân chia tấm ảnh cho giáo sư xem. Chủ nhà hơi giật mình hỏi: liệu có đảm bảo dấu vết chính xác của

ANH BỘ ĐỘI ƠI!

Nhạc và lời:

THÀI CỎ

LINH HOẠT - VUI TƯƠI

Tập trung rừng núi biên
(Rập rờn) biên sông bao

cương. Anh bộ đội đầu ngai gì gió sương. Trên đồi
lạ. Anh bộ đội quen vượt ngàn phong ba Nơi đảo

cao, đêm ngày trực chiến. Giữ cho em yên ổn nơi biển
xa, đêm ngày trực chiến. Giữ cho em vui liếng hái quê

mường. Cũng túi sách trên lưng em vui bước tới trường,
nhà. Cũng với tiếng chim ca trong nắng sớm chan hòa.

Anh bộ đội ơi! Anh bộ đội

ơi! Biết bao tình thương, anh dành cho em

đó. Em in sâu vào trong trí nhớ. Gắng học

hành để xứng với công anh. Em gắng học

hành để xứng với công anh. Anh bộ đội

1 2

ơi! Rập rờn... ..ơi!

hắn không? Vì từ dữ kiện nào mới đưa tới đáp số đó.

Đại tá ra hiệu, trung úy Phương đã xách chiếc va-li tới mở ra đặt trên màn ảnh. Giáo sư Trường nhìn kỹ cặp hồ sơ vẫn buộc chặt trên bàn và bốn công tắc: mọi người nom rõ hiện trường trên màn ảnh. Giáo sư Trường nhìn kỹ cặp hồ sơ vẫn buộc chặt trên bàn và dưới sàn hoàn toàn không có một dấu vết gì cả. Đèn hiệu nhấp nháy, màn ảnh chuyển sang màu tím nhạt. Trung úy Phương đưa mắt nhìn đại tá viện phó. Vũ Nhân quay sang bảo giáo sư Trường:

— Sau khi chụp ảnh xong, thủ phạm đã xóa hết mọi dấu vết trong phòng, có dùng chổi béc-giê cũng vô ích.

Giáo sư vội hỏi:

— Thế dấu vết thủ phạm lấy ở đâu ra?

Trên màn ảnh, ống kính rời khỏi căn phòng di động dọc theo hàng lang và dừng lại ở bức tường sau cửa ra vào. Ống kính giơ sát vào, mọi người nhìn rõ hai vết ngón tay: một vết tay rất rõ và một vết mờ mờ — phải thật chú ý mới thấy được.

— Đồng chí lấy dấu vết nào?

Nghe đại tá hỏi, Phương hơi tái mặt đi, lúng búng đáp:

— Báo cáo đại tá, vết tay... rõ bên trái ạ!

Vũ Nhân nghiêm nghị nói với Phương:

— Đồng chí hãy bắt đầu lại từ vết mờ bên phải.

Nghe tiếng ô-tô nổ máy, giáo sư Trường vẫn còn ngờ ngác hỏi Vũ Nhân:

— Như thế là thế nào? Tôi vẫn chưa hiểu: tên cáo



ấy đã hủy mọi dấu vết mà sao vẫn còn lại...

Vũ Nhân cười

— Sau khi đã hủy hết dấu vết trong phòng nhà khoa học, tên này ung dung đi ra, bất ngờ gặp một người nào đó, hắn lùi lại đột ngột và vô tình để lại dấu tay trên tường. Nhưng... tên này bàn tay có sáu ngón, trung úy Phương vô tình lấy dấu vết ngón tay thứ sáu cong queo kia nên đã dẫn tới bức ảnh con người tiền sử này.

Chưa đầy mười phút sau, trung úy Phương đã đưa về cho đại tá tấm ảnh thủ phạm: đúng 1007.

Vũ Nhân trao lại tấm ảnh cho Phương và bảo:

— Phần còn lại bây giờ chỉ là: « Tìm ra người trong ảnh ».

— Đùng nó chứ, ông bạn? — Sau khi hỏi lại đại tá viện phó, giáo sư Trường lại nêu vấn đề. — Tại sao hắn không đi gang và không cắt cái ngón thứ sáu đi nhỉ?

— Chuyện đó còn dài, chưa thể nói lúc này được! — Vũ Nhân cười. — Máy móc tinh vi mấy đi nữa vẫn cứ phải thông qua con người. Anh cứ yên tâm phát minh, chúng tôi vẫn có đất để dùng. Giờ anh có thể cho biết sơ qua về G.T2 của anh được không?

Mãi lúc này, người nhà của giáo sư mới đưa cà-phê vào. Mặc dầu giáo sư đã cố

dùng cách giải thích cho thật đơn giản, cũng phải nửa giờ sau, anh mới nói xong về G.T2 và đi tới kết luận khiêm tốn :

— GIÚP TÌM TRẺ... anh thấy tên máy có đơn giản không?

— G.T2. — Vũ Nhân khẽ lắc đầu. — Thừa mà vẫn thiếu. Này nhé ! Máy của anh đầu chỉ có tìm trẻ, tìm người lớn thì sao. Các nhà khảo cổ có thể từ dấu vết còn lại, tìm thấy hình ảnh một nàng công chúa kiều diễm, sống cách đây vài thế kỷ. Rồi một con vật cổ đại nào đó...

Dừng lại một lát, Vũ Nhân nói tiếp :

— Ngày xưa ở nước Pháp, nhà sinh vật học Quy-vi-ê có thể từ một cái răng, đã vẽ ra được đúng con vật đó sống trước ông ta hàng vài

thế kỷ. Ngày nay, máy móc của anh đã làm được việc đó.

— GT chẳng?

— Đúng thế ! — Vũ Nhân bắt tay cảm ơn bạn ra về.

* *

Mùa xuân. Mưa phùn. Vũ Nhân đưa mắt nhìn lọ hoa do một bàn tay người khác đặt vào. Kỷ niệm lần thứ ba mươi năm ngày sinh của mình, Nhân đưa mắt nhìn bè bạn tới chúc anh : trờ một « cậu » ba mươi bảy tuổi, còn tất cả đều kém tuổi anh. Trung úy Phương đưa đến tặng anh một bó hoa và nói :

— Xin chúc mừng nhà phát minh...

Anh chưa kịp nói hết câu « rá chiếc máy lý tưởng trong ngành » thì Vũ Nhân đã ngắt luôn :

— Nếu nói đến các nhà phát minh thì phải kể tới giáo sư Trường, tiến sĩ Tạc, rồi Trung và kỹ sư Ái chứ ! Minh chỉ là ông mối se duyên họ lại.

Trung úy Phương nói tiếp :

— Một nhà tổ chức...

Phương nói hơi dài. Chờ anh nói xong, Vũ Nhân mới khiêm tốn nói :

— Nếu phải nhận một lời khen của các cậu, mình chỉ dám nhận một điều : biết đơn giản hóa một vấn đề tưởng như phức tạp. Các cậu chú ý : « tưởng như phức tạp » có nghĩa là nó vốn dĩ cũng đơn giản thôi.

Mọi người cười vang. Đò đây pháo nổ rộn ràng. Mùa xuân đã ập đến tự lúc nào.

Minh họa của
Phan Doãn



BẠN CÓ BIẾT ?

V. sưu tầm

VIỆT NAM

+ Nhà xuất bản Kim Đồng : đã xuất bản 1.600 cuốn sách với 35.000.000 bản in.

Cuốn tranh truyện « Sát thát » đã được huy chương bạc tại hội chợ sách ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Nhiều cuốn sách đã được dịch ra tiếng nước ngoài như truyện của Tô Hoài, Võ Quảng, Đoàn Giỏi, Phạm Hồ, Nguyễn Đình Thi, Vũ Tú Nam, Đào Vũ, Văn Linh, Nguyễn Lai... thơ của Võ Quảng, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Sanh...

+ Nhà văn hóa, Cung thiếu niên : có 37 cơ sở. Hoạt động nổi bật là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Phú Khánh, thị xã Hà Đông, thành phố Nam Định.

+ Thư viện thiếu nhi : có 22 cơ sở. (Hà Nội có 79 trạm đọc sách cho thiếu nhi) Hoạt động mạnh là Vĩnh Phú, Việt Trì, Hải Phòng, Lâm Đồng, Thái Bình.

* *

LIÊN XÔ

+ Có 7.500 trường nghệ thuật âm nhạc và thể thao, 4.489 nhà văn hóa thiếu nhi, 250.000 thư viện trẻ em, 157 nhà hát tuổi trẻ.

+ Có 1.112 trạm và 1.283 câu lạc bộ kỹ thuật viên trẻ tuổi, 646 trạm các nhà tự nhiên học trẻ tuổi, 39 đường sắt nhỏ, 500 câu lạc bộ phi công và du hành vũ trụ nhỏ tuổi.

+ Có 166 tờ báo và 71 tạp chí dành cho thiếu nhi, 60 nhà xuất bản phát hành gần 500 triệu sách. (Từ ngày chế độ xô-viết ra đời, đã in hơn 10 tỷ sách cho bạn đọc nhỏ, chưa kể sách giáo khoa).

+ Ở Mát-xcơ-va vừa khánh thành một nhà hát âm nhạc duy nhất trên thế giới dành cho trẻ em. Nhà hát có khoảng 1.250 chỗ ngồi và bao gồm 3 sân khấu. Còn có các phòng phụ dành cho những cuộc hòa nhạc

giao hưởng và trình diễn nhạc kịch.

— Tại Câu lạc bộ Đường sắt Mát-xcơ-va, có xưởng phim của thiếu nhi « Chú cò nhỏ » được thành lập từ năm 1969. Phim « Không phải các ông tiên trong truyện thần thoại » được tặng giải thưởng chính trong Liên hoan phim quốc tế và phim « Nàng thơ thứ mười », được Huy chương vàng của Hội điện ảnh nghiệp dư quốc tế.

Suốt 12 năm qua, xưởng đã sản xuất hơn 100 bộ phim. Nhiều phim được chiếu trên vô tuyến truyền hình toàn Liên-xô và được tặng nhiều giải thưởng tại các Liên hoan phim quốc tế ở Áo, Bun-ga-ri, Cộng hòa dân chủ Đức, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Phần Lan, Pháp và Cộng hòa liên bang Đức.

Hiện nay, Liên-xô có hơn 600 xưởng phim của thiếu nhi đang hoạt động.

TIẾNG CHIM TRONG VƯỜN BÁC

*Nhớ một kỷ niệm nhân
lần đi thăm vườn Bác*

Lời: Nguyễn Quỳnh Tranh: Huy Trăn



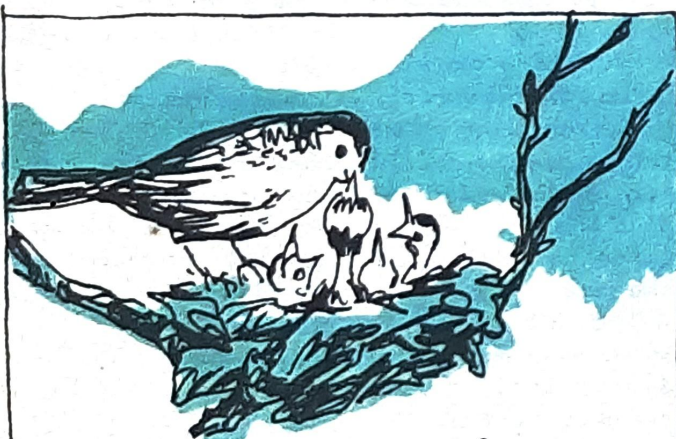
① - CÓ MỘT TỔ CHIM TRONG TÚM LÁ TRÊN CÂY BẠN, MÀ AI ĐÓ ĐÃ CẮT HẾT CÀNH, CON VÀ QUẦN QUANH CÂY MỘT BĂNG VẢI ĐỎ TRONG TỔ CÓ 4 HỌA MÌ CON CÒN ĐỎ HƠN



② - MỘT HỒM VỢ CHỒNG HOA MÌ ĐI KIẾM MỒI XA. LÚC CHIM VỢ BAY VỀ THÌ, THẤY CÓ HAI NGƯỜI ĐANG ĐÀO GỐC BẠN. CÔ SỢ HÃI KÊU CỨU. LỬ CHIM BẠN Kéo TỚI RỘP CẢ MỘT VÙNG.



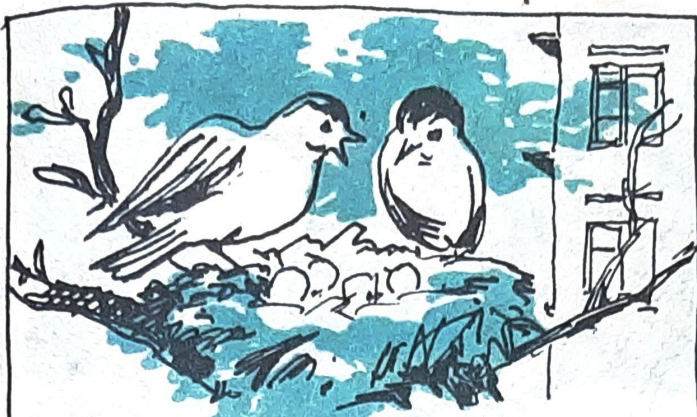
③ - HAI NGƯỜI THỢ BÂY GIỜ MỚI ĐỂ Ý TỚI TỔ CHIM TRONG TÚM LÁ. HỌ CẨN THẬN BỪNG GỐC BẠN ĐẶT LÊN THÙNG CHIẾC ÔTÔ TẠI ĐÃ CHẶT ĐÂY NHỮNG CÂY BẠN CÓ BĂNG VẢI ĐỎ KHÁC.



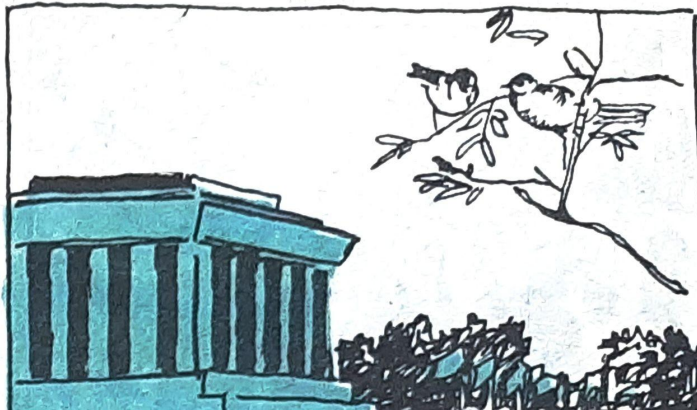
④ - QUÊN CẢ SỢ HÃI, CÔ HOA MÌ ĐUỐI THEO, KHÍ HAI NGƯỜI THỢ MÃI BƯỚC CÁC CÂY BẠN, CÔ BAY LƯƠN KÊU CỨU MỘT LÚC RỒI ĐÁNH LIỀU SÀ VÀO TỔ. CÔ DÙNG MỔ ẤU YẾM CÁC CON VUA QUA CƠN TẠI HOA



⑤ - KHÍ HOA MÌ CHỒNG VỀ THÌ CHIẾC XE CHỖ CÂY ĐÃ LẤN BÁNH. CHÚ VỢ VÃ BAY THEO, MÃI MỚI ĐUỐI KỊP CHIẾC ÔTÔ,



⑥—Ô-TÔ ĐƯA VỢ CHỒNG NHÀ DANH CA CỦA NÚI RỪNG ĐẾN MỘT VÙNG NHÀ CỬA CAO HƠN, NHIỀU HƠN CÂY CỐI. NHÀ DANH CA THẤY SỢ SỢ CHÚ BAY ĐẾN ĐẦU BÊN MIỀNG TỔ, MÁCH BẢO VỢ.



⑦—Ô-TÔ DỪNG BÁNH TRÊN BÀI CỎ SAU TÒA NHÀ BẰNG ĐÁ QUÝ, MỘT TÓP EM NHỎ CHẠY UÃ TỚI. ĐÔI CHIM GIÁT MÌNH BAY VÚT LÊN ĐẦU TRÊN MỘT CÀNH CÂY, LO LẮNG NHÌN XUỐNG.



⑧—CÁC EM NHỎ NHANH NHẼN CHUYỂN CÂY ĐẾN BÊN HỒ TRÔNG. ĐÔI CHIM HOA MÌ LAO XUỐNG BAY VƠN QUANH Ô-TÔ. CÁC EM NHỎ VỒ CÙNG THÍCH THÚ CHỈ CHO NHAY TỔ HOA MÌ.



⑨—CÙNG LÚC HAI NGƯỜI THỢ ĐÈN. HAI ANH CÁN DẶN CÁC EM ĐIỀU GÌ KHÔNG RÕ. CÁC EM NHE NHANG NẶNG CÂY CỎ TỔ CHIM XUỐNG. ĐÔI CHIM CÀNG HOẢNG Hốt. CHỚP CÁNH UỀN HỒI TRÊN ĐẦU HO.



⑩—RỒI BA EM THIẾU NIÊN CÙNG HAI ANH CÔNG NHÂN ĐEM CÂY BAN ĐẾN TRÔNG TRƯỚC NGÔI NHÀ SẴN XƯA BÁC HỒ Ở. THẺ LÃ TRONG VƯỜN BÁC, CÀNH CÁC CÂY HOA NHAI, MỘC LAN CÒ THÊM CÂY BAN HOA TRẮNG.



⑪—KHI TÓP NGƯỜI CHĂM CHÚ VUN GỐC, TƯỚI NƯỚC CHO CÂY, ĐÔI CHIM VẪN BAY LƯƠN, CÓ KHI CÁNH CHIM CHỚP SÁT MÁI TÓC HO. NGHE TIẾNG CHIM LA NHIỀU CỒ CHÚ CHIM TRÔNG VƯỜN BÁC BAY TỚI.



⑫ TRÔNG XUNG CÂY, HỌ SỬA SANG LẠI TỔ CHIM RỒI VÂY NHAU RÚT ĐI. VỢ CHỒNG HOA MÌ MỪNG RỒI VÌ TỔ CÒN NGUYÊN VẸN. CẢ HAI NHẬP ĐÀN VỚI CÁC BẠN CHIM VƯỜN BÁC RÍU RÍT TÌM MỒI.



⑬ - MỘT NGÀY VẬT VẢ VÀ LẠO LẮNG QUA ĐI. ĐÊM XUỐNG, KHU VƯỜN BÁC CHẠM HOÀ ANH TRẮNG. NHƯNG ĐÔI CHIM VẪN CÒN BĂNG HOẢNG VÌ NHỮNG CHUYỀN LẠ. THỂ RỒI GIẤC NGỦ YÊN LẠNH KÉO ĐẾN VỚI HỌ BÊN MIỀNG TỔ, DƯỚI ÁNH TRẮNG THƠ.



⑭ - BÌNH MINH BỪNG DẬY, TRONG VƯỜN BÁC ĐÁU ĐÁU CŨNG RÂM RẠN TIẾNG CHIM. HOA MÌ CHỒNG TUNG CÁNH BAY LÊN CAO, CÙNG VỚI MỘT TIẾNG HÓT, CHỨA CHAN NIỀM VUI ĐẸP NHƯ MỘT GIỌT NẮNG SỚM.



⑮ - MỘT NGÀY XUÂN NẮNG ẤM BẮT ĐẦU. NGƯỜI NGƯỜI ĐẾN VƯỜN BÁC TRÔNG CÂY, CHĂM SỨC CÂY. ĐÔI HOA MÌ NHANH CHÓNG LÀM QUEN VỚI CÁC BẠN CHIM, CŨNG SÀ XUỐNG VƯỜN CÂY, CẦN MẦN TÌM SÂU BỌ.



⑯ - KHI CÂY BAN ĐẬM NHỮNG CHỒI NON VÀ NỞ THÊM NHIỀU HOA TRẮNG, CÁC CÔ CHÚ HOA MÌ CÒN CŨNG BẮT ĐẦU NỞ LÔNG CÁNH, LÔNG ĐUÔI. ĐÃ CỚ NHƯNG BAN BÔNG LAU CON BAY ĐẾN GÀ CHUYỀN LUÔN MIỀNG KÊU "CỤ... CỤC... CỤ... CỤC..."



⑰ - NHƯNG MỘT LẦN THÌ HOA SUÝT XẤY RA. LŨ CHIM CÒN XÓ ĐÁY NHAU LẤN TÔM XUỐNG CỎ. MỘT CHÚ MÈO TỪ ĐÁU HIỆN RA, NGUY ĐẾN NƠI RỒI. VỢ CHỒNG HOA MÌ LỘ LẠM.



(18) — CÁI HAI SẼ XUỐNG, XÙ LÔNG, CHỚP CÁNH TRƯỚC CHỦ MÈO. ĐỒNG MỘT NGƯỜI KHOÁC SUNG CHẠY TỚI XUA CHỦ MÈO ĐI RỒI NHẸ NHẸNG NÂNG TỪNG CHÌM NHỎ LÊN ĐẤT TRỞ LẠI VÀO TÔ?



(19) — LÂN KHÁC, LẠI CHUYỂN KHÔNG NGỜ. MỘT ĐÀN EM NHỎ THẬM VƯỜN BÁC VÀO LÚC LỬ CHÌM TẬP BAY. MỘT CHÚ HOA MÌ CON BAY ĐẾN ĐÁU LÊN VAI MỘT EM NHỎ. EM GIỮ LẤY HOA MÌ.



(20) — EM BÉ CHO HOA MÌ CON ĐÁU LÊN BÀN TAY ẤU YẾM VUỐT VE, RỒI ĐẶT CHÚ LÊN CÁNH HOA NƠI CÁC ANH CHỊ CHÚ ĐANG BAY NHAY. QUA PHÚT KINH HÃI, VỢ CHỒNG HOA MÌ BAY TỚI CHIA VUI CÙNG CÁC CON.



(21) — CHẴNG BAO LÂU ĐÀN HOA MÌ CON ĐU LÔNG CÁNH. ĐÀN HOA MÌ SÁU CON BAY NGƯỢC LÊN RỪNG. GẶP BẠN BÈ CŨ GIỮA RỪNG BẠN, HỌ SAY SUSA KỂ LẠI NHỮNG CHUYỆN KỶ DIỆU NƠI VƯỜN BÁC. HỌ MỜI BẠN BÈ VỀ DỰ HỘI MÙA XUÂN.



(22) — CHO ĐẾN NAY, MỖI LẦN TẾT ĐẾN, NHÂN LỜI MỜI CỦA VỢ CHỒNG HOA MÌ, CÁC BẠN CHÌM TỪ NÚI RỪNG LẠI VỀ ĐÂY. CHÚNG CẤT TIẾNG HÓT VANG LỪNG TRONG VƯỜN BÁC.

Nhớ Lại



MÙA xuân này các anh chị thanh niên Liên-xô sang dự liên hoan hữu nghị với thanh niên nước ta. Đây là cuộc liên hoan lần đầu tiên diễn ra trên đất nước ta, ngay trên thành phố lịch sử mang tên Bác kính yêu.

Là người của thành phố hữu nghị này, được vinh dự đón chào những người con từ đất nước của Lê-nin, của cách mạng Tháng mười vĩ đại, chúng tôi cảm động biết bao! Tôi nhớ lại ngày nào, trong những ngày hè đẹp để chúng tôi từ thành phố này ra đi, được dự Đại hội Liên hoan thiếu nhi toàn thế giới lần thứ nhất trên đất nước Liên-xô, mà chúng tôi hình dung như một con sư tử khổng lồ nằm ôm lấy một phần tư trái đất.

Ôi, đất nước này đẹp để làm sao, hùng vĩ làm sao! Làm sao chúng tôi có thể tả hết được? Chúng tôi chỉ còn nhớ đó là một chuyến đi đã để lại cho chúng tôi ấn tượng sâu sắc trong đời! Hôm ấy chúng tôi rời Mát-xcơ-va đi đến trại hè A-rơ-tếch trên bờ biển Đen. Trên một chuyến xe lửa đặc biệt, chúng tôi gồm

có đại biểu thiếu niên đủ các màu da, đủ các tiếng nói... Một mùa hè rực rỡ, cỏ cây và hoa lá đang nở rộ đón chào chúng tôi. Những cánh đồng rộng mênh mông, bát ngát chạy dài đến tận chân trời. Xa xa là những ống khói chọc trời của những nhà máy đang nhả khói như vẽ lên bầu trời xanh biếc những bức tranh tuyệt đẹp. Mùa hè ở

đây đẹp quá! Chỗ nào cũng có hoa đủ màu sắc và hương thơm. Chúng tôi nhìn mãi mà không biết chán. Chúng tôi mong tàu chạy chậm lại, ngày dài ra để còn tận hưởng những cảnh đẹp này. Nhưng rồi chúng tôi đã đến A-rơ-tếch!

Ở đây mọi thứ đã sẵn sàng chờ đón chúng tôi. Các cha mẹ, cô chú người Nga đã





chăm lo, cho chúng tôi thật chu đáo. Từ các cô bác phục vụ trong trại cho đến bất kỳ người công dân Xô-viết nào mà chúng tôi gặp đều biểu hiện những tình cảm chân thành và sâu sắc. Chúng tôi có tất cả 120 đoàn đại biểu nói hàng trăm thứ tiếng khác nhau, nhưng tất cả đều cùng sống trong tình hữu nghị đầm ấm mà đất nước Xô-viết đã dành cho chúng tôi.

... Hoạt động liên hoan đã diễn ra nhiều màu, nhiều vẻ.

... Nhưng cái gì làm cho đoàn Việt Nam chúng tôi thích thú và đem lại cho mỗi chúng tôi nhiều ý nghĩa nhất? Đó là một buổi đi lao động.

Hôm đó cả đoàn chúng tôi ai cũng vui thích. Chúng tôi đến một nông trường trồng nho, cách trại 60 ki-lô-mét. Đến nơi, mọi người đã chờ đợi chúng tôi, ân cần thăm

hỏi và ôm hôn chúng tôi thăm thiết. Bà anh hùng lao động Tu-tu-li-nô-va thân mật nói cho chúng tôi nghe về nông trường, một nông trường trồng nho nổi tiếng ở Liên-xô và rượu nho nổi tiếng trên cả thế giới. Bà tổ niềm vui sướng được đón thiếu niên Việt Nam đến lao động xây dựng nông trường này... Chúng tôi nhận dụng cụ lao động, hát lên bài ca hữu nghị rồi theo các cô bác công nhân đến các luống nho. Chúng tôi được giao cho vun xới gốc nho và buộc các cành nho lại. Lúc đầu thật bỡ ngỡ, nhưng rồi quen ngay. Phút chốc các luống nho trồng thẳng tắp, đẹp mắt, cành nho được tỉa và buộc lại gọn gàng. Những chùm nho mọng nước chỉ chít lấp sau lá nho. Chúng tôi vừa làm, vừa hát nên rất vui, không biết mệt. Hai giờ trôi qua. Chúng tôi đã hoàn thành

nhiệm vụ. Bà Tu-tu-li-nô-va đi xem từng luống nho chúng tôi làm. Bà vui vẻ, tươi cười nói với chúng tôi: « Các cháu làm rất tốt, rất đáng được điểm 5 »! Rồi bác quản đốc cũng đến. Bác nói: « Các cháu làm việc rất tích cực, góp phần đáng quý vào vụ thu hoạch nho. Chúng tôi quyết định tặng các cháu 50 rúp 25 cô-pêch, kết quả lao động của các cháu hôm nay ». Rồi các cô bác công nhân đến bắt tay chúng tôi và cùng chúng tôi vui chơi, múa hát.

Buổi lao động kết thúc, nhưng cũng như những ngày khác trong đại hội, đã để lại trong lòng chúng tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Những cảm giác nhẹ nhàng thoải mái, vui sướng sau buổi lao động vẫn còn ngưng đọng mãi. Những tình cảm yêu quý của những công nhân

trên đất nước Lê-nin vĩ đại đối với thiếu nhi Việt Nam đã khắc đậm trong trí nhớ của mỗi chúng tôi.

Đến dự đại hội không những chúng tôi được vui chơi, ca hát, cùng nắm tay để nói lên mong ước của tuổi thơ «Hòa bình trên toàn thế giới» mà chúng tôi còn được dịp hiểu thêm ý nghĩa quan trọng của lao động. Tiền chúng tôi làm ra sau buổi lao động được góp vào quỹ hòa bình để ủng hộ các nước đang đấu tranh giành độc lập như chúng ta trước đây. Vinh dự, tự hào và cảm động biết bao!

... Thời gian trôi qua rất nhanh. Ngày chia tay nhau đã đến! Buổi sáng hôm ấy chúng tôi choàng dậy sau một đêm gần như thức trắng cùng các bạn Liên-xô ghi lại những dòng lưu niệm. Chúng tôi ai cũng nước mắt vòng quanh, lặng lẽ thu xếp đồ đạc. Kèn tập hợp. Chúng tôi đi xuống sân trại, nơi mà suốt trong những ngày qua đã từng bừng nhộn nhịp với lời ca, điệu múa, tiếng kèn của những cuộc liên hoan, những cuộc mít-tinh với những tiếng hét căm phẫn «Đả đảo đế quốc Mỹ sản xuất bom nơ-tơ-rôn!» — «Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng!». Nhưng hôm nay chúng tôi cảm thấy rất buồn! Buổi chào cờ cuối cùng! Cả trại chúng tôi khóc như mưa, kể cả những bạn trai cũng rắn và nghẹn ngào.

... Tam biệt! Các bạn Liên-xô mang đồ đạc giúp chúng tôi ra xe. Những chiếc bánh, viên đường của buổi ăn sáng nay các bạn không ăn, gói lại tặng chúng tôi như gói

ghém cả tấm lòng mình gửi theo hậu Việt Nam. Các má phục vụ, các anh chị phụ trách Liên-xô đã khóc và siết chặt chúng tôi vào lòng.

... Chúng tôi bước lên xe. Bản nhạc «Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng!» vang lên trong những tiếng nấc của chúng tôi.

Xe chạy. Nhưng nhiều bạn vẫn chạy theo xe chúng tôi, tay vẫy, miệng chào, nước mắt giàn giụa...

... Chúng tôi đã sống những ngày đầy tình hữu nghị, đầy tình thương yêu giữa các bạn bè. Không còn có sự phân biệt màu da và tiếng nói. Một tiếng nói chung đã liên kết chúng tôi lại: «Hòa bình và hữu nghị».

Cảm ơn Liên-xô, đất nước của Lê-nin vĩ đại, đã đốt lên ngọn lửa hữu nghị, đã tạo ra cho chúng tôi và bạn bè trên thế giới một không khí đại hội liên hoan thật sôi động và đầm ấm!

... Và hôm nay, các anh chị thanh niên Liên-xô lại đến với thành phố thân yêu của chúng tôi, đem đến cho chúng tôi, cho thanh niên và nhân dân nước chúng tôi tình hữu nghị thắm thiết. Bây giờ chúng tôi đã là thanh niên, đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Chúng tôi lại có dịp đón tiếp các anh chị như những người bạn thân yêu nhất, những người con của quê hương cách mạng Tháng mười vĩ đại, của đất nước Xô-viết hùng cường.

Gặp các anh các chị, chúng tôi càng nhớ lại...

*Mình họa của
Nguyễn Bích*

KHI nào chim họa mi cất tiếng ca... — những cây linh lan thăm nghĩ và vươn những nụ hoa nhỏ giữa hàng lá dài cong như những cái sừng nhỏ, — các bông hoa của ta sẽ trắng toát, và những chiếc chuông nhỏ ấy sẽ tung ra chùm âm thanh thơm nức mùi hương.

— Còn chúng tôi, — Những cây hồng leo nói — chúng tôi sẽ che kín cái tường nhà tôi tàn này dưới cả một thác hoa đỏ rực và thơm ngát.

— Tôi ấy à, — Cái vườn nói — tôi sẽ mở lung những chùm hoa mào gà và những đóa hoa uất kim hương như những cái bình nhỏ. Cây hoàng liên của tôi sẽ vàng rực, và tôi sẽ đặt một tháp hoa hồng lên cây hạt dẻ, nơi có tổ chim họa mi ăn náu.

— Khi nào chim họa mi cất tiếng ca... Khi nào chim họa mi cất tiếng ca... Người ta chỉ toàn nghe thấy những lời đó trong vườn cây của ngôi nhà lớn ẩn mình ngay đầu làng.

Nhưng chim họa mi không chịu cất tiếng hát. Tất cả vạn vật đều chờ đợi...

Những bông linh lan vầu náu mình giữa hàng lá, những nụ hoa hồng khép chặt đài hoa xanh làm cho những



Khi Họa Mi CẤT TIẾNG CA

cánh hoa không nở ra được. Những bông hoa mào gà không nở ngạc nhiên nhò lên mấy cái đầu nhỏ tròn và hói. Các bông hoa uất kim hương đều đang ngủ. Cây lêu rêu xuống như chết. Còn cây hạt dẻ lớn đã không thấp sáng vòm lá xanh của mình bằng những bông hoa màu hồng.

Mọi vật đều chờ hiệu lệnh du dương của chim họa mi... Thật ra thì cái lạnh cũng còn khá buốt vào lúc mới sang xuân này. Nhưng không, chẳng phải giá lạnh đã cản trở cây cối và những luống hoa trở nên náo nhiệt, chính sự im lặng của chim họa mi đã làm chúng lạnh lùng. Chim họa mi ở đâu? Chim đang làm gì nhỉ?

Những bông hoa bướm bướm ở bia rừng đã ngăn mặt lên hoài như những cánh nhưng để tìm chim họa mi.

Sáo và chim cu đã mất công gọi vang bốn phía:

— Tu huyết! Cúc cu!

Không một ai trông thấy con chim có giọng hát say đắm đâu cả. Nhưng chim họa mi đang ở kia, nó đang náu mình sâu trong vòm lá cây. Nó còn chưa có bạn: phải có đủ đôi để cùng nhau xây tổ. Chim họa mi sẽ hát khi nào người bạn gái của nó ấp những quả trứng xinh xắn mình đẻ ra, những quả trứng trong đó đang từ từ hình thành những con chim nhỏ mới nguyên.

Nhưng năm nay, anh chàng họa mi nhà ta trở nên khó tính: nó không muốn cười nằng họa mi đang từ cành bên cạnh, nhìn nó dịu dàng đắm đuối. Nó tự dưng nảy ra ý nghĩ sẽ lập gia đình với một con chim cái khác loài. Thật là điên rồ làm sao!

Những con chim cùng loại bao giờ cũng cười nhau: anh sáo lấy chị sáo, anh bồ câu lấy chị bồ câu, gà trống lấy gà mái... Con họa mi cũng vậy, nhưng nó muốn thử làm khác xem sao...

Thế rồi vì trong vườn cây rất cần một tiếng hát của chim họa mi, người ta bèn đi tìm khắp nơi một cô dâu cho họa mi. Ai sẽ là người bạn đời của nó?

Một chị mai hoa bay đến, nhảy nhót luôn chân, cặp mắt sáng nhanh nhẹn:

— Tôi sẽ là bà họa mi, nếu anh muốn...

— Không, cô quá ư là hiếu động đối với tôi. Tôi vốn là người hay mơ mộng. Tôi không thể sáng tác được bài hát du dương của mình bên cạnh một người cứ luôn luôn rí rít như thế.

— Còn tôi? Cô chim sơn ca cất tiếng hỏi. — Đối với anh, tôi có gây quá không?

— Ờ, nàng sơn ca đang mến của tôi! Thật vậy, nàng quá ư nhỏ nhắn đến nỗi người ta không thể nhìn thấy khi nàng bay lên phía mặt trời. Trên cao nàng chỉ còn là một chấm nhỏ vàng ánh với một giọng hót nhỏ nhỏ vui tươi... Không, tôi không thể đi theo nàng được. Tôi sẽ không rời bỏ cái cây nơi tôi đứng hát đầu.

Một con chim ác là lòng đen điểm trắng bay đến và bắt đầu hót huyền thuyên, huyền thuyên... Nó còn lắm chuyện để mách lẻo quá!

Nó nói liến thoắng rất nhanh, nói không ngừng,



hình như sợ là không kẻ được hết mọi thứ.

— Cô làm tôi mệt quá rồi... Cô làm tôi mệt quá...! — Chim họa mi nói thầm về khó nhọc. — Thôi cô hãy im mồm và đi đi cho rảnh!

— Thật khó mà làm vừa lòng anh họa mi! — Lũ chim đồng thanh nói.

Họa mi kiếm vợ rất lâu... rất lâu... và không một nàng chim nào, sau khi đến ướm hỏi nhà danh ca xong lại không trở nên im lặng và bực bội.

— Khi nào chim họa mi sẽ cất tiếng ca...

Khu vườn lớn nhắc đi nhắc lại điều đó không ngừng. Họ vẫn còn chờ đợi.

Một buổi sáng đẹp trời, tất cả bầy ong ở những tổ lân cận đều bay đến khu vườn. Và chúng rất ngạc nhiên: sao lại không có hoa?

— Các bạn muôn mắt rồi. — Chúng nói. — mùa xuân đã đến rồi. Những cây xương rồng mọc ở hàng rào đã báo tin cho chúng tôi như vậy. Các bạn còn chờ gì nữa?

— Chúng tôi chờ gì à? Thật vậy ư? — Những cây hoa trả lời giận dữ. — Nếu đến bây giờ mà họa mi không hót thì chúng tôi cũng mặc nó, cóc cần nữa!

Thế là tất cả mọi thứ hoa đều nở rộ. Mặt trời bắt đầu chiếu chói chang, và bỗng nhiên hương thơm của những

hồng hoa linh lan và hoa hồng tỏa đến tận giữa cây hạt dẻ, nơi chàng họa mi cảm lạnh của chúng ta đang nấu mình.

— Cái gì thế nhỉ? — Nó nói thầm. — Phải chăng đây là hương vị của mùa xuân?

Chim họa mi nhìn giữa những cành cây, và nó thấy dưới bóng cây cả khu vườn đang nở hoa. Mùa xuân đã đến rồi... Thế mà ta vẫn chưa cất tiếng hát chào mùa xuân. Nhanh lên, nhanh lên, phải có một cái tổ trên cây và những quả trứng trong tổ. Ta phải có một người bạn đời... Mau lên mới được.

— Em ở đây mà! — Chi

họa mi đang mơ mộng trên cành cây bên cạnh trả lời.

Chàng họa mi của chúng ta quay đầu sang và cuối cùng tự nhủ rằng người bạn đời đó thật đáng yêu: không béo quá, không gầy quá, không quá hiếu động, cũng không mơ mộng. Người bạn gái ấy cũng như nó, yêu mến nơi trú ẩn ở trên cây này. Đúng thật là cô chim mà nó phải kết đôi. Thật may mắn biết bao! Nàng họa mi vẫn còn chưa bỏ đi!

— Mau lên, mau lên, chúng ta hãy cùng làm một cái tổ!

Bây giờ, đêm nào cũng thế, chim họa mi sáng tác những bài ca thật hay. Ban ngày, nó

hát lại những ca khúc ấy. Hơi bức vì câu chuyện vô văn của mình vừa qua, nó muốn được người ta tha thứ.

Và từ nay, nó không bao giờ quên cất tiếng báo hiệu mùa xuân cho chính mình, gửi cho muôn vật giọng hót kêu gọi của mình báo mùa hoa nở sắp tới.

Nó sẽ không bao giờ quên đồng thời gửi cho nàng họa mi hiền dịu lời kêu gọi của trái tim mình.

*Dịch từ bản tiếng Pháp
trong quyển*

Contes de Perrette

Nhà xuất bản

Giáo dục — Leningrát.

Hồ Quốc Vỹ

HẢI BĂNG

TÔI TRONG VƯỜN HOA XỨ HUẾ

SAU hàng chục năm trời, tôi lại về xứ sở của hoa. Nhắc đến mùa hoa xuân xứ Huế, trước tiên phải nghĩ đến mùa hạ. Khi con ve bắt đầu kêu ran lên khắp phố phường và ngoại ô, cũng là lúc hoa phượng hoa sen cùng đua nở.

Đi từ miền ngoài vào, lúc gần đến An Hòa đã bắt gặp phía chân trời hồng hồng rồi dần dần đến thành phố bỗng đỏ rực lên — báo hiệu: đây quê hương của mùa phượng vĩ. Cùng thời gian ấy, trên các hồ nội ngoại thành, hoa sen cùng nở. Sen gọi lên các nẻo đường mùi hương âm thầm, kín đáo. Nhan sắc nắng mùa hạ hiện ra ba tháng rồi tắt đi, ẩn vào bóng xanh của cây và nước. Đợi sáu tháng sau, cho Huế trở lại

mùa xuân. Mùa xuân về không gấp rút, chẳng ồn ào. Mùa xuân vẫn rạo rực, bàng hoàng nở trên mọi vườn ngoại ô và giữa lòng thành phố.

Những vườn nội thành — đi từ Thuận Thành đến Tây Linh, Tây Lộc tỏa lên màu vàng chanh, vàng chầy của hoa mai, hoa thọ. Trong màu vàng xứ sở, tôi chợt nghĩ đến mấy câu thơ của nhà thơ Nguyễn Bính tặng tôi — đưa con xứ Huế trong những năm đất nước bị chia cắt:

*Ngày muôn mẹ già hong
tóc trắng*

*Khắc nào mây núi đỉnh
Trương Sơn*

*Mẹ ơi giữ lấy vườn mai
nhé*

*Cho trái vườn xuân đẹp
bước con.*

Tôi đi đến các khu vườn Kim Long, An Cựu, Bến Ngự, Bao Vinh, Vĩ Dạ, nơi nào cũng vườn đầy hoa. Những chậu hoa tự biết mình đẹp bởi tay các cụ già, tháng năm miệt mài nuôi dưỡng để nở trăm màu sắc cho nụ cười người Huế tiếp đón mùa xuân.

Những lan, hồng, buê, thược dược, những cúc, phào, tiều quỳnh, trúc đường — biết bao nhiêu loại hoa trong mỗi mảnh vườn nhỏ nở cạnh những chậu sành trồng kiềng được uốn theo các hình điệu dáng, phong nhã mang tính chất một miếng đất đa tình.

Tôi đến thăm vườn hoa của anh Thiện ở An Cựu. Anh

đã kể tôi nghe về cách ghép những loại hoa hồng mà anh đã dày công hàng chục năm nay. Hồng có nhiều loại, nhiều tên. Hoa nào cũng một màu một dáng riêng của nó. Nghề trồng hoa, chơi hoa rất dày công, như nhà nghệ sĩ vừa làm điêu khắc vừa sáng tạo màu sắc cho hoa.

Anh An ở giữa thành phố — cuối đường Phan Bội Châu, không vườn không đất. Chỉ có chậu và bệ đặt trên thềm gác cao để trồng hoa. Cách trồng hoa, chăm hoa của anh rất kỳ công. Mùa nắng phải đưa nước lên tưới cho cây. Hoa vẫn nở đẹp trong ý nguyện của mình. Hoa giấy đủ màu bèn những cây uốn theo hình dáng con nai, con rồng, con phượng...

Huế vào dịp tết. Những ngày 28, 29, hoa đã được bày trên vườn Thương Bạc để đón xuân vui xuân. Người thành phố lấy hoa làm điểm tựa cho tuổi xuân của mình.

Hầu hết nhà nào cũng có cảnh mai cắm trong những lọ độc bình nhiều kiểu. Anh bạn tôi đặt trên bàn một chậu hoa hồng nhỏ, tô điểm cho căn phòng hẹp, trên bàn viết mấy câu thơ:

Mỗi gương mặt một cánh
hồng
Hương xuân đọng lại trái
lòng cùng ta
Sắc hoa nở giữa nắng mưa
Nên tay đã hẹn trở mùa
mai sau.

Tôi trở lại những tấm ảnh của các nhà nhiếp ảnh chụp

về các loài hoa qua các năm đã lên đường đi dự hội hoa xuân tại thủ đô Hà Nội. Nhìn ảnh đẹp, sáng sủa và cách chọn hình của các nghệ sĩ nhiếp ảnh chụp rất phong phú và sống động. Nhưng, tôi vẫn không thích bằng những cảnh hoa thực đã nở trước mắt người Hà Nội và được tấm tắc khen ngợi tâm hồn xứ Huế. Bao giờ hoa thật vẫn đẹp hơn, đó là điều

tất yếu. Nhưng dù sao những tấm ảnh đầy những cảnh hoa khác nhau đã in trong các trang báo và bưu ảnh cũng đã gọi cho những ai chưa có dịp vào thăm Huế mùa xuân. Mùa xuân đã nở từ hoa phượng, hoa sen trên miếng đất mùa hạ khi tôi đã mang nhiều nỗi ước mơ lúc trở về dù già rồi mà vẫn trẻ.

Minh họa của
Ngô Mạnh Lân





ẢO THUẬT

CÀNH HOA XUÂN

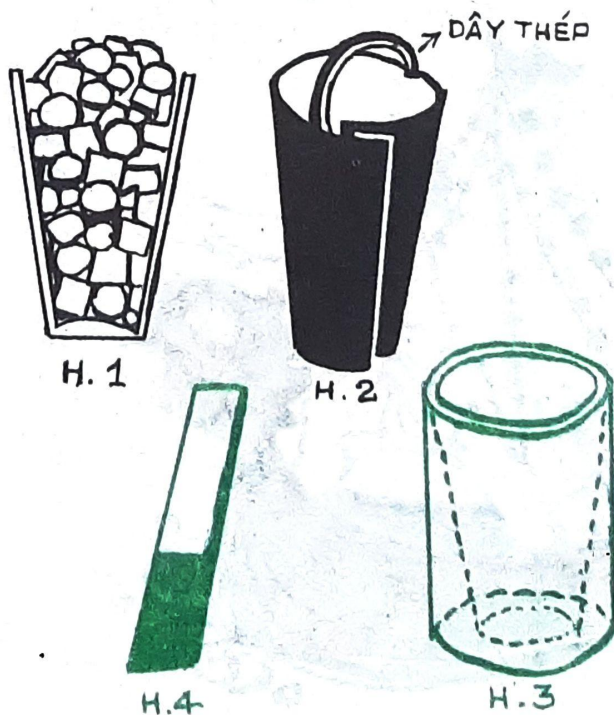
Trình cho mọi người xem: Một tấm bìa gấp đôi, một chiếc phong bì và một quân bài tu-lơ-khơ hay một mảnh giấy trắng. Bỏ quân bài vào chiếc phong bì, rồi đặt chiếc phong bì vào giữa tấm bìa đã được gấp đôi. Cắm tấm bìa xoay ba vòng trên tay, rồi mở chiếc phong bì ra, thì lạ chưa, quân bài đã hóa thành tấm bưu ảnh chúc mừng năm mới với một cảnh hoa xinh đẹp.

Mách nước

Thực ra thì người biểu diễn có một chiếc phong bì kép, tức là 2 phong bì dán ghép lưng vào nhau. Một bên thì bỏ quân bài tu-lơ-khơ, còn bên kia thì đã để khéo một tấm bưu ảnh có cảnh hoa đẹp.

Cắm tấm bìa xoay ba vòng là cốt để dầu mặt phong bì có quân bài và để lộ ra mặt phong bì có chiếc bưu ảnh với cảnh hoa đẹp.

Hai Vui



CỐC MỰC HÓA BÁNH KẸO

Trình cho khán giả xem một cốc mực đen. Để xác minh, người biểu diễn cầm một mảnh giấy trắng nhúng vào cốc mực; khi nhấc lên quả là một đầu mảnh giấy đã bị thấm mực đen. Dùng một ống giấy trùm lên cốc mực, khi gỡ ra thì lạ chưa, cốc mực đã hóa thành một cốc đầy bánh kẹo.

Mách nước

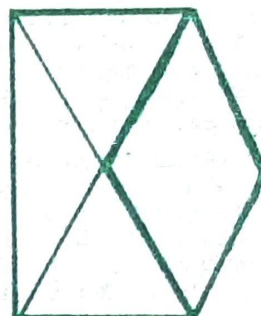
Bánh kẹo đã được bỏ sẵn trong một cái cốc thủy tinh (H.1). Làm một cốc không đáy (bằng giấy bìa sơn màu đen) bỏ vừa khít vào cái cốc thủy tinh để giả làm cốc mực đen. Trên

miệng cốc giả này cột một sợi dây thép nhỏ (H.2). Làm một ống giấy bằng bìa cứng có nắp hở để trùm bên ngoài cái cốc thủy tinh (H.3).

Chuẩn bị sẵn một mảnh giấy, một bên để trắng một bên thì có một đoạn sơn mực đen. (H.4). Mảnh giấy này nhằm để giả vờ xác minh rằng cốc thủy tinh đang đựng đầy mực đen.

Còn muốn cho cốc mực hóa thành cốc đầy bánh kẹo, ta chỉ cần dùng ngón tay móc vào sợi thép nhỏ để nhấc cốc giả lên cùng lúc với ống bìa cứng trùm bên ngoài, để lộ ra cái cốc thủy tinh đã đựng đầy bánh kẹo.

Thanh Hương



PHONG TỤC TẾT ĐÓ ĐÂY

Bun Pi-may

« Tháng giêng ăn tết ở nhà ».

Nếu tết Nguyên Đán của nhân dân ta đến vào tháng giêng âm lịch (tức là khoảng tháng hai dương lịch) thì tết cổ truyền Bun Pi-may của nhân dân Lào lại tới giữa tháng 5 đầu tháng 6 theo lịch Lào. Theo dương lịch, tết đó được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 4 hàng năm.

Đối với người già, đi dự các ngày « Bun », là lễ Phật, cầu phúc, cầu may. Còn đối với thanh niên thiếu niên, ngày « Bun » là dịp vui chơi thoải mái, múa hát vui vẻ, thi thố tài năng như bơi thuyền, đốt pháo thăng thiên.

Trước lễ tết, nhà nào nhà này cũng có cuộc tổng vệ sinh nhà cửa để tổng tiễn thần năm cũ và đón thần năm mới. Đến 13 tháng 4 tức là đêm giao thừa, mọi gia đình chuẩn bị đón mừng năm mới. Trong ngày tết Bun Pi-may có một phong tục độc đáo là té nước — « luot nam ». Người ta chúc tết nhau bằng té nước. Thông thường người chủ vừa nói những lời chúc mừng năm mới, vừa vạch cổ áo khách tưới đầm nước vào lưng, sau đó vỗ vào hai bên vai. Ở trong chùa và trong một số gia đình, nhà sư và chủ nhà có những chậu nước thơm, lấy cành lá vẩy vào cổ áo và hai bên vai tín đồ và khách.

Trên các đường phố hoặc đường làng, thanh niên và thiếu niên đã chuẩn bị sẵn đủ các loại chậu, gáo, thùng, bọm để té nước cho khách qua đường. Trong ngày tết mọi người cùng múa « Lâm vông », theo tiếng nhạc, lời hát rộn ràng. Các trò chơi, múa hát kéo dài tới đêm khuya.

Chon-chor-nam — Tết nước

Hội hè là sinh hoạt không thể thiếu được từ ngàn năm nay của nhân dân Cam-pu-chia. Riêng tết năm mới ở Cam-pu-chia rơi vào giữa tháng 4 và tháng 5 theo lịch Cam-pu-chia. Nhân dân bạn gọi lễ năm mới là Chon-chor-nam. Lúc này, mùa khô vừa chấm dứt, mùa mưa đang đến. Những cơn mưa đầu mùa đã bắt đầu tưới ải đất. Người nông dân chuẩn bị gieo lúa mùa « vóoc-xa ». Họ làm lễ cầu mưa cho mùa màng tươi tốt. Thanh thiếu niên tổ chức vui chơi, hát đối râm ran suốt đêm để bước vào năm mới, vào một mùa cây cối mới, mùa chính trong năm.



Vào Chon-chor-nam, nhân dân đến chùa đắp cát thành hình tháp rồi làm lễ tắm tượng Phật, tắm sư sãi và tắm cả dân làng. Nhưng sôi nổi, vui vẻ hơn cả là các trò chơi trong ngày tết. Trong các trò chơi như đá cầu chuyền, ném tạ, sét đánh (như chơi cù đất của nhân dân ta), nhảy lưới, giầu khăn, bịt mắt bắt dê, đánh đáo, kéo co, ném trái phết... bao giờ cũng chia làm hai phe nam - nữ. Người dân Cam-pu-chia tin rằng trong những hội mùa như vậy, sự ganh đua nam nữ, kết thúc với thắng lợi của bên nữ, là tượng trưng cho mưa thuận gió hòa, thóc lúa dồi dào, mùa màng tươi tốt vì nữ gắn liền với mặt trăng, với nước.

Tháng 4 tháng 5 là mùa hội lớn, là tết thứ nhất của nhân dân bạn. Tháng 11, 12 là mùa hội lớn thứ

hai, một tết nữa : Tết nước, kết thúc mùa mưa, mở đầu mùa nắng, mùa làm ruộng khô.

Tháng 11 vào đêm trăng tròn nhà nào nhà này đều thả thuyền xuống nước. Thanh niên trai tráng từng đoàn 30—40 người chèo xuống có các vị sư sãi dẫn đầu đám hội diễn trên mặt sông. Mọi người ăn mặc lộng lẫy, người trên thuyền vừa chèo vừa hát, chiếu trăng vang lừng. Ban đêm các thuyền, các xuống đều treo đèn rực rỡ. Lễ nước kéo dài 3 ngày 3 đêm. Đêm cuối người ta chăng qua sông một chiếc dây bằng da trâu. Người cầm đầu hội ngồi thuyền ra giữa dòng, dùng gươm chặt đứt dây với ý nghĩa ra lệnh cho nước phải rút về biển.



Ở Nhật cũng có tục trồng cây nêu tết như ở ta. Chỉ có khác cây tết Nhật trồng trong nhà. Đúng giao thừa, khi chuông chùa gióng trồn 108 tiếng mọi người đều lên giường đi ngủ. Sáng mồng một, mọi người đều dậy thật sớm ra đường đón ánh mặt trời năm mới rồi vào bệ cảnh nêu làm bữa ăn bữa cỗ đầu năm. Qua rằm tháng giêng, người ta đốn các cây nêu lại ở cổng làng rồi đốt, vì tin rằng làm như vậy sẽ ngăn được tà ma ám hại dân lành.

Ở Ai Cập, Ma-rốc, An-giê-ri, ngày tết mọi người cùng mặc áo choàng mới, sắm tự trước. Ai nấy tin rằng như vậy suốt năm sẽ làm ăn khấm khá.



Tại Triều Tiên, các bạn gái ngày tết rất thích thi nhảy cao. Người lớn thì không ngủ đêm giao thừa để sẽ trẻ lâu. Sau bữa cơm đầu năm, mọi người ra đường đi chơi vui vẻ.



Ở Bun-ga-ri vào ngày tết có hội diễu hành hóa trang. Các bạn thiếu niên, các anh chị thanh niên ăn mặc hóa trang, đeo mặt nạ. Ngay từ sớm họ kéo nhau ra đường phố hát hò nhảy múa vui vẻ. Cách làm và trang trí mặt nạ được giữ kín. Ai làm mặt nạ độc đáo nhất sẽ được giải thưởng.



Ở Ấn Độ vào ngày tết có tục lệ tổ chức bắn chày điều giấy. Điều to, được trang trí màu sắc long lẫy rồi thả lên. Khi điều đang bay lượn trên trời xanh, một tay cung cừ khò nhằm thẳng điều bắn một mũi tên lửa. Khi điều cháy bùng thì mọi cuộc vui bắt đầu. Người ta ca hát, nhảy múa, hoạt động thể thao.

Còn ở Áo, ngày tết nhân dân coi người nạo ống khói và lợn là biểu tượng hạnh phúc. Ngoài phong tục gặp người nạo ống khói như ở Đức, mâm cơm ngày đầu năm phải có thịt lợn. Sở dĩ trước sẽ đúc những đồng tiền đặc biệt có hình em bé cười lợn.

Ở Đức, một số vùng hề thấy người nạo ống khói xuất hiện ngoài phố sáng mùng một, mọi người chạy theo anh ta để « xoa mồ hóng ». Họ cho rằng càng « đen » càng có nhiều... vận đỏ.



Ở Liên-xô, tuần lễ đầu năm dành cho thiếu nhi. Các cuộc liên hoan, diễn kịch, chiếu phim được tổ chức ở khắp các cung thiếu niên. Món ăn mà trẻ em yêu chuộng nhất trong những ngày tết là kem gói.

Ở Cu-ba tối hôm trước tết, các em viết thư kể thử quả mong ước nhất rồi đặt thư vào đôi giày để ở gần giường. Sáng hôm sau, thử quả đó đã có: cha mẹ thưởng em ngoan mà.

Ngày tết ở nông thôn Hung-ga-ri trước lúc giao thừa, mọi người nhóm lò và đếm sao lửa. Theo tục lệ đó: lò tóe ra bao nhiêu sao lửa thì mùa xuân năm đó chủ nhà có bấy nhiêu gà nở. Chỉ có trẻ em mới được giao cho việc đếm này. Đếm xong, chủ nhà lấy quả bồ đào khao các bạn nhỏ đã làm được việc tốt.

Ở Mê-hi-cô, đêm giao thừa thành phố được chăng đèn kết hoa thật đẹp. Ở các công viên đều có đặt những mành cho chim ăn do trẻ em làm

ra. Người lớn tổ chức bán đồ chơi dân tộc rẻ tiền cho các em con nhà nghèo khó. Kết thúc cuộc vui đêm giao thừa là tục lệ đập vỡ quả cầu to có vẽ trang trí đẹp và bèn trong chứa đầy... bánh kẹo.



Ở Cô-lôm-bi, trong ba ngày tết, nhiều vùng người ta thi nhau bôi vào mặt, vào tay mỗi hôm một thứ phẩm màu khác nhau: đen, trắng, vàng... gặp nhau họ chúc lời vui. Riêng ba ngày tết họ được phép nói đùa và đánh lừa vui.

Ở Xcốt-len, khi chuông giao thừa vừa điểm, chủ nhà mở toang cửa tổng tiền năm cũ, đón năm mới. Rồi khách quen, lạ đều được đón tiếp niềm nở. Người khách thường đem theo một cục than ném vào lò và chúc cho bếp lửa trong gia đình không bao giờ tắt.



Ở Pháp đến giờ giao thừa, các ông chủ nhà xuống hầm rượu, gõ ba lần vào thùng rượu để chúc tết thần rượu và đuổi ma quỷ. Ma quỷ chẳng thấy đâu mà có khi chưa gõ hết lượt thùng thì ông chủ nhà đã bị « ma men » làm say bị tí...



Tại Phần Lan, nhân dân cũng tằm tất niên. Người ta tin tằm như thế cho trôi hết những gì không may trong năm cũ. Bữa ăn đầu năm ai nấy cố ăn cho no mới hy vọng suốt năm làm ăn khấm khá.

Minh họa Tạ Lưu

VUI CƯỜI

CHUYỆN VUI

1 — Cháu yêu của bà, cháu hãy giải thích theo khoa học cho bà rõ tại sao trước tiên bà nhìn thấy chớp rồi sau đó mới nghe thấy sấm?

— Bà ơi, tại vì mắt bà ở phía trước tai bà đấy.

2 — Vô-va hỏi bố :

— Bố ơi, bố không sợ gì cả chứ?

— Bố chẳng sợ gì cả?

— Thế thì bố hãy đọc xem cô giáo viết gì cho bố trong sổ liên lạc của con...

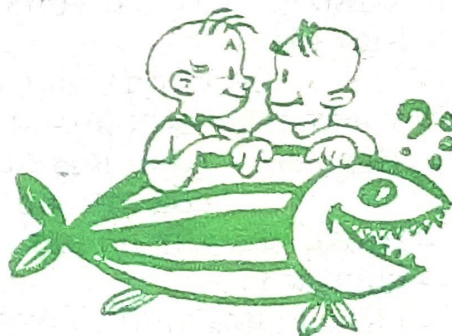
3 — Tại sao em bé của cậu lúc nào cũng khóc thê?

— Nếu như cậu không có răng, không có tóc, lại chẳng biết nói chẳng biết đi thì cậu cũng... khóc suốt ngày thôi!

Minh Châu sưu tầm



CÁ ƯƠN



Hai bạn học cùng lớp nói chuyện với nhau.

— Này, tại sao nước biển lại mặn nhỉ?

— Có thể mà cũng không biết. Nếu nó không mặn thì cá biển ươn hết chứ còn gì!

Trung Tự sưu tầm

CÙNG TẢ MỘT CON MÈO

Thầy giáo :

— Em An, tại sao bài tập tả con mèo của em lại giống như đúc từng chữ một với bài tập làm văn của chị em?

Học trò :

— Thưa thầy, tại vì hai chị em em cùng tả một con mèo ạ!

T.T.

MỤC LỤC

		Trang
— MỘT CÁI TẾT	Bích Thuận	1
— SÔNG ĐÀ, MÙA XUÂN TRONG MÙA HẠ	Ngô văn Phú	4
— NGỌN LỬA	Đỗ Chu	7
— CẢNH CHIM GỌI MÙA XUÂN	Nguyễn Thị Văn Anh	9
— HUYỀN THOẠI VỀ MỘT DÒNG THÁC	Hoài Vũ	13
— MẤY SẮC HOA TẾT	Giang Hà Vy	18
— CÂY CHỒ HIỆP SĨ	Mai Ngọc Uyển	19
— BÀI CA NGƯỜI HÁT RONG	Anh Đức	20
— CỎ MÙA XUÂN	Nguyễn Thanh Toàn	23
— CHO EM MỘT CẢNH ĐÀO	Cầm Thơ	25
— MÙA XUÂN TRÊN NÚI	Lương Xuân Đoàn	—
— CẦU VỒNG RỪNG	Trúc Chi	—
— TẾT NGUYÊN PHONG THẮNG GIẶC	Lê Văn — Thăm Đức Tự	26
— KỶ NGHỈ HÈ ĐẦU TIÊN	Lê Hữu Thuần	32
— NGHÌN CÂY SỐ HOA	Vân Long	37
— MÙA XUÂN	Mai Văn Hai	38
— MỘT MÙA XUÂN	Hà Ân	—
— THEO VẾT CHÂN NGƯỜI ĐÀN BÀ LẠC RỪNG	Đoàn Giới	40
— ĐU BAY	Định Hải	45
— ĐÀN CHIM ÉN	Xuân Tùng	46
— LỜI SÔNG ĐÔNG	Vũ Hạnh Thắm	—
— VỢ-LA-ĐI VỐT-XTỐC — THÀNH PHỐ XANH	Khánh Chi	—
— BÍ MẬT G.T2	Thanh Sơn	47
— ANH BỘ ĐỘI OI!	Thái Cơ	49
— BẠN CÓ BIẾT	V. Sưu lăm	51
— TIẾNG CHIM TRONG VƯỜN BÁC	Nguyễn Quỳnh — Huy Toàn	52
— NHỚ LẠI	Việt Anh	56
— KHI HỌA MI CẤT TIẾNG CA	Ma-ri Lu-y-dơ Ve	58
— TÔI TRONG VƯỜN HOA XỨ HUẾ	Hải Bằng	61
— TRÒ VUI: — CẢNH HOA XUÂN	Hai Vui	63
— CỐC MỰC HÓA BÁNH KEO	Thanh Hương	—
— PHONG TỤC TẾT ĐÓ ĐÂY	Thu Hoài — Hoài Giang	64
— CHUYỆN VUI	Trung Tự, Minh Châu sưu tầm	12, 67
— EM VUI CHƠI TRONG CÔNG VIÊN LÊ-NIN	Nguyễn Hà Hải	Bìa 4

Bìa của MAI LONG

Mình họa của:

NGUYỄN BÍCH — ĐẶNG ĐỨC SINH — TRẦN GIA BÍCH
 NGÔ MẠNH LÂN — TRƯỜNG THANH — BÙI XUÂN PHẢI
 NGUYỄN PHÚ KIM — THẨM ĐỨC TỰ — TRẦN VĂN THỌ
 VŨ DUY NGHĨA — PHAN ĐOẢN — HUY TOÀN — TẠ LỰU

Trình bày: THY NGỌC — NGUYỄN PHÚ KIM

Biên tập chính: ĐỊNH HẢI

Sửa bản in: BÙI ANH — LƯU LY — Y NGUYỄN

In 50.200 cuốn tại Nhà máy in Trần Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Khổ: 19 x 27 — Số sản xuất: 06/KĐB — Số in: 002/1983

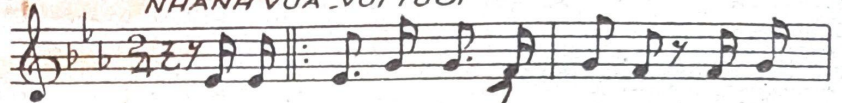
In xong tháng 1-1983 — Gửi lưu chiến tháng 1-1983.

em vui chơi trong công viên

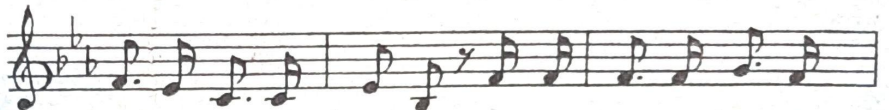
Lênin

Nguyễn Hà Hải

NHANH VỮA - VUI TƯƠI



Em đi trong bóng mát bao tán cây, Chân bước



êm bên thảm cỏ xanh rờn. Xung quanh em tươi thắm bao



sắc hoa rực rỡ trong công viên Lê - nin

Bên hồ

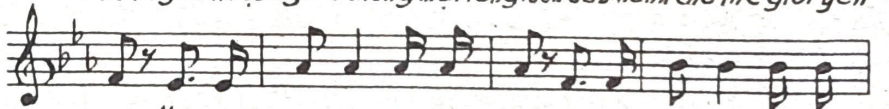
Em cũng



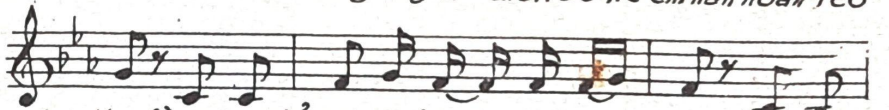
nước bao la. Kià hàng dừa xanh đang nghiêng mình soi
nhớ ông Lê - nin. Người chỉ đường cho bao dân nghèo tranh



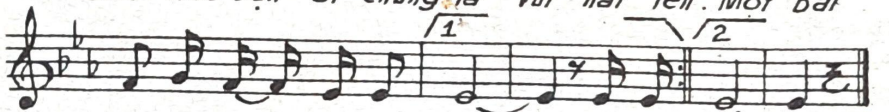
bóng. Hòn đảo nhỏ trên mặt hồ như lắng nghe bao con sóng reo
đầu. Ngàn triệu người chung một lòng luôn đấu tranh cho thế giới yên



ca. Nào bạn ơi ta chơi đu quay. Nào bạn ơi ta đi bơi
vui. Đẻ trẻ em tung tăng đi chơi. Đẻ trẻ em hân hoan reo



thuyền. Cùng Thủ đô chúng ta vui hát lên. Chào ngày
cười. Nào bạn ơi chúng ta vui hát lên. Một bài



vui trong công viên Lê - nin. (Em đi...)

ca nhớ ông Lê -

nin.